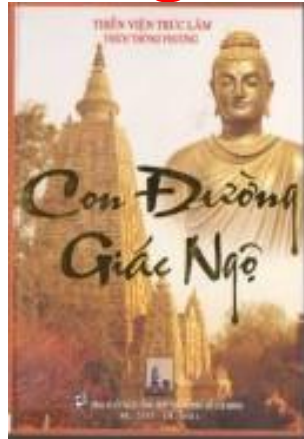


Con Đường Giác Ngộ



HT Thích Thông Phương

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 25-06-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

01. LỜI ĐẦU SÁCH

02. THỂ GIAN VÔ THƯỜNG

- I. VÔ THƯỜNG LÀ MỘT CHÂN LÝ
- II. KHÉO SỐNG TÙY DUYÊN
- III. QUÍ TIẾC THỜI GIAN
- IV. NGHĨA SÂU CỦA VÔ THƯỜNG
- V. TÓM KẾT

03. THỪA KẾ NGHIỆP

- I. THỪA KẾ NGHIỆP
- II. TU LÀ CHUYỂN NGHIỆP
- III. KHÔNG LÀM NHÂN QUẢ

04. CÁI MÊ TRUYỀN KIẾP

- I. THẾ NÀO LÀ CÁI MÊ TRUYỀN KIẾP?
- II. HỌC PHẬT LÀ HỌC TỰ NGÃ
- III. CON ĐƯỜNG VÔ NGÃ
- IV. TÓM KẾT

05. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

- I. THÂN NGƯỜI KHÓ ĐƯỢC, PHẬT PHÁP KHÓ NGHE
- II. CÓ ĐẠO LÀ QUÍ
- III. BẢN CHẤT TÂM BỒ-ĐỀ
- IV. TÓM KẾT

06. YẾU CHỈ TÂM KINH BÁT NHÃ

- I. DẪN NHẬP
- II. TINH THẦN BÁT-NHÃ LÀ PHÁ CHẤP, PHỦ ĐỊNH
- III. KHẲNG ĐỊNH
- IV. VƯỢT QUA DẤU VẾT VĂN TỰ NGÔN NGỮ
- V. TÓM KẾT

07. TAM NHÂN PHẬT TÁNH

- I. CHÁNH NHÂN PHẬT TÁNH
- II. DUYÊN NHÂN PHẬT TÁNH
- III. LIỄU NHÂN PHẬT TÁNH
- IV. CON ĐƯỜNG TU TẬP
- V. TÓM KẾT

08. PHẬT PHÁP ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY

- I. ĐƯA NGƯỜI GIÁP MẶT SỰ THẬT, CHỨNG NGHIỆM CHÂN LÝ
- II. BA THỨ BÁT NHÃ
- III. NHÂN MẠNH SỰ CHỨNG NGHIỆM
- IV. TÓM KẾT

09. THIỀN LÀ SỐNG NGAY THỰC TẠI

- I. SỐNG LÂM, MẮT MÌNH
- II. SỐNG NGAY THỰC TẠI, BÂY GIỜ
- III. BUÔNG CHỖ DUYÊN
- IV. TÓM KẾT

10. CÁI BIẾT SÁNG NGỜI MUÔN THUỞ

- I. THỨ NHẤT: LÀ AI CŨNG CÓ BIẾT
- II. THỨ HAI: LÀ ĐEM CÁI BIẾT ĐI TÌM BIẾT
- III. THỨ BA: THIỀN SƯ ĐÁNH THỨC NGƯỜI TRỞ LẠI
- IV. THỨ TƯ: THIỀN TRONG CUỘC SỐNG

11. GIẢI THOÁT TRI KIẾN

- I. TRI KIẾN MÊ LÂM
- II. TRI KIẾN NHƯ THẬT
- III. PHƯƠNG TIỆN TRỞ VỀ
- IV. TÓM KẾT

---o0o---

01. LỜI ĐẦU SÁCH

Học Phật là giác ngộ. Tu Phật là đi trên đường giác ngộ. Bởi đạo Phật là đạo giác ngộ. Như vậy, giác ngộ là điều không thể thiếu đối với người học Phật và tu Phật. Nhưng giác ngộ có cạn, có sâu, tùy theo trình độ của người. Giác ngộ thế gian vô thường, giác ngộ nghiệp báo, giác ngộ mê lầm chấp ngã, giác ngộ nghĩa KHÔNG của Bát-nhã, giác ngộ Phật tánh nơi mỗi chúng sinh, giác ngộ chân tâm rõ ràng thường biết... Đây là ánh sáng giác ngộ dẫn đường cho chúng sinh trở về cội nguồn chân thật xưa nay đã tự quên mất.

CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ, là tập sách được ghi lại từ những bài giảng, mong rằng sẽ đem lại một chút ánh sáng trên đường giác ngộ cho người trở về quê GIÁC.

Tuy nhiên, con đường giác ngộ chân thật vốn không nằm trên những chữ nghĩa chết này, mà ở ngay trong tâm của mỗi người. Do đó, để có được những bước đi chắc thật, người học Phật phải là những hành giả thực sự, chớ không thể chỉ tự hài lòng trên kiến thức văn tự. Những dòng chữ này không thể ghi lại ánh sáng giác ngộ chân thật.

Người học cần mở sáng "con mắt Tuệ" nơi chính mình.

Và công đức pháp thí này xin được hồi hướng cho tất cả!

Thiền Viện Trúc Lâm

Mừng Ngày Phật Thành Đạo

Năm Canh Dần - 2010

THÍCH THÔNG PHƯƠNG

---o0o---

02. THẾ GIAN VÔ THƯỜNG

I. VÔ THƯỜNG LÀ MỘT CHÂN LÝ

Thứ nhất, nói đến vô thường, đó là một chân lý. Dù cho có Phật ra đời hay Phật không ra đời thì thế gian cũng là vô thường, vẫn luôn biến dịch không đứng một chỗ. Hiểu được thế thì cuộc sống của chúng ta bớt vướng mắc và cõi

mở nhiều hơn. Lâu nay, Phật tử đã nghe, hiểu được thế gian là vô thường, nhưng nghe mà có luôn nhớ như vậy không?

Nghe thì nghe vô thường, nhưng gặp chuyện vô thường cũng buồn cũng khổ. Nên hôm nay đưa ra đề tài này để giúp Phật tử nhận sâu thêm đạo lý này, tức là đem Phật pháp vào cuộc sống thế gian luôn biến dịch thay đổi này.

Người xưa có câu nói “Thương hải tang điền” tức là biển cả có lúc sẽ biến thành ruộng dâu, ruộng dâu cũng có thể sẽ biến thành biển cả. Đúng là như vậy.

Hiện nay, có nơi đã lấp biển thành đồng bằng. Quý Thầy vừa viếng thăm nước Hà Lan (Holland) thấy người ta cũng lấp biển thành đồng bằng làm nơi cư trú. Vậy nói biển cả biến thành ruộng dâu quá rõ ràng. Rồi cũng có những chỗ ruộng dâu biến thành biển cả. Như vậy, thế gian không hề đứng yên một chỗ hay dừng lại mà con người lại cứ luôn muốn nắm bắt nó đứng một chỗ, nên chúng ta khổ là vậy đó.

Ví dụ, ở đời ai sanh ra rồi cũng phải lớn lên, già rồi chết, đó là lẽ thường. Tất cả sự biến đổi trong thế gian này đều phải trải qua như vậy. Còn chúng ta thương mến ai thì muốn gặp hoài, không muốn rời không muốn mất, nên khi mất thì khổ. Là Phật tử chúng ta hiểu rõ định luật vô thường luôn chi phối tất cả, như có câu “*không thể tắm hai lần trong một dòng sông*”, tức là khi vừa tắm lên rồi trở xuống nữa thì dòng nước khác trên kia đổ xuống, không phải dòng nước lúc trước nữa rồi.

Trong đời sống hằng ngày cũng vậy, đi đâu cảnh đẹp thì chụp hình để giữ lại, mà có giữ được không? Thấy cảnh hay, cảnh đẹp muốn giữ lại cho lâu mà giữ không được. Bởi vì thế gian là luôn thay đổi. Xưa, vua Trần Nhân Tông khi đi tu, Ngài lập ra phái Thiền Trúc Lâm nên gọi là Sơ Tổ Trúc Lâm. Trong bài kệ “Đăng Bảo Đài Sơn” tức là “Lên núi Bảo Đài” trong đó có câu:

Vạn sự thủy lưu thủy

Bách niên tâm ngữ tâm.

Dịch:

Muôn việc nước trôi nước

Trăm năm lòng nhủ lòng.

Muôn việc trên đời này như nước trôi nước. Dòng nước này đẩy dòng nước khác, cứ đẩy tới, đẩy tới không dừng, cuộc đời cũng vậy cứ đi tới, đi tới thôi. Rồi “*trăm năm lòng nhủ lòng*”. Tâm mình luôn nhắc nhở với lòng của mình, sự đời nó luôn biến đổi. Thấy đúng lẽ thật như vậy thì sẽ bớt khổ, nhẹ khổ.

II. KHÉO SỐNG TÙY DUYÊN

Hiểu được ý nghĩa thế gian là vô thường rồi thì Phật tử khéo biết sống tùy duyên, vì tùy duyên nên không cố chấp sẽ bớt khổ rất nhiều. Người ta sợ dĩ khổ vì cứ lo bám níu, cái gì qua rồi cố giữ lại, mà giữ không được tức là bất như ý thì khổ thôi.

Và nếu ai sống như vậy là sống với quá khứ mà quên hiện tại. Những người lớn tuổi lâu lâu ngồi nhớ lại một thời oanh liệt của mình rồi tiếc, rồi buồn, như vậy là quên mất cuộc sống hiện tại. Nếu người khéo biết tùy duyên thì cuộc sống trôi chảy, mới mẻ, cởi mở rất nhiều.

Xưa, trên tỉnh cao nguyên miền Đông Tây Tạng, có một ông lão vợ mất sớm nên sống với người con trai duy nhất trong lều đá. Suốt ngày ông không ngừng quay bánh xe cầu nguyện rồi đọc câu chú “Án ma ni bát di hồng”, đưa con trai thì yêu quý con ngựa duy nhất của nó.

Một hôm, con ngựa đi đâu mất, tìm mãi không thấy, mấy người hàng xóm thấy cảm thương cho ông. Vì ông chỉ có đứa con trai, và một con ngựa để giúp việc mà cũng mất nên họ giúp ông đi tìm. Tìm hoài không thấy, họ cảm than cho ông đã nghèo hẩm hiu lại gặp cảnh này nữa. Tuy vậy, ông cũng có tâm hiểu đạo nên bình thản nói với mọi người: “*Các bạn thân mến, thôi cũng đừng than thở làm gì, cái đến cái đi với tôi, tôi đều thâm cảm tạ hết, cứ đợi đó đi rồi sẽ thấy*”. Vài hôm sau con ngựa đó trở về, còn dẫn thêm một con ngựa hoang nữa theo, vậy là được thêm con ngựa thứ hai. Mấy người hàng xóm thấy vậy đến chia vui. Lúc trước thì chia buồn, giờ là chia vui, mừng ông có thêm con ngựa nữa. Nhưng ông vẫn bình thường quay bánh xe như mỗi ngày, và nói: “*Tôi cũng hết lòng cảm tạ sự việc này, nhưng đâu biết được. Thôi thì hãy đợi! Rồi sẽ thấy nữa chứ tôi không vội mừng*”. Khi mất ông không vội buồn, lúc được cũng không vội mừng, biết sống tùy duyên như vậy là đã bớt khổ rồi.

Vài tuần sau, đứa con trai thấy có thêm con ngựa nữa, mừng nên leo lên cỡi. Nào ngờ nó lờ ngựa hoang chưa thuần nên nhảy loạn xạ làm anh té gãy chân. Lúc này hàng xóm mới đến chia buồn an ủi: “*Mới đâu tưởng đâu là may, ngờ đâu nó làm con ông gãy chân, lại là đứa con duy nhất nên phải cực khổ lo cho con nữa*”. Ông vẫn bình thản, nói: “*Cảm tạ đức Quán Thế Âm. Dù sao con tôi vẫn còn ở bên tôi*”.

Ông là cư sĩ mà hiểu lý vô thường như vậy nên đâu có buồn, nếu là chúng ta mà gặp trường hợp giống như ông lão chắc buồn lắm! Nhưng ông vẫn bình thản cảm tạ Bồ-tát Quán Thế Âm, vì đứa con này còn ở gần bên ông, chưa chết

là vẫn còn may mắn. Chúng ta nhìn sự việc sáng suốt một chút thì mọi việc sẽ đổi thay.

Không lâu, có giặc xâm lăng đất nước, lệnh vua ban xuống bắt thanh niên đi chiến đấu ở biên thùy. Những người trai tráng trong làng đều vào quân ngũ, đưa con trai ông nhờ gãy chân nên được miễn. Hàng xóm lại đến chia vui. Ông hát một bài kệ tặng cho đứa con về đạo lý này, đây cũng là bài kệ cho chúng ta học luôn.

Cuộc đời mãi quay nhanh,

Lên xuống như bánh xe nước.

Thân này đã hiện hữu bao lần, quay tròn vô tận,

Thân này đã lấy hàng ngàn dạng hình khác nhau,

Mỗi vạn hình lại hủy hoại, lại hình thành

Như đất sét ướt thành hình trên bánh xe người thợ gốm.

Tức là cuộc đời cứ quay nhanh như bánh xe nước, quay đều quay đều như vậy. Thân này đã hiện hữu nơi đây nhiều vô tận, không biết bao nhiêu lần chứ không phải lần này. Nghĩa là trong cuộc luân hồi thân này sanh rồi diệt, sanh rồi diệt đến hôm nay là đã vô số lần rồi, giống như bánh xe, quay đều như vậy.

Cho nên, muôn vạn hình bị hủy hoại lại hình thành, chết rồi lại sanh như đất sét ướt làm thành bánh xe của người thợ gốm.

“Cái thấp sẽ lên cao, cái cao sẽ xuống thấp.

Rồi một ngày, cứ đợi đi

Cái tối tăm sẽ sáng tỏ, người lảm của sẽ mất gia sản, mọi hình thái sẽ đổi thay”

Sự đời vô thường là như vậy đó, không có đứng yên một chỗ. Thấp cao, tối sáng luôn thay đổi với nhau.

Nó không tối tăm mãi, cũng như đêm rồi sẽ sáng, và người lảm của có lúc sẽ mất gia sản. Nhiều lúc lảm của bị tai nạn nào đó, như hỏa hoạn hay nước lụt v.v... rồi cũng mất, tức là mọi hình thái sẽ đổi thay và đổi thay v.v...

“Trong trò nhảy múa vô tận của hai mặt nhị nguyên”.

Đây là cái trò chơi tương đối mà ông gọi là nhị nguyên.

“Con ơi, nếu con là một đứa trẻ đặc biệt

Người ta sẽ khám phá ra con thuộc một dòng tái sinh

Và cho con vào tu viện với các Lạt-ma

Nếu con khôn ngoan và ăn nói trôi chảy

Người ta sẽ cho con làm việc văn phòng

Và cột mình sau một cái bàn viết.

Mỗi con ngựa tặng cho con một đống chuyện phải làm,

Mỗi giàu sang chấm dứt bằng sự tranh chấp”.

Mỗi con ngựa tặng cho con một số chuyện phải làm tức là phải nuôi ngựa, phải lo cho nó cái này, cái kia v.v... một số việc. Còn mỗi giàu sang thì chấm dứt bằng sự tranh chấp. Giàu sang thì luôn tranh chấp với nhau.

“Ai biết được, ngày mai nghiệp nào sẽ ào tới.

Ngày hôm nay gieo gì, một kiếp nào nó sẽ chín,

Sẽ gặt trọn vẹn, đó là điều chắc chắn.

Vì thế, hãy tốt với mọi điều, vô tâm không phán đoán,

Không tham cầu điều xấu ác,

Tất cả thêm hay bớt, được hay thua, đều chỉ là ảo ảnh”.

Ngày mai này việc nào sẽ tới với mình chưa biết được. Hôm nay, mình gieo cái gì thì một kiếp nào đó nó sẽ chín, quả đó mình sẽ hưởng. Nay gieo nhân tốt lúc nào quả chín mình sẽ hưởng quả lành, nay gieo nhân xấu quả chín mình cũng sẽ hưởng quả đó; chưa biết chắc được thời gian nhưng rồi sẽ gặt hái đó là điều chắc chắn. Nên ông khuyên ngay đây hãy sống tốt với mọi điều. Muốn hưởng quả ngọt thì phải trồng cây ngọt, chứ trồng cây chua mà đòi hưởng quả ngọt thì đâu có. Tất cả thêm hay bớt, được hay thua đều chỉ là ảo ảnh, không phải bận tâm nhiều.

“Đừng hy vọng cũng đừng sợ hãi con ơi!

Đừng mong cầu và vì thế cũng chẳng thất vọng”.

Không mong cầu thì đâu có thất vọng. Sở dĩ có thất vọng là do mong cầu nhiều quá, mong cầu càng nhiều thì thất vọng càng lắm. Ít mong cầu thì ít thất vọng.

“Chấp nhận tất cả, nó đến hay nó đi

Và sống thuận theo lẽ trời lỏng lẻo.

Hãy thật giản dị, chẳng lo âu

Và sống thuận theo Phật tánh đang ở trong con,

Và yên nghỉ trong niềm vui của tự tính.

Con có thể bắn bầu trời bằng bao nhiêu mũi tên,

Bao nhiêu cũng được con à!

Nhưng chúng sẽ rơi trở lại xuống đất tất cả”.

Tức là mình bắn bao nhiêu mũi tên lên trời nó cũng sẽ rơi xuống. Ông khuyên nên chấp nhận tất cả. Nó đến hay nó đi đều bình thản không chối bỏ, sống thuận theo nhân quả. Bởi vì mình biết rõ mọi việc đều không phải tự nhiên đều có nhân có quả, nhân quả đến thì cứ tùy thuận theo rồi nó sẽ qua. Ông khuyên hãy sống thật giản dị chẳng lo âu, khéo thuận theo Phật tánh đang ở trong ta, sống trong niềm vui của tự tánh.

Vậy, Phật tử chúng ta đã rõ thế gian là vô thường luôn biến đổi, thì phải khéo sống tùy duyên, thuận theo Phật tánh trong chính mình, tức là tâm giác ngộ, tâm sáng suốt thì sẽ bớt khổ.

Rõ ràng cuộc đời là vô thường, luôn luôn biến đổi, tất cả mọi thứ trên đời này chỉ là tương đối, không hề có cái hoàn toàn tuyệt đối. Nhưng người ta ai cũng luôn muốn mọi việc hoàn hảo, muốn cái gì cũng luôn trọn vẹn. Vì muốn mà không được nên khổ. Hiểu vậy rồi chúng ta biết sống tùy duyên thì sẽ bớt khổ, còn muốn được hoàn toàn trọn vẹn khi nó không được thì sẽ bất như ý và khổ thôi!

Ví dụ hai vị huynh đệ chơi thân với nhau, thời gian lâu gặp lại người bạn cũ thì hết thân với mình rồi. Lúc ấy chúng ta giận tức, nghĩ là đã phản bội thế này thế kia. Người này nghĩ trong tâm là tình bạn trước sau phải trọn vẹn mà nay thay đổi nên buồn khổ. Cũng không có gì lạ! Đó là luật tương đối của thế gian. Tâm con người luôn biến đổi vô thường, tất cả đang sống trong mê lầm,

sanh diệt và luôn đổi thay, khi thấy nó đổi thay thì cũng hiểu là lẽ thường thôi! Chính mình cũng vậy, tâm mình cũng vô thường. Khi mới tu nhiệt tình sẵn sàng bỏ hết để học đạo, nhưng có khi chừng năm, bảy năm thì yếu dần dần! Đó là do tâm vô thường nên thay đổi. Hiểu rồi khéo thuận theo nhân quả vô thường và sống với tâm sáng suốt của mình, sống với Phật tánh sẵn có nơi mình. Đó mới là cái không mất. Nếu ở đời biết khéo sống có đạo lý, khéo biết tùy duyên thì dù ở ngoài đời nhưng vẫn vui sống có đạo.

Như ông lão này, không vào chùa nhưng khéo biết ứng dụng Phật pháp vào trong thế gian nên gặp cảnh nào ông cũng vui hết. Được cũng vui, mất cũng vui, bình thản. Bài kệ Cư Trần Lạc Đạo của vua Trần Nhân Tông: *“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên”*. Ở ngay thế gian mà biết đạo và vui với đạo, còn không biết thì sẽ khổ.

Có câu chuyện về một bà già, là mẹ của một vị thầy Tây Tạng. Bà không hiểu giáo lý nhiều, nhưng những gì đã hiểu, bà đều ứng dụng được vào cuộc sống và giúp đỡ những người xung quanh sống như vậy. Khi đó, có một bà hàng xóm chồng vừa chết nên buồn khổ khóc lóc, sang nhà vị thầy Lạt-ma để tìm chút an ủi nhưng thầy đi vắng và gặp bà mẹ. Nhân đó, bà an ủi rằng: *“Con đau khổ như vậy cũng phải nhưng cũng không cần thiết, vì tất cả cái gì nó có sinh thành thì phải có tan rã, hoại diệt để trở về nguồn gốc của chúng. Không ai tránh khỏi cái chết, mọi sự đều vô thường, hiểu được như thế cũng là may mắn lắm”*. Ý nói: Vì mọi sự đều vô thường, đã có sanh ra thì phải có chết, không ai tránh khỏi. Muốn nó không chết thì là khổ thôi! Đã không tránh khỏi thì sợ cũng không được, biết chắc như vậy, thì tùy duyên!

Lúc đó, người đàn bà cũng chưa hết buồn nên bà an ủi thêm: *“Thôi khóc thì cứ khóc, cứ bứt tóc đi! Sau đó, con phải biết nghĩ lại và bớt buồn, đừng quên cái tâm trạng buồn khổ này nó cũng vô thường, nó không có thực thể, như mây như gió và nó cũng vui đi như mọi thứ trên đời này. Ta là một bà già, đã từng buồn từng khổ, từng thấy nhiều người thân đến rồi đi, nên lời khuyên của ta cho con là: đừng mang vào lòng bất cứ cái gì cả”*.

Bà khuyên rằng con buồn con khổ nhưng mà con cũng phải nghĩ lại để bớt buồn. Đúng là bà chưa phải là bậc thầy nhưng mà những lời nói của bà đúng là bậc thầy. Bà nói rằng cái tâm trạng buồn khổ của con cũng vô thường, có gì đâu! Buồn cách mấy đi nữa thì cũng chừng năm ba tháng, có buồn trên một năm đi nữa cũng phải bớt buồn. Có ai buồn hoài suốt đời không?

Tâm trạng cũng là vô thường, do chúng ta cố chấp nên thấy khổ. Nên bà nói nỗi buồn cũng như mây như gió, có lúc nó cũng vui đi, khỏi phải lo nhiều. Rồi bà chứng minh cụ thể là ngay chính như bà, cũng đã từng mất cha, mất mẹ, mất người thân, gặp phải những cảnh đó cũng đã buồn cũng đã khổ rồi, nhưng chúng đến rồi chúng cũng đi.

Vì vậy, lời khuyên tóm tắt của bà đúng là điều chúng ta cần phải học: “*Đừng mang vào lòng bất cứ cái gì*” thì nhẹ nhàng, còn ôm vào lòng càng nhiều thì càng khổ. Không nên ôm chặt vào nhiều vì nó đến rồi nó sẽ đi, biết vậy thì nhẹ nhàng lắm. Còn cố chấp thì sẽ khổ, đơn giản. Ai khéo ứng dụng sống được như vậy, thì đời mình là sẽ bớt khổ rất nhiều. Bao nhiêu đó có thể tu hết cuộc đời này cũng tương đối đủ rồi: “*Đừng đem vào lòng bất cứ gì hết thì đâu có phiền não*”. Kiểm lại xem có đúng vậy không?

Sở dĩ có phiền não là tại đem vào lòng. Người ta mới nói hơi động một chút là đem vào lòng rồi phiền, còn sống với nghĩa này, người ta có nói nặng cũng không phiền não.

Có câu chuyện vui trong nhà thiền rất có ý nghĩa: Hai huynh đệ trong thiền viện đang đi trên đoạn đường, trời vừa mưa xong nên đường lầy lội, phải lội qua một con suối cạn. Ngay lúc đó có một cô gái trẻ khoác bộ kimono rất đẹp phải đi ngang qua suối. Nhưng mặc kiểu này thì làm sao đi qua suối? Thầy sư huynh thấy vậy phát tâm từ bi: “*Này cô bé! Lại đây ta đưa qua cho*”. Nói rồi sư huynh bồng cô gái qua bên kia suối đặt lên bờ, xong đi tiếp về chùa. Người sư đệ thấy cảnh đó nên khó chịu. Từ đó, trên đường về sư đệ không vui, không khí nặng nề. Gần đến chùa, như chịu hết nổi thầy mới lên tiếng: “*Hôm nay, huynh làm kỳ quá!*”. Sư huynh hỏi: “*Kỳ là sao?*”. Sư đệ: “*Người tu hành không được đụng nữ nhân mà sao huynh bồng cô gái kia qua suối vậy?*”. Người sư huynh nói: “*Ta đưa cô gái qua bờ suối đặt xuống đó rồi, còn sư đệ lại bồng về tới chùa làm gì?*”.

Đó là câu chuyện nhà thiền, người sư huynh làm một cách vô tâm, còn ông sư đệ thì đưa vào lòng nên bực bội không vui. Tuy là câu chuyện vui nhưng mà chứa đầy đạo lý. Nhắc nhở người học đạo, học cái hạnh xả đó, để tâm luôn rộng rãi, không vướng mắc.

Ví dụ như khi Phật tử ra chợ hoặc đi vô xưởng làm có ai đó nói cái gì hơi lỗ lời, xúc phạm đến mình thì mình buồn chút thôi. Ở đây không ai là thánh hết nên chỉ buồn một chút rồi đặt ở đó luôn, đi cho khỏe. Buồn chút trong chợ, trong sở rồi về nhà nhẹ nhàng. Còn không như vậy thì ôm về nhà, ôm vào trong phòng ngủ, ôm vào trên gối ngủ không được luôn thì khổ. Hiểu được ý nghĩa đó thì chúng ta sống rất nhẹ nhàng.

Nếu hiểu mọi sự vô thường khéo sống tùy duyên thì đó là thuốc hay cứu khổ thế gian. Nên người Phật tử học đạo cũng giống như người bệnh, còn Phật thuyết pháp như là thuốc. Người bệnh muốn hết bệnh thì phải uống thuốc. Chứ cho thuốc mà không uống, ngồi đó đọc công thức thuốc này, thuốc kia hay cũng không hết bệnh.

Dù cho học giáo lý của Phật nhiều, nghe vô thường cũng đầy tai nhưng gặp vô thường đến cũng ôm vào. Cho nên, học Phật là học uống thuốc, học giáo pháp rồi thì phải tiêu hóa giáo pháp, mới có lợi ích thiết thực.

---o0o---

III. QUÍ TIẾT THỜI GIAN

Hiểu rõ ý nghĩa và ứng dụng lời Phật dạy về lý vô thường vào cuộc sống, thấy rõ là học vô thường không phải để chúng ta chán đời, bi quan không muốn làm gì hết, nhiều người học đạo rồi hiểu lầm, nghi ngờ như vậy.

Trước đây, cũng có nhiều người hỏi đạo Phật nói cái gì cũng vô thường, khiến mọi người chán đời thì sao? Vì biết rõ cái gì cũng vô thường thì đâu cần làm việc cho tốn công. Nghĩ như vậy rồi chán đời, yếu đuối, đó là hiểu lầm.

Phật chỉ cho biết vô thường có nghĩa là mọi việc qua rồi thì không thể kéo lại, nên thời gian hiện có ở đây rất là quý báu, phải trân trọng. Tức là không thể để qua suông, phải sống cho thật đúng ý nghĩa, biết quý hiện tại. Không thể nói vô thường thì không cần làm gì hết, rồi bỏ thời gian này qua suông, là phí cuộc đời. Cái duyên lành chúng ta đang có không dễ gì gặp lần thứ hai. Thế thì phải biết trân trọng, phải khéo phát triển không nên do dự.

Hôm nay, nhờ có duyên lành được gần chùa học Phật pháp, chúng ta phải phát triển căn lành để đời sau tăng gấp rưỡi, gấp hai. Lỡ sau này sanh vào các loài khác thì sao? Đó là hiểu được ý nghĩa vô thường, không để duyên lành này trôi qua, rồi sau tìm lại không có. Rõ ràng người hiểu được ý nghĩa đó thì đời sống tích cực thêm chứ không tiêu cực.

Truyện cổ Ấn Độ, có một người mua miếng đất của người láng giềng, lại mua nhầm ngày chót của thời hoàng kim chuyển qua thời hắc ám. Sau khi mua xong, người này đào được cái hũ vàng trong miếng đất mới mua. Ông này có tâm tốt vội vàng đem trả lại cho người chủ. Ông nói: *“Tôi mua đất của anh chứ không mua vàng, nên bây giờ tôi đem vàng trả cho anh”*.

Người kia nói: *“Tôi cũng mừng cho anh, khi bán đất là bán tất cả, tôi đâu nghĩ có vàng dưới đất. Bán là bán hết. Vậy đây là cái duyên may của anh, anh có quyền nhận”*. Hai người cứ nhường qua nhường lại hoài, vì đây còn thời đại hoàng kim. Nhưng bây giờ đã sắp chuyển qua thời hắc ám, nên cả hai nói: *“Thời tôi rồi để mai tính sau”*. Ngờ đâu, tối mỗi người nằm suy nghĩ rồi thấy tiếc. Sáng hôm sau, ông mua đất nói: *“Tôi về nghĩ lại rồi, anh nói đúng. Tôi đã mua đất thì ở dưới đất là của tôi, thôi tôi nhận”*. Người bán đất nói: *“Không phải vậy! Tối này tôi cũng nghĩ kỹ, đúng như lời anh nói hôm qua, anh chỉ mua đất, còn vàng là của tôi, thôi bây giờ tôi nhận vàng”*. Hai bên cãi nhau, cuối cùng

đưa ra tòa thành thù địch. Mới thấy sự vô thường của tâm tánh con người. Hôm qua quá đẹp, quá tốt, sáng hôm sau chuyển rồi.

Như thế, chúng ta thấy từ thân tâm đến hoàn cảnh bên ngoài đều biến đổi vô thường, nên gặp thời hoàng kim phải chớp lấy cơ hội làm ngay, gặp việc lành làm mau vì nếu không làm sẽ đổi ý.

Trong thời Phật cũng có câu chuyện: Hai vợ chồng anh đó rất nghèo chỉ có miếng vải khoác thân ngoài thôi. Hàng ngày, hai người phải thay nhau đi xin. Hễ người vợ khoác vải đi thì người chồng ở nhà, về đổi lại. Một hôm, người chồng gặp đệ tử Phật và phát tâm nghe pháp, nhờ duyên lành mới cảm được và muốn phát tâm cúng dường, nhưng nghèo quá đâu có gì để cúng nên về bàn với vợ: *“Chắc kiếp trước vợ chồng mình đã tạo nghiệp xấu gì nên đời nay nghèo đói khổ sở. Thôi, mình chỉ có miếng vải này, nên phát tâm cúng dường tạo công đức, để đời sau không còn khổ nữa”*.

Cô vợ nói: *“Chúng ta chỉ có miếng vải này mà cúng dường làm sao mai đi xin ăn đây?”*. Anh chồng nói: *“Cúng dường là có phước thôi”*. Bàn qua bàn lại, nhờ tâm mạnh mẽ cuối cùng cả hai quyết định cúng dường.

Lúc đó, có vị Tỳ-kheo đi khát thực ngang qua nhà, người chồng muốn cúng dường nên bò lại gần cửa sổ dâng miếng vải cho vị Tỳ-kheo đó. Dâng lên với cả lòng thành để cúng dường. Cúng dường xong, anh mới la lên: *“Tôi thắng rồi! Tôi thắng rồi!”*.

Đúng là anh đã thắng, thắng tâm niệm nghèo thiếu, ích kỷ của mình. Sau đó vị Tỳ-kheo này nghe anh la thế liền tìm hiểu và biết gia đình anh thật nghèo khổ nhưng tâm đạo mạnh mẽ đáng quý nên về thuật lại với Phật. Các vị Tỳ-kheo, nhà vua cùng nhiều vị thí chủ có mặt tại tinh xá nghe được đều cảm động. Nhà vua sai quân lính đem quần áo, vàng bạc đến tặng cho hai vợ chồng. Sau đó, hai vợ chồng cùng đến nghe Phật thuyết pháp và cùng chuyển hóa đời sống của họ trở nên tốt đẹp.

Đó là nhân quả hiện tiền. Khi gặp điều thiện, điều tốt thì phải chớp lấy thời cơ làm liền, nếu lúc đó mà đợi đến ngày hôm sau chắc khó cúng dường. Đây là điểm chúng ta cần học và ứng dụng vào cuộc sống.

Mỗi vị phải nhớ tất cả thế gian là vô thường, ngay cả thân và tâm của chúng ta cũng vô thường, đổi thay, không dừng một chỗ, cho nên gặp duyên lành tốt thì phải làm liền, không thì, duyên xấu ác sẽ dẫn đi. Chính trong kinh có dạy:

“Hãy gấp rút làm việc thiện, hãy chế ngự điều dữ trong tâm, ai chậm tạo việc lành, sẽ ưa thích làm điều dữ” (Pháp Cú 116). Đức Phật dạy chúng ta như

thế. Tức là mình chậm làm điều lành một chút thì điều dữ chen vào, nên phải chớp lấy thời cơ làm lành ngay thì sẽ bớt điều dữ. Hiểu vô thường rồi thì cuộc sống không tiêu cực, lại rất tích cực và lúc nào cũng phải sẵn sàng làm các việc lành trong khả năng.

Có một câu chuyện của vị tổ của Tông Tịnh Độ là ngài Thân Loan. Ngài là bậc tái sanh có chủng tử Phật pháp sâu dày. Do đời trước có tu nên khi sanh ra liền nhớ. Khi lên chín tuổi đến lễ hòa thượng Từ Trán xin xuất gia.

Hòa Thượng hỏi: *“Con còn nhỏ tuổi sao lại muốn xuất gia?”*.

Ngài Thân Loan thưa: *“Con còn nhỏ nhưng cha mẹ mất sớm, con không hiểu vì sao người ta nhất định phải chết, vì sao con lại phải xa lìa cha mẹ? Vì muốn tìm hiểu đạo lý này nên con xin xuất gia”*.

Chúng ta thấy nhỏ tuổi mà trả lời thật hay? Đây là hảo tâm xuất gia đó.

Hòa thượng Từ Trán bảo: *“À tốt! Ta đã hiểu. Giờ Ta nhận con làm đệ tử nhưng trời sắp tối, thôi để sáng mai ta cạo tóc cho con”*.

Ngài Thân Loan nghe vậy không chịu, thưa: *“Bạch Thầy! Thầy bảo là sáng mai mới cạo tóc cho con nhưng tuổi con còn nhỏ, con không bảo đảm tâm xuất gia của con còn tới ngày mai không nữa; mà tuổi của Thầy lại cao, Thầy cũng không đảm bảo sáng mai Thầy có thể thức dậy để xuất gia cho con, nên xin Thầy xuất gia cho con ngay bây giờ”*.

Ngài Từ Trán nghe xong vỗ tay cười, rất hoan hỷ: *“Đúng như vậy! Lời của con nói không sai, thôi bây giờ Ta sẽ cạo tóc cho con ngay.”* Sau đó, Ngài tu và trở thành vị tổ của Tông Tịnh Độ.

Ngài Thân Loan đời trước cũng tu nên chủng tử sâu khi sanh ra nhớ lại sớm và hiểu, thấy đúng được lẽ vô thường. Mới chín tuổi mà Ngài biết nói thế, còn chúng ta biết nói vậy chưa?

Tuổi còn nhỏ mà Ngài quyết tâm xuất gia mạnh, lại còn nói là không biết có giữ được tới sáng mai không nên xin Thầy xuất gia ngay đi. Thứ hai là Thầy tuổi cũng đã cao, không biết có sống nổi tới ngày mai không? Rõ ràng đúng như vậy. Đó là lẽ vô thường.

Trước kia, có những vị thầy Tây Tạng buổi tối trước khi đi ngủ đều lau rửa sạch sẽ bình trà, tách trà, gói lại cẩn thận, bởi vì ngày mai sau khi ngủ dậy không chắc là sẽ dùng tách trà đó nữa. Nên các vị làm trước như thế xem như không nghĩ tới ngày mai. Hiểu vô thường đến như vậy, nên các ngài tu mau đắc đạo.

Nếu chúng ta được như các ngài thì chắc cũng tu mau đắc đạo, cũng bớt phiền não nữa. Mỗi khi có ai làm chúng ta phiền não thì nghĩ sao? À! chết tới nơi mà phiền não cái gì? Hít hơi thở vô không biết có thở ra không nữa thì còn gì mà phiền não. Nhờ vậy sẽ bớt phiền não. Còn nghĩ mình sống tới bảy tám chục năm thì có thời gian để phiền não.

Đối với nghĩa vô thường mà hiểu kỹ, hiểu sâu rồi chúng ta thấy an vui, giảm được phiền não rất nhiều. Mới thấy Phật pháp thiết thực, có giá trị và cao quý; bằng không khi nghe nói Phật pháp là Pháp bảo cao quý mà lâu nay không thấy nó “Bảo” ở chỗ nào? Khi hiểu kỹ, ứng dụng được vào cuộc sống thì niềm tin càng sâu, vững thêm.

---o0o---

IV. NGHĨA SÂU CỦA VÔ THƯỜNG

Từ trước đến đây chỉ nói về mặt vô thường giả tạm, nếu chúng ta khéo tiến thêm bước nữa tỏ ngộ được lẽ thật trong cái vô thường. Nói vô thường để giúp người tỏ ngộ được lẽ thật để vươn lên, để sống được với cái chân thật, chứ không phải nói vô thường rồi chỉ thấy vô thường tạm bợ, đó là ý nghĩa sâu của vô thường.

Lý vô thường không phải làm cho con người bị quan, khi rõ tất cả là vô thường thì chúng ta không mê lầm, sống trở lại nguồn gốc chân thật mà chúng ta đã bỏ quên. Tức là Phật tánh, là bản tâm, là lẽ thật nơi chính mình.

Nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh mà Phật tánh đó vô thường không chạm tới được. Chúng sanh bị vô thường chi phối nhưng cũng không mất Phật tánh, nên người khéo tu, giác ngộ được thì sẽ chuyển chúng sanh thành Phật.

Đức Phật, Bồ-tát, các vị Thánh Hiền, cũng từ chúng sanh giác ngộ mà thành. Khi còn mê thì là chúng sanh, khi giác ngộ rồi thì chuyển thành Phật. Phật cũng từ chúng sanh tiến lên, Bồ-tát, các vị A-la-hán, các vị Thánh Hiền cũng vậy. Vậy thì trong chúng sanh có cái phi chúng sanh, nên nói vô thường để chúng ta không làm cái giả này, khéo sống trở về với chân lý giác ngộ đó.

Bài kệ dạy chúng của thiền sư Mãn Giác: “*Xuân khứ bách hoa lạc, Xuân đáo bách hoa khai, Sự trục nhãn tiền quá, Lã tùng đầu thượng lai. Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận, Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai*” là nói lên điều này: Trong cái vô thường có cái chân thật.

Tức là Xuân đi thì trăm hoa rơi rụng, xuân đến trăm hoa đua nở, sự đời cứ trôi qua trước mắt như nước trôi, nước cứ trôi, trôi qua hết. Lâu lâu nhìn lại thì cái già nó đến trên đầu rồi, tóc đã bạc rồi. Bài kệ nhắc rằng sự đời vô thường, từ

hoàn cảnh bên ngoài cho đến bản thân đều bị vô thường biến đổi. Nhưng tại sao không nói xuân đến trước mà lại nói xuân đi trước? Thường người ta nói đến rồi mới đi, có đến mới có đi, xuân đến hoa nở, xuân đi hoa tàn, có nở có tàn. Ở đây, Sư nói ngược lại: “*Xuân đi thì trăm hoa rụng, xuân đến thì trăm hoa nở*”.

Vì đây là bài kệ thị chúng của Sư lúc sắp tịch, nhắc nhở để đại chúng bớt buồn. Sắp tịch tức là sắp đi, Sư nói rằng thân này cũng vậy. Có mặt trên đời này đến lúc hết duyên thì đi, giống như xuân đi thì hoa rụng tàn. Tuy vậy, nhưng gặp duyên đến thì hoa nở, tức là có rụng có tàn có nở. Đó là tướng vô thường của thế gian. Nhưng trong đó “*Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết*”, nghĩa là trong mùa xuân hoa tàn rụng đó vẫn còn: “*Đêm qua, trước sân còn một cành mai*”. Nghĩa là sao? Là cũng còn có mùa xuân.

Sư dùng chữ rất tế nhị. Sư không nói là còn một chùm mai mà nói là một cành mai. Vì nếu là một chùm mai thì nó sẽ rụng nữa, còn cành mai thì nó vẫn còn đó, tới mùa xuân đến nó lại nở nữa, hoa có rụng có tàn nhưng cành thì vẫn còn đó. Ở đây nói rõ cuộc đời là vô thường đổi thay, thân này cũng theo đó mà hủy hoại. Cũng như Sư có sanh ra rồi cũng có tịch. Nhưng Sư đi đó mà Sư có mất không? Gặp duyên thì Sư cũng hiện nơi khác. Cũng như cành mai này, tới mùa xuân năm sau cũng nở nữa, tức là cái này vô thường biến diệt nhưng trong đó có cái chân thật.

Vậy, Phật nói vô thường để con người sống trở lại với lẽ thật của chính mình chứ không phải nói vô thường là vô thường. Hiểu vậy thì thấy ý nghĩa vô thường rất sâu đâu phải chỉ dừng ở nghĩa vô thường thôi. Qua đó, chúng ta mới thấy Phật pháp sâu xa, không thể nghĩ bàn.

Phật dạy trong kinh Đại thừa thì thân này gọi là huyễn thân, thân sanh diệt giả có. Nhưng còn có pháp thân, mà pháp thân thì không sanh diệt. Nên phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa, Phật bảo là Ngài thành Phật bao lâu rồi? Ngài nói từ khi ta thành Phật đến nay số kiếp vô lượng vô biên, nhiều như cát bụi không thể kể được.

Ngài ví dụ như đem nghiền cả cái khối tam thiên đại thiên thế giới này thành bụi, rồi đi qua trăm ngàn thế giới để rơi một hạt bụi, rơi hết các số bụi đó rồi mới cộng lại hết số thế giới đã đi qua có để rơi bụi và không rơi bụi, đem nghiền hết thành bụi nữa, rồi mỗi hạt bụi là một kiếp.

Ngài nói từ khi Ngài thành Phật đến nay còn lâu xa hơn số bụi đó nữa. Vậy tuổi thọ Ngài bao nhiêu? Thường chúng ta hiểu tuổi thọ của Phật là tám mươi năm rồi nhập Niết-bàn. Nếu hiểu theo như Phật nói trong kinh thì Phật có nhập Niết-bàn không? Vậy Phật đâu có nhập Niết-bàn theo nghĩa thường hiểu là diệt.

Vì mê nên chúng ta thấy Phật nhập Niết-bàn, nếu giác ngộ chúng ta thấy Phật không có nhập Niết-bàn. Bởi tuổi thọ của Phật đã nói như trên, nên đức Phật đã nhập Niết-bàn là Phật ứng thân, vì là ứng thân nên có sanh ra rồi nhập Niết-bàn. Còn đức Phật kia vẫn mãi còn hiện hữu. Nếu hiểu được như vậy thì lúc nào cũng thấy Phật ra đời với chúng ta chứ không nhập Niết-bàn. Mỗi người ai cũng có Phật tánh nhưng Phật trong chính mình cũng nhập Niết-bàn không biết bao nhiêu kiếp rồi, bây giờ phải làm sao cho Phật ra đời trở lại đây?

Hãy giác ngộ trở lại thì thấy Phật ra đời thôi! Nếu thấy Phật ra đời thì ngay đây cũng vượt qua cả vô lượng kiếp đã nhập Niết-bàn rồi đó. Mới thấy được lẽ thật, vòng luân hồi sanh tử đúng như là giấc mộng. Chúng ta tưởng Phật nhập Niết-bàn nhưng Phật vẫn còn với mình. Hiểu như vậy mới thấy được lý sâu trong lẽ vô thường, chứ không phải nói vô thường chỉ dừng trên cái vô thường thôi.

Như vậy, hiểu sâu lý này là đủ cho chúng ta tu cả đời. Có lẽ, từ đời này qua đời sau vẫn chưa xong nữa. Nhưng vì học đạo quen rồi xem lờn. Nghe nói đến lý vô thường là chán nghe, vì đã học nhiều, muốn nghe cái gì cao siêu hơn.

Nếu như hiểu đúng, hiểu sâu nghĩa vô thường, biết ứng dụng tu tập thì tu suốt đời không hết, cũng có thể tu tiên thành Phật, không phải chuyện thường.

---o0o---

V. TÓM KẾT

Hiểu rõ thế gian là vô thường để chúng ta bớt vướng mắc, để phát tâm Bồ-đề, để không trôi theo mê lầm và tích cực sống vươn lên chứ không tiêu cực buông xuôi theo nó. Phải luôn chộp lấy thời cơ hoàng kim để tiến lên.

Vậy, tất cả thế gian là vô thường không có gì bền chắc, không có gì để nắm bắt, chấp chặt, thấy được như vậy thì cuộc sống chúng ta cởi mở và gần với nhau hơn. Biết cuộc đời vô thường thì bớt làm khổ nhau. Tất cả cùng sống chung trong cuộc vô thường, nên đem an vui cho nhau hơn là đem đau khổ cho nhau. Là cuộc sống vui hơn, và bình tĩnh với sự đời vô thường. Giống như bà già khuyên người đàn bà kia, nên nhớ tất cả là vô thường rồi cái tâm buồn khổ nó cũng vô thường luôn. Nên mỗi lần buồn thì nhớ cái tâm cũng vô thường, nó không có dừng.

Như vậy, khéo biết ứng dụng để luôn tiến trên đường học đạo, để bớt khổ thì đó là uống thuốc. Một lý vô thường này quán kỹ, quán sâu là có thể đắc đạo. Ngày xưa thời Phật có những vị quán vô thường mà chứng A-la-hán. Quán thân mình vô thường thì cũng thấy là vô ngã, không có ngã thì ai buồn phiền, ai phiền não, ai sanh tử, phá được cái mê đó là chứng A-la-hán.

Có vị Tỳ-kheo vào buổi sáng ngồi gần bên bờ ao thấy hoa sen nở đầy ao tươi đẹp, tới trưa có một nhóm cô gái lội xuống hái hoa sen. Do hái bừa bãi, hái vội nên làm bầm dập các hoa sen còn lại, các lá sen xung quanh. Sau đó, thầy nhìn lại thì thấy ao sen điêu tàn. Buổi sáng thấy ao sen tươi đẹp, ánh mặt trời rọi xuống rất là nên thơ, nhưng trưa thì trở nên điêu tàn.

Thầy quán kỹ mọi sự mọi việc trong cuộc đời thật vô thường, và chúng A-la-hán. Ở đây, các Phật tử nên khéo quán kỹ vô thường và ứng dụng vào cuộc sống và sống được với ý nghĩa đó, đừng chỉ hiểu vô thường qua loa trên chữ nghĩa.

Qua những điều trình bày trên chắc quý Phật tử cũng hiểu rồi, nhưng cái hiểu này có phải là cái hiểu của mình chưa hay còn là cái hiểu của thầy? Phải làm sao chuyển nó thành cái hiểu của mình. Để tóm kết bài giảng này cho tất cả luôn ghi nhớ, có một bậc thầy Tây Tạng dạy rằng: *“Bạn có bao giờ thật sự hiểu và thật chứng lý vô thường hay chưa? Bạn đã thâm nhập nó trong từng ý tưởng, từng hơi thở và từng động tác đến nỗi cuộc đời của bạn nhờ vậy mà được đổi mới hay chưa?”*.

Tức là hiểu và thực chứng lý vô thường trong từng hơi thở, từng bước đi, từng lời nói, nhờ vậy mà cuộc đời của mình chuyển đổi, có làm được vậy không? Và hãy tự hỏi bạn hai câu này, nếu bạn trả lời được thì bạn mới thật sự hiểu vô thường:

- Câu thứ nhất là: *“Tôi có nhớ rằng lúc nào tôi cũng đang chết hay không? Và mọi người, mọi vật khác cũng đang chết hay không? Bởi vậy, tôi đối xử với mọi chúng sanh với lòng bi mẫn trong mọi lúc.”*

Ngồi ở đây có nhớ mình đang chết dần hay không? Nhớ mình đang chết, mọi người cũng đang chết, vậy là đồng cảnh ngộ. Thấy tất cả cùng hoàn cảnh nên có lòng bi mẫn thương xót với nhau trong mọi lúc.

Nghĩa là chúng ta đang sống trong vô thường, trong sự biến đổi, đau khổ, thấy người khác cũng đang sống trong vô thường thì có sự cảm thông nên có lòng bi mẫn thương xót với nhau trong mọi lúc, có thể trả lời được câu đó chưa?

- Câu thứ hai là: *“Sự hiểu biết về cái chết và vô thường nơi tôi có trở nên bén nhạy, cấp thiết đến độ là tôi đang dành mọi giây phút còn lại của đời tôi để theo đuổi sự nghiệp giác ngộ hay không?”*.

Nếu bạn có thể trả lời hai câu hỏi ấy thì thật sự bạn mới hiểu lý vô thường. Ở đây có ai trả lời cho hai câu hỏi này chưa? Nếu chưa thì phải làm sao? Chỉ chừng đó thôi mới thấy rõ, phải học lý vô thường suốt đời rồi.

Ngay bây giờ ngồi đây cũng vậy, hiểu được điều đó thì cuộc sống của chúng ta được chuyển hóa, đổi mới rất là nhiều, phiền não sẽ bớt. Cho nên đó là thuốc cho tất cả. Giờ thì mọi người khéo uống thôi!

---o0o---

03. THỪA KẾ NGHIỆP

I. THỪA KẾ NGHIỆP

Đạo Phật luôn đề cao tinh thần nhân quả, chúng ta sống trong cuộc đời này đều là sống trong nhân quả. Cuộc sống chúng ta hiện nay là thừa kế cái quả của đời trước, gọi là thừa kế nghiệp. Chữ nghiệp trong Phật giáo có ý nghĩa sâu. Một số người thường quan niệm, mỗi người sinh ra đều có số mệnh. Người có số giàu thì giàu, người có số nghèo thì nghèo, người có số xấu thì xấu v.v... Trong nhà Phật không nói số mệnh mà cho là nghiệp. Nếu nói là định mệnh thì sẽ ngăn chặn con đường tiến hóa, số mệnh định sẵn như vậy rồi không thể chuyển được nữa. Do con người tin như vậy nên đầu hàng số phận.

Trái lại, Phật giáo cho là nghiệp chúng ta tu có thể chuyển hóa được. Nghiệp tức là những hành động tạo tác của con người trong đời trước hay đời này. Nghiệp do chúng ta tạo, nên có thể chuyển đổi. Nếu lỡ tạo nghiệp xấu nghiệp ác, chúng ta thức tỉnh biết đó là sai quấy, quyết tâm sửa đổi thì sẽ chuyển thành nghiệp lành nghiệp tốt, đó là tu. Có tu mới đưa con người tiến hóa thăng hoa, đem lại niềm tin cho chính mình. Theo tinh thần Phật dạy, tất cả chúng ta đều sống trong nhân quả, sống với quả hôm nay là do nhân đời trước.

Quả lành dữ, khổ vui hoặc ngu trí, sang hèn đều có nhân đời trước chứ không phải ngẫu nhiên. Do con người tạo nghiệp không đồng nên sanh ra mỗi hoàn cảnh không đồng. Có những người cùng sanh ra trong một gia đình, một cha mẹ nhưng có đứa thông minh, có đứa không được thông minh. Có đứa giàu, có đứa không làm ăn được. Theo khoa học nói gien cha mẹ sao thì con cái như vậy, nhưng đôi khi cha mẹ rất thông minh mà con thì ngu đần. Hoặc cha mẹ không thông minh mà con là thần đồng, vậy đâu phải do gien. Vì vậy, nếu lấy tinh thần khoa học mà giải thích thì không giải thích hết được.

Phật pháp thấy rõ điều này rất đơn giản, đều do nhân quả nghiệp báo của con người đã tạo đời trước. Như đời trước đã tạo nghiệp sáng suốt trí tuệ, nên đời này lưu lại sanh ra người đó phát triển trí tuệ sớm. Có những đứa bé thần đồng, sanh ra đã biết được những điều nó chưa học. Có những người mới gặp nhau lần đầu đã thấy có cảm tình, hoặc mới gặp mà cảm thấy ghét cay ghét đắng. Do cái gì? Do nghiệp duyên đời trước, ai gần gũi với mình nên gặp nhau đã có cảm tình. Còn người kia trước cũng có nghiệp duyên trái nghịch nên thấy lần đầu đã không có cảm tình. Đó là tinh thần nhân quả Phật dạy.

Hình tướng mỗi người cũng vậy, hàng triệu người không ai giống ai. Trong **kinh Thập Thiện**, Phật dạy Long vương, Ngài nói: “*Ông có biết trong hội này và trong biển cả, bao nhiêu là hình sắc, chủng loại mỗi khác nhau, tất cả như thế đều do tâm tạo nghiệp lành hay dữ nơi thân khẩu ý mà ra*”. Do chúng sanh trước kia tạo nghiệp sai biệt nên khi sanh ra cũng có những sai biệt. Chúng ta ngồi ở đây mỗi người đều có tâm tư, suy nghĩ sai biệt nhau nên hiện ra dáng vẻ khác nhau. Tuy ngồi chung một nơi nhưng trong tâm mỗi người là mỗi cảnh giới riêng. Như hai đứa trẻ sanh đôi giống y nhau nhưng vẫn có một hai điều gì đó khác. Vì tâm tư của mỗi người có những nét hơi khác nên trên hình tướng cũng có vẻ khác nhau.

Phật dạy mỗi người sanh ra là sống trong nhân quả, sống trong nghiệp lực. Con người không làm chủ được mình, mà do nghiệp làm chủ chúng ta. Người học Phật, biết sân giận là xấu nhưng gặp chuyện thì cũng sân, không làm chủ được. Như người bệnh tiểu đường, biết ăn ngọt là không tốt nhưng gặp ngọt cũng thèm. Hoặc có những vị nghiện rượu, thuốc biết là bệnh nhưng không bỏ được, cũng bị nó dẫn. Như vậy nghiệp làm chủ mình chứ mình không làm chủ được. Nhà Phật gọi là bị nghiệp sai sử.

---o0o---

II. TU LÀ CHUYỂN NGHIỆP

Tu Phật là chuyển nghiệp, vì Phật dạy nghiệp không cố định. Cái gì có sanh thì phải có diệt, nghiệp cũng vô thường. Nghiệp do chúng ta tạo ra thì chính mình có thể chuyển đổi nó. Có người không hiểu, yếu đuối cứ an phận với nghiệp lực nên than sao nghiệp tôi nặng quá. Tất cả chúng sanh đều có thể chuyển được hết. Đức Phật là tấm gương cho mọi người, Phật hiện ra nơi đời giống như chúng ta không phải ở trên trời rơi xuống. Nếu như Ngài ở trên trời hiện xuống thành Phật thì không ai dám tu theo Ngài, vì nghĩ Đức Phật quá cao siêu là một vị trời còn mình ở dưới đất đâu bằng được. Đức Phật đến cuộc đời này là một con người, có cha mẹ sanh ra, lớn lên lập gia đình, sống thụ hưởng ngũ dục trong cung vua. Rồi thái tử đi dạo bốn cửa thành thấy cảnh già, bệnh, chết. Hình ảnh cho Ngài tỉnh thức là vị Sa-môn từng bước ung dung trong cuộc đời. Ngài hỏi Sa-môn chân lý để thoát cảnh sanh già bệnh chết. Được Sa-môn giải thích con đường tu hành giải thoát, nên Ngài quyết định ra đi tìm cầu chân lý.

Con người đã có sanh thì có chết, sanh tử đều có nguyên nhân của nó, nếu tìm được nhân sanh tử thì sẽ có cách giải quyết quả sanh tử. Theo tinh thần khoa học, quả từ nhân mà có. Như các nhà bác học, thấy bệnh chó dại phải tìm ra nguyên nhân nào gây ra bệnh chó dại. Tìm được con vi trùng chó dại trừ diệt nó thì sẽ hết bệnh. Phật cũng vậy, Ngài quyết chí vượt thành xuất gia tìm đạo, cuối cùng đến cội Bồ-đề thiên định. Sau đêm bốn mươi chín, Ngài giác ngộ thành

Phật, thấy rõ nguyên nhân của sanh tử luân hồi là mười hai nhân duyên. Đó là nhân để có sanh tử, nếu dứt được tập nhân thì giải thoát sanh tử, chứng đạt Niết-bàn. Ngài thành tựu được, sau đó chỉ dạy cho mọi người như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... tu chứng A-la-hán, chấm dứt cội gốc sanh tử luân hồi. Như vậy, nghiệp chướng được, chứ không phải cố định.

Mọi người chúng ta khi thấy cảnh người sanh già bệnh chết, nghĩ đó là chuyện thường nên an phận. Ai sanh ra cũng chết, nên mình chết là chuyện thường không nghĩ gì thêm khác. Nhưng với Thế Tôn, Ngài quyết tìm nguyên nhân để giải quyết dứt điểm nó. Do đó, Ngài vượt lên chướng được nghiệp. Điều này cho chúng ta thấy rằng, Ngài là con người Ngài đã làm được thì chúng ta cũng là con người như Ngài thì ai cũng có thể làm được. Theo ý nghĩa Phật là người giác ngộ, chúng ta cũng có thể giác ngộ như Phật.

Nhưng Phật giác ngộ ở đâu? Ngài giác ngộ từ tâm. Vậy mọi người có tâm thì đều có giác ngộ. Chúng ta học lịch sử Phật, nếu nói lại cho người khác nghe mà dùng từ không chính xác sẽ bảo: Đức Phật có cha là vua Tịnh-phạn, mẹ là hoàng hậu Ma-da, vợ tên Gia-du, có con là La-hầu-la. Nói như vậy là chưa chính xác, vì Phật làm gì có vợ, có con. Thái tử Tất-đạt-đa mới có vợ có con, sống trong hoàng cung rồi vượt thành xuất gia đi tìm đạo. Đến khi chứng ngộ mới gọi là Phật. Như vậy, Phật là một bậc Toàn giác, từ một con người bình thường sau đó giác ngộ nên gọi là Phật. Như vậy, mọi người đều có thể tu chuyện nghiệp được. Chúng ta không nên mặc cảm “*tôi tội lỗi quá chắc tu không được*”. Nếu vậy Phật ra đời làm gì? Phật ra đời để chỉ dạy cho chúng sanh tu, tu là sửa, sửa cái xấu thành cái tốt.

Cũng như Ương-quật-ma-la, là một tên sát nhân. Ông nghe theo lời thầy chỉ dạy, lấy một nghìn lông tay của người xâu thành chuỗi đeo sẽ được truyền dạy pháp bí yếu của ngoại đạo. Từ đó, ông đi giết người lấy được chín trăm chín mươi chín ngón tay, chỉ còn lại một ngón cuối cùng. Ai thấy ông cũng sợ nên tránh mặt hết. Khi đó, vua sai quân lính đến bắt ông ta về trị tội, nếu không là nổi kinh hoàng cho muôn dân. Bà mẹ nghe vậy lo sợ nên đi đến báo cho ông hay, nhưng ông lại định giết mẹ để lấy cho đủ số lượng một nghìn lông tay. Đức Phật dùng Phật nhãn quan sát thấy ông có duyên hóa độ, và không muốn ông mang tội đại ngũ nghịch là giết mẹ. Nên Phật xuất hiện trước mặt ông, thế là ông rớt theo Phật. Ông càng rớt nhưng sao thấy Phật vẫn cách xa, nên mới la lên: “*Cô-đàm, ông hãy dừng lại!*”.

Đức Phật bảo: “*Ta dừng đã lâu rồi, chỉ có ông chưa dừng thôi*”.

Ông ngạc nhiên hỏi: “*Ngài đang đi, tôi chạy không kịp mà nói dừng khi nào?*”.

Phật bảo: “*Ta đừng đây là đừng những tâm tham, sân, sát, nghiệp v.v... những cái đó chính ông chưa chịu đừng*”.

Ngay đó, Ương-quật-ma-la có sự tỉnh ngộ. Sau đó Phật thuyết pháp, giáo hóa cho ông và ông chứng A-la-hán, giải thoát được nghiệp sanh tử. Như vậy, một người dữ tợn cũng có thể chứng thánh, chuyển được nghiệp. Cũng như Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc, bà có sắc đẹp, trước cũng tạo nghiệp rất nhiều sau được ngài Mục-kiền-liên độ.

Nhân duyên thế này: Một hôm, Mục-kiền-liên đi khát thực ngang khu vườn, có một vị nữ trung niên rất đẹp đứng đón, dùng những lời lẽ mời mọc, gợi chuyện muốn chọc phá Ngài. Mục-kiền-liên là vị đệ nhất thần thông, nhìn qua biết đây là một cô gái kĩ nữ đến để mê hoặc mình. Tôn giả dùng thần lực thấy được những uẩn khúc chứa chất trong lòng người phụ nữ này.

Nên ngài mới nói: “*Thật đáng thương cho cô, tuy hình dáng bên ngoài thật đẹp, trang sức lộng lẫy nhưng bên trong chứa đầy ô uế không đừng. Thân thể cô bất tịnh, tâm hồn cô ô uế vùng vẫy trong bùn nhơ. Như con voi già đang sa lầy, vùng vẫy chùng nào nó càng lún sâu chùng ấy*”.

Người phụ nữ nghe vậy giật mình, cảm xúc, rơi lệ. Tại sao vị này biết hết cảm xúc trong lòng mình.

Cô mới thưa: “*Bạch Tôn giả, Ngài đã biết rõ tâm của tôi, tôi cũng không qua mắt được ngài. Tôi nghe danh ngài là thần thông đệ nhất, tôi không tin thần thông có thể vượt qua được sắc đẹp. Tôi biết mình là người nhiều tội lỗi và cũng nghĩ đến việc hướng thiện, nhưng bây giờ quá tuyệt vọng vì tội lỗi quá nhiều. Tôi là một kẻ không thể cứu vớt được, vì với một quá khứ ghê sợ sau này tôi sẽ bị quả báo không lường trước được*”.

Tôn giả Mục-kiền-liên an ủi: “*Cô không nên tự làm khổ mình như vậy, cũng đừng có thất vọng, tội nghiệp dù có nặng đến đâu nếu một phen sám hối thì đều có thể cứu vãn. Y phục dơ có thể giặt giữ cho sạch; thân thể ô uế có thể dùng nước tẩy rửa, tâm không thanh tịnh có thể dùng Phật pháp rửa sạch. Dòng sông như nhớp chảy ra biển cả, biển lớn có thể làm sạch được nước trong sông. Lời dạy của Đức Thế Tôn chúng tôi cũng đủ sức làm lòng người ô uế trở nên thanh tịnh, khi biết sám hối những tội nghiệp quá khứ*”.

Mục-kiền-liên đã đem lại niềm tin cho Liên Hoa Sắc, tội lỗi nhiều nhưng cũng có thể rửa sạch nếu chúng ta biết chuyển hóa tu tập. Nhưng cô lại thưa: “*Tội lỗi quá khứ của tôi quá khủng khiếp, tôi kể ra e Tôn giả bỏ chạy*”.

Ngài Mục-kiền-liên nghe vậy cũng cố an ủi: “*Cô hãy nói ra đi*”.

Cô nói: “Tôi tên là Liên Hoa Sắc, con gái của vị trưởng giả giàu có trong thành Thức-xoa-thi-la. Năm mười sáu tuổi, cha mẹ lập gia thất cho tôi nhưng không lâu cha tôi qua đời, bà mẹ góa bụa bèn tư thông với chồng tôi. Biết được việc này tôi quá đau lòng, lúc ấy tôi sanh được một đứa con gái, tôi bỏ lại cho chồng nuôi. Sau đó, tôi tái giá với một người ở tỉnh khác, anh ta là một thương gia. Nhân một lần đi buôn bán xa ở thành Thức-xoa-thi-la trở về, ông ta lên mua một nàng thiếp giầu riêng ở một nơi nào đó. Tôi được người cho biết và nổi máu ghen, tôi quyết tìm người con gái đó để xử cho một trận. Nhưng khi gặp mặt, tôi mới té ngựa, không ai xa lạ mà chính là đứa con gái chồng trước của tôi”.

Nói đến đó bà khóc nghẹn. Tôn giả an ủi: “Cô không nên thương tâm quá độ, người mà biết rõ quá khứ vị lai thì xem đó là luân hồi nhân quả. Đó là nhân quả mà cô đã tạo đời trước nên bây giờ nó trở lại chứ không phải ngẫu nhiên đâu. Thật ra đời người là một bể khổ”.

Sau đó cô kể tiếp: “Với nỗi khổ đau như vậy, tôi bỏ nhà đi. Bắt đầu tôi chán ghét thế gian, nên mang thân này làm kĩ nữ mua vui cho thiên hạ, đùa cợt với mọi người đàn ông khiến cho gia đình họ tan vỡ, vợ họ đau khổ để trả thù đời. Do đó tội lỗi tôi không thể lường được, tôi chỉ biết kiếm tiền để xài phung phí gieo bao đau khổ cho người. Bây giờ đây tôi không biết phải sám hối như thế nào?”.

Tôn giả Mục-kiền-liên nghe qua biết cô còn chút thiện tâm, mới đem giáo lý nhân quả của Phật giải thích cho cô nghe, mọi việc đều có nhân, có quả, do nhân đời trước đã tạo nên đời này phải chịu quả báo như vậy. Bây giờ muốn chuyển đổi thì phải khéo tu chứ không phải dễ như vậy hoài. Sau khi nghe tôn giả thuyết pháp, Liên Hoa Sắc tỉnh ngộ mới đi theo Tôn giả về gặp Phật. Sau đó bà được Phật độ, tu hành chứng thánh vị A-la-hán, cũng nổi tiếng đệ nhất thần thông trong hàng ni chúng.

Đây là bài học đánh thức mọi người thấy rằng dù cho tội lỗi nhiều như vậy, thì tánh giác cũng không mất. Nên nhà Phật có câu “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người nhiều ác nghiệp nếu tỉnh giác tu hành có thể chuyển đổi thành thánh. Vậy thì số phận, định mệnh có thể chuyển chứ không phải an bày như nhiều người đã nghĩ. Liên Hoa Sắc tội lỗi nhiều như vậy còn chuyển đổi được tu chứng A-la-hán. Chúng ta ngày nay tội lỗi đâu nhiều như bà mà lại nghĩ không thể tu được. Chúng ta nếu chịu tu, chịu chuyển hóa thì sẽ có kết quả tốt.

Trong Phật pháp có Tứ Chánh Cần, tức là bốn điều siêng năng tinh tấn. Thứ nhất là điều ác chưa sanh thì ngăn không cho nó sanh. Thứ hai là điều ác đã sanh rồi thì khéo tinh tấn, siêng năng để trừ diệt nó. Thứ ba là điều thiện chưa

sanh làm cho nó sanh. Thứ tư những điều lành đã sanh làm cho nó phát triển hơn.

Vậy thì điều ác chưa sanh chúng ta ngăn dứt đừng cho nó sanh, điều ác đã sanh thì chúng ta tinh tấn tu hành trừ cho nó dứt sạch. Những điều thiện chưa sanh làm cho nó phát triển lên, càng phát triển nhiều điều thiện thì điều ác càng bớt. Giống như làm ruộng vườn, ruộng vườn trồng nhiều hoa quả cây ăn trái thì bớt cỏ, còn lười trồng hoa quả rau cải thì cỏ hoang mọc nhiều, rần rết ả núp. Cũng vậy, chúng ta tạo nhiều điều thiện thì điều ác bớt lại, còn điều ác nhiều thì rần rít ả thêm nhiều phiền não, đau khổ. Phật dạy chúng ta phải khéo biết tu để vươn lên, chuyển nghiệp mới mong đem lại cho chính mình sự an vui vĩnh cửu.

Trong *kinh Pháp Cú* có dạy:

Tự mình làm điều ác,

Tự mình sanh nhiễm ô.

Tự mình không làm ác,

Tự mình thanh tịnh mình.

Tịnh, không tịnh tự mình,

Không ai thanh tịnh ai.

Nghĩa là mình làm điều ác thì tự mình làm ô nhiễm, tự mình không làm ác tức là làm điều thiện là tự thanh tịnh cho mình. Tự mình làm cho mình trong sạch, thanh tịnh hay không thanh tịnh là quyền của mình. Phật không đem đến thanh tịnh cho mình, mà Ngài chỉ dạy cách thức làm cho mình thanh tịnh. Phật chỉ con đường cho chúng ta đi nên gọi Phật là đại đạo sư. Phật là đại y vương, vị thầy thuốc cho thuốc chúng sanh để uống. Chúng sanh có uống thì mới hết bệnh được, không uống thì vẫn bệnh. Tịnh hay không tịnh là tự mình, Phật đem lại niềm tin cho mọi người, để tự mình có niềm tin tiến lên vì nghiệp từ tâm mà tạo.

Tâm nghĩ lành thì con người làm lành, tâm nghĩ ác thì con người làm điều ác, tâm sân thì tạo nghiệp sân v.v... Cho nên tâm là gốc của nghiệp. Muốn chuyển nghiệp phải chuyển từ tâm, không nên lo chuyển cảnh ở bên ngoài. Chúng ta nóng giận rồi mua trái cây cúng Phật, cầu Phật cho con đừng nóng giận, được không? Nóng giận là từ tâm của chúng ta, chúng ta đi chùa học Phật nhớ lời Phật dạy: nóng giận là nhân xấu tạo thành những quả xấu cho mình, luôn nhớ vậy thì sẽ bớt giận. Hết giận thì thanh tịnh, phải tự mình chuyển hóa như vậy, không phải chỉ lo cầu Phật bên ngoài. Đạo Phật rất thực tế, chúng ta

học Phật phải chứng nghiệm được lời Phật dạy ngay trong đời sống chứ không phải đợi qua kiếp sau. Đây là một chân lý, là lẽ thật ngay bây giờ. Chúng ta thực hành chứng nghiệm ngay cuộc sống này sẽ bớt phiền não, thêm an vui. Chúng ta tu là phải sáng suốt, thấm được giá trị của Phật pháp mới thấy Phật pháp cao quý biết chừng nào và càng vững niềm tin bằng trí tuệ chân thật.

Như vậy, muốn chuyên nghiệp phải chuyên tâm, chuyên tâm phải học pháp. Phật có dạy bài kinh: ngày xưa có vị Bà-la-môn tu theo pháp tịnh thủy hành, tức là dùng nước để rửa sạch tội lỗi. Mỗi ngày hai thời sáng chiều ông đều xuống nước tắm. Phật biết ông có chủng tử lành nên đến cảm hóa, hỏi: “Tại sao ông tu pháp đó, để làm gì?”. Ông bảo: “Tu dùng nước để rửa sạch tội lỗi, buổi sáng tạo tội lỗi gì đó, buổi chiều xuống tắm rửa sạch, còn tối lỡ làm tội lỗi thì sáng xuống tắm để rửa”. Phật liền nói bài kệ cảnh tỉnh:

“Chánh pháp là ao hồ,

Giới là bến nước tắm,

Không cầu ướ, trong sạch,

Được người lành tán thán”.

Tức là lấy chánh pháp làm ao hồ, giới là bến nước tắm, giới là những điều mà Phật ngăn cấm. Người Phật tử qui y thọ năm giới thì giới là bến nước tắm đó, xuống bến nước tắm đó thì không cầu ướ, trong sạch, tắm bằng nước Phật pháp thì trừ được ướ tạp, sạch hết tội lỗi mới qua bờ bên kia. Người trí luôn tắm bằng nước pháp, trong sạch thân tâm qua được bờ giải thoát.

---o0o---

III. KHÔNG LÀM NHÂN QUẢ

Như vậy, muốn vui phải tránh tạo nhân ác, muốn hạnh phúc phải tạo nhân lành nhân tốt, đó là nhân quả rõ ràng. Người không hiểu đạo khi gặp đau khổ chỉ biết than trời trách Phật. Trái lại, người hiểu đạo khi khổ họ biết đây là nhân mình đã tạo đời trước, khổ này là quả phải trả cho xong. Giống như chúng ta đã vay nợ, bây giờ người ta đòi thì phải trả cho hết. Nếu người ta đòi mình không thềm trả còn cãi lại thì nợ càng chồng thêm, khổ càng thêm khổ. Chúng ta biết rõ là nhân đời trước đã gieo bây giờ nhân nhục trả, đồng thời tạo nghiệp lành thì mới mong mau hết nợ.

Ngài Huyền Trang từ Trung Quốc sang Ấn Độ tìm học kinh điển của Phật. Khi ngài đến Đại học Na-lan-đà gặp Luận sư Giới Hiền - lúc đó Sư trên một trăm tuổi. Khi Luận sư Giới Hiền nghe ngài Huyền Trang qua, Ngài cảm động

roi nước mắt, trong chúng mới hỏi tại sao. Ngài Phật Hiền thay Sư thuật lại: “Trước kia, Hòa Thượng có bệnh thấp khớp, đau nhức mình mẩy rất khổ sở suốt hai mươi năm. Thuốc men gì cũng không hết, có lúc buồn quá Hòa Thượng muốn uống thuốc cho chết sớm. Nhưng Hòa Thượng nằm mộng thấy ba vị hình tướng trang nghiêm rất đẹp, một vị là Bồ-tát Di-lặc một vị là Bồ-tát Quán Âm, một vị là Bồ-tát Văn-thù. Bồ-tát Văn-thù nhắc nhở Hòa Thượng: “Thân người là vô thường, mỏng manh, đáng chán nhưng không nên hủy hoại thân này. Thân này như chiếc bè gỗ để mình qua sông, nếu qua sông bị chới với, bị chìm thuyền mà gặp khúc gỗ mục cũng phải ôm để vào bờ. Cũng vậy, chúng ta phải tạm mượn thân này để tu hành, không nên bám chắc vào nó quá cũng không nên ghét bỏ nó làm cho thân hủy hoại. Sở dĩ bị thế này là vì đời trước ông là vị quốc vương chinh chiến nhiều nên sát hại vô số sinh mạng. Nhân quả phải trả, đáng lẽ phải đọa nhưng do đời nay ông biết tu nên chuyển thành nghiệp bị bệnh đau nhức giống như những mũi tên đâm. Đó là chuyển nghiệp nặng thành nghiệp nhẹ, hết nghiệp này ông sẽ mau đắc đạo thôi. Thời gian sau, sẽ có một vị tăng từ Trung Hoa qua học pháp, ông tận tình chỉ dạy cho vị đó thì nghiệp của ông sẽ hết”. Bây giờ nghe ngài Huyền Trang qua, đúng như những gì trong mơ đã thấy nên Hòa Thượng xúc động khóc”.

Như vậy, ngài Giới Hiền biết rõ nghiệp quả của mình rồi thì nhẫn nhục chịu, nỗ lực tu nên dần dần hết nghiệp. Người học Phật hiểu rõ tất cả đều do nhân quả, đều có nhân duyên, không có gì là tự nhiên cả. Tổ Bồ-đề Đạt-ma có dạy: “Người tu hành khi gặp phải những cảnh khổ phải tự nghĩ rằng ta từ trong vô số kiếp lâu xa đã bỏ quên gốc chạy theo ngọn, nên bị trôi nổi lang thang trong các cõi. Trong đó phần nhiều chúng ta đã dấy tạo bao nhiêu điều trái nghịch, oán ghét, hận thù. Nay đây tuy không có phạm phải nhưng đó là quả uơm từ nhiều đời trước. Khi quả đã chín mùi thì sẽ rụng xuống, chứ chẳng phải là trời thần hay người nào đem đến cho mình. Khi quả trổ thì chúng ta sẵn lòng nhận chịu, không nên sanh tâm oán trách. Kinh nói gặp khổ chẳng lo buồn, tại sao? Vì biết thấu suốt duyên có của nó”.

Tổ dạy, nếu trong đời nay chúng ta tu hành có gặp cảnh khổ thì phải nhớ rằng mình sống luân hồi trong biển khổ. Trong vạn kiếp luân hồi đâu phải lúc nào chúng sanh cũng tạo điều lành, điều tốt. Có khi tạo những điều oán ghét, oan trái với người mà chúng sanh đâu nhớ, bây giờ quả nó đến để đời chứ không gì khác. Do đó chúng ta phải nhẫn chịu để tạo nghiệp lành, chuyển oán trách khổ đau thành hoan hỷ an vui mới mong hết nghiệp.

Phật dạy nhân quả có ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Đời này con người không làm điều ác nhưng đời trước đã tạo những điều ác đó, nay quả đời trước đã chín nên chúng ta phải hái nó trước. Đồng thời đời nay chúng ta tạo những điều lành, thì như mới trồng cây, cây nào trồng sớm sẽ có quả trước, cây này trồng trễ sẽ có quả muộn. Khi hiểu rõ nhân quả, chúng ta sẽ có niềm tin trong

sáng vào Phật pháp. Hiểu nhân quả rồi thì khỏi đi coi bói, gặp nghịch cảnh biết đây là mình đã tạo ở đời trước, mau mau tạo điều lành để chuyển dần thôi. Cũng như Phật dạy tu phước tích thiện sẽ chuyển nghiệp nặng thành nghiệp nhẹ. Như chú Sa-di còn bảy ngày nữa sẽ chết, thầy của chú đã chứng đạo biết quá khứ vị lai nên cho chú về thăm nhà bảy ngày. Trên đường về thăm cha mẹ, chú Sa-di đi qua con suối thấy bầy kiến bị cuốn chơi với giữa dòng nước, chú thấy cảm thương nên bẻ nhánh cây khô thả xuống cho kiến theo nhánh cây bò lên bờ, xong việc chú về nhà. Lâu ngày về thăm, nên cha mẹ giữ chú lại thêm ít bữa. Khi chào cha mẹ về tới chùa thì quá mười ngày, ông thầy ngạc nhiên tính có bảy ngày là chú sẽ chết mà sao giờ quá hạn thấy chú vẫn bình an?

Vị thầy mới hỏi: “*Trên đường đi con có làm điều gì lạ không?*”.

Chú Sa-di đáp: “*Dạ, không*”.

Thầy hỏi lại bảo chú nhớ kỹ xem, chú chợt nhớ bèn thưa: “*À, mà trên đường về thăm cha mẹ, con đi qua dòng suối thấy bầy kiến đang chết đuối giữa dòng, thấy thương nên con bẻ nhánh cây khô cho nó bò lên*”.

Ông thầy bảo: “*Đó là phước lành con đã tạo khiến thêm tuổi thọ cho con. Vì cứu được bầy kiến, tạo công đức lành mà chuyển đổi được nghiệp yếu mạng cho con*”.

Vì vậy, luận trên nhân quả, chúng ta khỏi phải đi coi thầy bói chỉ lo tu tạo công đức lành tốt thì sẽ chuyển đổi được nghiệp lực của chúng ta.

---o0o---

IV. TÓM KẾT

Nghiệp do chính chúng ta tạo, hiểu như vậy chúng ta sẽ không đổ lỗi cho ai. Đồng thời cũng là trả lại quyền tự chủ cho mình, mình làm thì mình chịu, rồi mình tự cải tạo đời sống để tiến lên, lấy lại niềm tin cho chính mình. Phật dạy ai cũng đều có Phật tánh, đó là đức tánh sáng suốt chứ không phải xấu xa. Dù là tên ăn trộm tội lỗi nhưng người đó cũng có cái tâm lành. Tên trộm đâu muốn mình thành người xấu, biết ăn trộm là xấu nên mới lén rình lấy. Tuy biết vậy nhưng bị nghiệp làm chủ rồi dẫn đi, vô minh che nhiều quá chứ cũng biết đó là điều xấu. Trong sâu thẳm nội tâm của mỗi người đều có tánh thiện, nếu chúng ta biết khai thác, phát huy thì những điều xấu này sẽ chuyển dần thành tốt. Đó là tu. Mỗi người đều có cái gốc tốt lành để phát triển, Phật là từ chúng sanh giác ngộ tiến lên thành Phật. Phật biết phát triển sớm và chỉ đường cho chúng sanh để ai cũng biết phát huy ra điều đó để tu thành Phật.

Vua Trần Nhân Tông khi đi tu, Ngài giác ngộ có làm bài kệ về Cư Trần Lạc Đạo:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,

Đói đến thì ăn mệt ngủ liền.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,

Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên.

Trong nhà có báu, báu đây không phải vàng bạc, hột xoàn, kim cương mà là mọi người đều có Phật tánh. Tánh giác sáng suốt là của báu, báu trong Phật pháp không cần tìm kiếm ở bên ngoài mà phải biết phát huy, khai triển nó ra thì sử dụng được. Đó là chuyện những tập nghiệp, chuyện chúng sanh thành Thánh hiền. Ngược lại, nếu người cứ chôn vùi của báu tức nhiên làm mãi chúng sanh. Chúng ta phải có niềm tin tiến lên, khai thác được của báu trong nhà để dùng mãi không hết. Như vậy, Phật đã chỉ đường, đã trao thuốc cho chúng sanh rồi. Việc còn lại là tự mỗi người lấy thuốc ra uống cho mau hết bệnh. Phải tự lực đi bằng đôi chân của chính mình mới mong mau về nhà. Vậy mong rằng tất cả chúng ta phải khéo tu tập, phát triển thiện tâm của mình tiến lên trên đường học Phật. Ngõ hầu mang lại lợi ích cho chính mình, đồng thời tác động đến mọi người xung quanh để ai ai cũng cảm nhận được giá trị thiết thực của Phật pháp. Từ đó con người gây dựng niềm tin, hướng về ánh sáng Phật pháp để chuyển hóa khổ đau sống đời an lạc. Được như vậy, chúng ta sẽ làm tăng trưởng công đức, gián tiếp truyền bá Phật pháp, xứng đáng là người đệ tử Phật.

---o0o---

04. CÁI MÊ TRUYỀN KIẾP

I. THẾ NÀO LÀ CÁI MÊ TRUYỀN KIẾP?

Quý vị biết cái mê truyền kiếp là thế nào không? Tức là cái mê từ đời này truyền qua đời kia, truyền mãi đến nay, chúng ta ngồi đây mà nó cũng còn đó không dứt. Ai sanh ra đời cũng đều có cái mê này, nên gọi đó là truyền kiếp. Vậy cái mê truyền kiếp là gì? Tức tình chấp ngã, cái mê chấp ngã. Và người nào còn đi trong sanh tử luân hồi, cũng đều mang theo cái mê này.

Nếu người không có cái mê này thì không còn đi trong sanh tử. Giả sử có đi vào sanh tử là vì thương chúng sanh mới vào.

Trong pháp 12 nhân duyên, vô minh là gốc của luân hồi. Mà vô minh là mê. Tức là ngay một niệm bất giác ban đầu, quên mất tánh chơn sẵn có của chính mình, từ đó mang theo cái mê này đi mãi trong luân hồi.

Chỉ do niệm bất giác mà chúng ta đã mang cái mê đó đồng hành với nó, lấy nó làm chủ cuộc sống và tiếp tục cuộc hành trình vô hạn định này.

Quý vị kiểm thật kỹ xem mình đang sống là sống vì cái gì? Có người nói sống vì sự nghiệp v.v..., nhưng thật ra chúng ta “**sống vì cái ngã**”. Nếu không có cái ngã, không có cái tôi thì lấy gì để sống? Do đó, người đời vừa mở miệng thì tiếng “**tôi**” là đầu tiên, là chủ từ.

Thí dụ như mục đích quý vị đến đây là gì? Vì “**Tôi đi nghe pháp**”; rồi “tôi ăn, tôi mặc, tôi đi làm, tôi buồn, tôi vui, tôi tạo sự nghiệp...”, cái gì cũng lấy tôi là chủ từ hết. Bao nhiêu những sự buồn vui, giận ghét, hơn thua, phiền hận, cho đến những mưu toan, tính toán trong cuộc sống cũng đều vì “cái tôi”.

Trong kinh kể câu chuyện về vua Ba Tư Nặc và bà Mạt Lợi phu nhân cùng luận đạo. Một hôm, vua hỏi bà: “*Trên đời này ái khanh thương yêu ai nhất?*”. Bà đáp: “*Dĩ nhiên thần thiếp thương yêu bệ hạ nhất*”. Rồi bà mới hỏi lại: “*Còn bệ hạ, ã chẳng hay bệ hạ thương yêu ai nhất?*”. Vua đáp: “*Trẫm thương yêu ái khanh nhất chớ còn ai nữa*”. Nhưng bà lại nói thêm: “*Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ cho phép, thì thần thiếp sẽ nói khác đi một chút*”. Vua hơi ngần ngừ, nhưng cũng nói: “*Được ái khanh cứ nói*”. Bà thưa: “*Muôn tâu bệ hạ! Thực ra trên cõi đời này thần thiếp chỉ thương yêu thần thiếp nhất thôi!*” Vua không hiểu, nói: “*Ái khanh có thể nói rõ cho trẫm hiểu không?*”. Bà mới giải thích: “*Bởi vì thần thiếp thương yêu chính mình, nên muốn bệ hạ ban bố cho thân của thần thiếp được hạnh phúc, được nhiều an vui, mà muốn được như vậy thì thần thiếp phải thương yêu bệ hạ. Có vậy, bệ hạ mới thương yêu, rồi ban bố cho thần thiếp hạnh phúc, cái này cái kia... Cho nên vì yêu thương mình mà thần thiếp yêu thương bệ hạ*”. Bà mới nói thêm: “*Cũng như bệ hạ cũng chỉ yêu thương mình bệ hạ thôi. Để làm rõ việc này, thần thiếp xin thí dụ, nếu như thần thiếp lại đi yêu thương một người khác thì bệ hạ sẽ nghĩ thế nào? Có phải là bệ hạ sẽ chém đầu thần thiếp hay không?*” Nghĩa là, nếu thật sự bệ hạ thương yêu thần thiếp bậc nhất, thì trước sau gì vẫn yêu thương, có sao lại phải chém đầu? Đó là lẽ thật.

Vua Ba tư Nặc mới hiểu ra. Sau đó hai người cùng dẫn nhau đến gặp Phật, rồi thuật lại việc bàn luận, xin Phật xác minh. Phật xác nhận lời của bà Mạt Lợi phu nhân đúng, và nói bài kệ:

Tâm ta đi cùng khắp

Tất cả mọi phương trời

Cũng không tìm thấy được

Ai thân hơn tự ngã

Tự ngã đối mọi người

Quá thân thiết như vậy

Vậy ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người.

Phật dạy là tâm chúng ta đi khắp tất cả mọi phương trời, và xét kỹ thì không ai thân yêu hơn tự ngã của mình. Bởi tự ngã đối với mọi người quá thân thiết như vậy, ai cũng yêu thương tự ngã của mình. Theo tâm lý ở thế gian nếu mình yêu tự ngã của mình thì người khác cũng yêu tự ngã của người khác; vì vậy mình yêu tự ngã của mình thì chớ làm hại, làm tổn thương đến tự ngã của người khác.

Quý vị thấy Phật dạy rất là công bình. Hiện nay, chúng ta yêu tự ngã của mình nhưng làm tổn thương tự ngã của người khác. Luôn làm khổ nhau, sống cách biệt nhau là từ chỗ đó. Nếu biết y lời Phật dạy, thì cuộc sống sẽ rất vui, rất gần gũi vì mình biết yêu tự ngã của mình, nên càng tôn trọng tự ngã của người khác, thì làm sao có chuyện buồn, vui với nhau. Chúng ta thì khác, vì tôn trọng tự ngã của mình, nhưng hạ thấp tự ngã của người khác thì làm sao đến gần nhau được.

Cho nên, Phật dạy rất là chí lý, mà đó là lẽ thật của thế gian. Nếu lấy kinh nghiệm đó để sống và biết rõ ai cũng có cái ngã hết, thì đừng quá chủ quan, chỉ “biết có mình” mà không biết người, rồi gây đau khổ cho nhau. Theo tinh thần Phật dạy thì phải biết mình biết người. Mình quý tự ngã của mình thì cũng quý tự ngã của người khác, thì sẽ cảm thông đến gần với nhau hơn.

Đó là Đức Phật dạy cách sống còn trong tương đối, nhưng không phải là chỗ rốt ráo. Đừng nghĩ Phật dạy nếu người yêu cái ngã của mình thì phải quý tự ngã người, tức t hấy có ngã, mà còn phải tiến lên “quên ngã”õ nữa.

Trong kinh Viên Giác, Phật giải thích rõ vô minh là chấp thân tứ đại này là ta, rồi tâm duyên theo bóng dáng của sáu trần bên ngoài là ta. Tức là con người này gồm cả thân-tâm đều không phải thật là mình, không thật là ta, nó là cái sanh diệt tạm bợ vô thường nhưng lại chấp cho đó là mình, đó là vô minh.

II. HỌC PHẬT LÀ HỌC TỰ NGÃ

Theo ngài Đạo Nguyên Tổ của tông Tào Động Nhật Bản dạy người học Phật là: “*Học đạo tức là học tự ngã. Học tự ngã là buông bỏ tự ngã, mà buông bỏ tự ngã là giác ngộ các pháp, giác ngộ các pháp là buông bỏ thân tâm của mình và của người*”. Học đạo đơn giản như vậy. Tức là buông xả cái ngã chứ không gì khác.

Cũng như Thiền sư Pháp Loa dạy: “**Yếu chỉ của thiền định là thân tâm đều xả**”. Nghĩa là học Phật để thật sự thấy rõ chính mình, rồi chuyển hóa mình. Ban đầu là thấy rõ chính mình, rồi tiến lên là quên mình, để sống trở lại con người xưa nay.

Quý vị biết chính mình là gì không? Là không thật. Hiện tại, con người của chúng ta đầy tham lam, bòn xén, sân hận, si mê, ganh ghét, hơn thua, ích kỷ.... mọi người đều nghĩ đó là con người thật của mình. Chẳng lẽ quý vị chấp nhận con người thật của mình là như vậy, đồng hóa mình với những thứ đó hay sao? Tôi tham, tôi sân, tôi ích kỷ..., đồng hóa những thứ đó là mình, chẳng những thế lại còn quá yêu thương nó, không dám bỏ, đó gọi là mê.

Có một anh chàng nông dân cũng là Phật tử, đến hỏi thiền sư Bàn Khuê:

- Bạch thầy! Bản tánh của con vốn nóng nảy, xin thầy chỉ cho phải làm cách nào để sửa đổi?

Thiền sư Bàn Khuê bảo:

- Ông hãy đem tánh nóng nảy đó ra đây, ta sửa đổi dùm cho.

Anh nông dân thưa:

- Bạch thầy! Không được, bây giờ thì nó không có, nhưng mà khi gặp duyên, đụng chuyện thì nó mới hiện ra.

Thiền sư Bàn Khuê mới xác định:

- Nếu vậy, ngay bây giờ nó không có, chỉ khi nào gặp chuyện thì nó mới hiện, vậy là chính khi ông và người khác tranh chấp với nhau, thì mới tạo ra nó, thế mà ông lại nói nó là vốn sẵn ông đã đổ lỗi làm cho cha mẹ, thật là quá bất công.

Trước ông nói tánh nóng có sẵn, nhưng bảo đem ra thì đem không được, chỉ khi gặp duyên mới hiện. Vậy sao ông nói là vốn sẵn? Nếu ông nói như vậy là đổ lỗi làm cho cha mẹ sanh ra cái đó, thật là quá bất công.

Khi ấy, ông có tỉnh.

Đó là cái lầm xưa nay của tất cả chúng ta. Ai cũng nghĩ nóng nảy là cái tánh của mình, sẵn ở trong mình rồi, thương yêu không dám bỏ. Ở đây, ngài Bàn Khuê chỉ cho thấy rõ, lẽ thật là nó chỉ là cái đem vào sau này, chứ không phải là cái sẵn có từ ban đầu nên bảo đem ra thì đem không được. Nếu đã có sẵn thì lấy đem ra thôi, còn đây khi gặp duyên, xúc cảnh thì nó mới có. Vậy là nó có theo duyên, duyên qua rồi thì hết. Rõ ràng nó không phải là bản tánh, không phải là cái thật nơi mình. Nhận rõ như vậy thì không có lầm chấp nó là mình.

Nếu nó không phải là cái sẵn có, cái cố định nơi mình thì mình có thể chuyển, và nó có thể hết. Cho nên, nếu người khéo tu thì có thể chuyển hóa, vì nó không cố định, không có tánh thực, chắc chắn như vậy. Đây chính là lầm chấp ngã, từ lầm chấp này khiến chúng ta sống ngăn cách với nhau, rồi thu hẹp lại với nhau từ cái lầm đó.

Khi đã thấy rõ như vậy, thấu suốt được lẽ thật mới không đồng hóa mình với nó. Còn nghĩ đó là bản tánh của tôi, tức là mình đồng hóa mình với nó rồi, mà đồng hóa mình với nó thì làm sao trừ nó.

Một anh nông dân khác, thỉnh Thiền sư Vô Tướng đến nhà tụng kinh siêu độ cho người vợ của anh mới mất. Tụng xong anh mới hỏi:

- Bạch thầy! Thầy tụng kinh xong rồi, thầy có thể cho biết vợ tôi có thể được bao nhiêu lợi ích từ Phật sự này?

Nghĩa là anh muốn hỏi người mất được tụng kinh cầu siêu như vậy, được bao nhiêu công đức.

Thiền sư Vô Tướng bảo:

- Đương nhiên Phật pháp như thuyền từ độ khắp, như ánh mặt trời soi khắp hết, chẳng những vợ ông được lợi ích trong Phật sự này, mà tất cả chúng sanh cũng đều được lợi ích hết.

Anh nông dân nghe vậy, tỏ vẻ không vui, thưa:

- Vợ tôi rất là yếu đuối, nếu những chúng sanh khác mạnh hơn, thì họ đoạt mất công đức của nàng hết rồi. *Có thể xin thầy chỉ tụng kinh siêu độ cho riêng một mình vợ tôi, chẳng cần phải hồi hướng cho những chúng sanh khác.*

Thiền sư Vô Tướng nghe qua thương xót, nên từ bi giải thích rằng:

- Chuyển công đức của mình đến cho người khác, khiến cho mỗi một chúng sanh đều được thấm nhuần lợi ích, đó là pháp môn tu trì rất hay khéo. Hồi hướng nội dung là hồi sự mà hướng lý, hồi nhân để hướng đến quả; hồi tiểu hướng đại (tiểu thừa đến đại thừa). Như ánh sáng nó không chiếu rọi chỉ một người, mà chiếu rọi hết mọi người; cũng như mặt trời trên hư không muôn vật đều được chiếu soi, một hạt giống có thể sanh ra muôn ngàn quả trái. Ông nên dùng sự phát tâm như là đốt một ngọn nến, rồi mồi vào cho ngàn ngàn muôn muôn ngọn nến khác, thì chẳng những càng thêm sáng chói, mà bản thân ngọn nến cũng không do đó mà giảm bớt ánh sáng. Nếu như người người đều có quan niệm như thế, thì thân nhỏ bé của chúng ta đây, thường do sự hồi hướng của ngàn ngàn muôn người mà nhận được rất nhiều công đức, còn vui nào hơn nữa? Nên người học Phật chúng ta phải đối với tất cả chúng sinh đều bình đẳng.

Ngài giải thích rất hay, rất chí lý. Nhưng anh nông dân này anh cố nói thêm nữa: *“Theo giáo nghĩa thầy nói rất hay, nhưng xin phá lệ cho, vì hàng xóm của con, có lão họ Triệu đối xử với con thật quá xấu, có thể nào trong số chúng sanh đã hồi hướng đó, loại trừ ông ta ra được không?”*. Thiên sư Vô Tướng nghiêm giọng bảo: *“Đã nói là tất cả, tại sao lại còn có trừ ra?”*

Qua câu chuyện chúng ta thấy rõ, cũng vì cái ngã, cái tôi này nên lòng thương thu hẹp lại. Nếu làm Phật sự là làm việc lành mà vẫn có tâm như vậy, thì phước đức người này ra sao? Dĩ nhiên là bị thu hẹp nhỏ rồi.

Cho nên, tu học là để thấy rõ những ý nghĩa chân thật đó, để tâm mình mở rộng hợp với Đạo hơn.

Cũng như câu chuyện cô Ni có tượng Phật mũi đen. Tức là một cô Ni có tượng Phật rất đẹp lại quý. Cô thường lau chùi, thắp hương trầm đặc biệt trân trọng cúng dường lên tượng Phật đó. Sau, cô dời đến ngôi chùa khác và cũng mang tượng Phật đi theo. Chùa này thờ nhiều Phật, cô tôn trí tượng Phật của cô ngay giữa bàn thờ, và chọn trầm hương thượng hạng đốt cúng Phật. Chánh điện thờ nhiều Phật, cô nghĩ nếu khi đốt hương cúng ông Phật của cô thì hương sẽ bay qua phía khác rồi các vị Phật kia sẽ ngửi hết, Phật của cô không có phần.

Thế là, cô làm một cái phễu một đầu to một đầu nhỏ, để khói hương bay vào trong đầu to, còn đầu nhỏ thì đưa lên thẳng lỗ mũi ông Phật của cô. Vậy là bảo đảm ông Phật của cô sẽ hưởng mùi hương đầy đủ, khỏi bị phân chia. Lâu ngày khói đóng tượng Phật của cô nên lỗ mũi bị đen, trở thành Ông Phật mũi đen.

Như vậy cái nhân thắp hương cung kính tưởng đến Phật cúng dường rất quý. Nhưng lại vì mình, thu hẹp vào tượng Phật của mình, nên kết quả cũng thu hẹp. Và cuối cùng thành ông Phật mũi đen. Mà đen thì mất sáng chói. Đứng ra ông Phật đồng thì sáng chói, nhưng lại mất vẻ sáng chói.

Đúng ra Phật nào cũng là Phật tại sao có Phật của tôi? Đó là tâm còn thu hẹp, nên kết quả không trọn tốt, thành ra biến ông Phật thành lỗ mũi đen.

Từ nội dung câu chuyện nói đến ông Phật của tôi, còn chúng ta thì là thầy của tôi, chùa của tôi, Phật tử của tôi, đạo tràng của tôi. Bao nhiêu cái tôi đó mà thành vui buồn với nhau, có khi đưa đến thù ghét nhau.

Quý vị thấy phải không? Nhân ban đầu là tốt, nhưng đưa đến quả không được tốt. Có khi nhân lành mà đưa đến quả dữ. Cho nên **“cái tôi rất là nguy hiểm!”**.

Bởi vậy, Thiền sư Buddhadasa ở Thái Lan, có viết một quyển sách tựa là “Cái Ta Nguy Hiểm” trong đó có một đoạn ghi rằng: *“Hễ khi nào mà ý tưởng ta vừa có là có khổ ngay. Hãy nắm lấy nguyên tắc quan trọng này, rồi thì bạn được đứng vững vào một cương vị, để cho bạn tìm hiểu tinh hoa của Phật giáo. Và hưởng được nhiều điều lợi lạc của Phật giáo, nhờ biết tận dụng lợi thế sanh làm người và được gặp Phật giáo”*.

Tức là khi tìm hiểu Phật giáo, đã nắm vững được những tinh hoa những điều căn bản này rồi, thì mới thấy được những ý nghĩa sâu xa, mới cảm được những lợi lạc của Phật giáo đem đến. Và nên nhớ được sanh làm người lại được gặp Phật pháp là một duyên lớn đối với chúng ta. Nếu không khéo, nhiều khi tạo nhân lành mà quả không được tốt.

---o0o---

III. CON ĐƯỜNG VÔ NGÃ

Qua đó, chúng ta thấy rõ học Phật hay đi vào con đường đạo Phật, là phải đi qua cửa vô ngã, ban đầu từ cạn rồi tiến đến sâu. Nếu không đi qua cửa đó là đi sai đường.

Tuy quý vị ngộ sâu cách mấy đi nữa mà không đi qua con đường này, thì ngộ càng cao mà cái ngã cũng thêm cao thì đó là nguy hiểm!

Cũng vậy tu càng lâu mà cái ngã càng cao thì phải kiểm điểm lại.

Thí dụ Phật dạy tu lục độ: Tu hạnh từ bi là để cái ngã của mình càng mở rộng, càng đến với mọi người. Nhờ mở rộng lòng thương mọi người nên bớt nghĩ đến mình, đó là đi vào cửa vô ngã. Nhẫn nhục để hạ bớt bản ngã; giữ giới là ngăn bớt buông lung..., cũng là đi vào con đường vô ngã.

Nếu xét kỹ, do vọng chấp huân tập lâu đời nên thành thói quen. Giờ đây có khi chúng ta cũng biết rõ đó là mê lầm nhưng vẫn cứ chấp. Mà đã là thói quen,

là cái mới huân tập sau này, nếu quyết chí bỏ cũng có thể hết, đừng sợ nó không hết, bởi đó chỉ là làm chấp thôi.

Chẳng hạn, quý vị thấy thân này là đất, nước, gió, lửa là những thứ vô tri hợp thành. Nói tế nhị hơn, những chất cứng trong thân như xương, lông, tóc là đất; máu là nước; lửa là hơi ấm, nhiệt độ trong người; còn gió là những chuyển động trong thân như là mạch nhảy, tim đập. Thì bốn thứ đó nó đâu có hiểu biết.

Quý vị kiểm lại thử mấy dòng máu, mấy sợi tóc, mấy đốt xương, mấy hơi ấm, nó có biết gì đâu, chẳng lẽ Ta là cái đó hay sao?

Còn tâm này khi có khi không, luôn thay đổi sanh diệt nên vô thường. Vừa mới nghĩ điều này liền nghĩ qua việc khác, luôn luôn như vậy. Một ngày có thể nghĩ và thay đổi hàng ngàn hàng vạn điều nghĩ.

Như vậy niệm nào là ta? Xét kỹ nó là những bóng chấp chòn vậy thôi! Ngay thân của chúng ta, một ngày nó cũng thay đổi không biết bao nhiêu là cái ta trong đó, vậy cái nào là cái ta thiệt của mình?

Thí dụ quý vị đi làm về vợ ra chào, lúc đó ta là chồng. Khi đi vào trong nhà, đưa con đến thưa ba, lúc đó ta là cha. Gặp đứa cháu nội ra thưa ông, thì ta là ông nội. Vào bên trong gặp con chó nó mừng, lúc đó ta là chủ. Vào phòng trong gặp bà mẹ thưa mẹ, lúc đó ta là con. Nghe báo cáo bên phòng khách có người bạn đang chờ, bước qua phòng khách chào, lúc đó ta là bạn. Chỉ mới thời gian ngắn ngủi đó đã có bao nhiêu cái ta rồi? Nếu kiểm lại thì suốt cuộc đời có bao nhiêu cái ta?

Để thấy rõ bao nhiêu cái ta đó, là những “nhãn hiệu” dán vào thôi. Nhưng hầu hết con người đều làm chấp vào những cái không thực, những nhãn hiệu bên ngoài đó. Vậy cái ta nào là thực?

Trong kinh Kim Cang, Phật nói: *“Nói phàm phu tức chẳng phải phàm phu, nói chúng sanh tức chẳng phải chúng sanh, cho đến nói ngã cũng tức chẳng phải là ngã”*.

Nói phàm phu nhưng mà chẳng phải là phàm phu, vì nó không cố định là phàm phu, do mê gọi là phàm phu vậy thôi. Nếu chuyển hết mê thành Phật thì mất cái tên phàm, cho thấy Phàm, Thánh cũng là cái tên đặt ra thôi. Cho nên, nếu mỗi người đang ngồi đây, nhận rõ, hiểu được thấu chỗ này thì hay biết mấy! Tức mình là ***“phàm phu tức chẳng phải phàm phu”***.

Trong đây, chắc là ai cũng đều có nằm chiêm bao. Khi quý vị nằm chiêm bao lúc đó thấy ra sao? Thấy có thêm một cái tôi đi đây đi đó, cũng buồn vui giận ghét, có khi bị cọp rượt cũng sợ chạy, rồi gặp được ai cho viên kim cương

cũng mừng. Nhưng có khi nào quý vị đặt câu hỏi lại: Như vậy “cái tôi” mà bị cọp rượt chạy, “cái tôi” được viên kim cương vui mừng, rồi “cái tôi” đi đây đi đó, “cái tôi” buồn vui giận ghét..., và “**cái gì**” mà thấy lại những cái đó? Thành ra còn có “một cái thấy lại” no, ù là rõ ràng có hai cái tôi.

Hiện tại sự sống của chúng ta cũng vậy, đang sống với cái tôi thứ hai, thứ ba. Còn cái “biết được” mấy cái tôi đó thì hình như ít ai nhớ tới. Nhưng nếu nghiệm kỹ lại được cái tôi trong chiêm bao thì sẽ tỉnh lại. Vậy có ai tỉnh chưa?

Khi kiểm lại, thì ai cũng có “thêm cái tôi” cho nên ai cũng đều dư hết, nhưng tưởng thiếu nên cứ đi tìm rồi thêm vào.

Thật ra, tu chỉ là buông bớt thôi chứ không gì khác. Buông là nhẹ mà thêm vào là nặng. Như quý vị mang cái túi đi đường, nếu cho vật vào thì mang nặng thêm, còn bỏ bớt ra thì nhẹ. Việc tu cũng vậy. Nếu buông bớt thì nó nhẹ.

Xưa có phạm chí Hắc Thị tu chứng ngũ thông, thuyết pháp rất hay. Một hôm, có vua Trời đến nghe ông thuyết pháp. Nghe xong, vị ấy báo cho biết, ông chỉ còn sống bảy ngày nữa thôi!

Nghe rồi, phạm chí hoảng năn nỉ xin vị ấy cứu dùm. Vị ấy nói nói tôi cũng không cứu được, nhưng hiện nay có Đức Phật ra đời, đang ở nơi đó. Ngài có thể đến gặp Phật. Phật có thể cứu Ngài giải thoát sinh tử.

Phạm chí dùng thần thông bay đến gặp Phật. Trên đường đi, thấy có hai cây ngô đồng nở hoa đẹp ở ven đường, tiên mới dùng thần thông bứng hai cây ngô đồng hai tay cầm đến dâng lên Phật.

Khi gặp Phật, phạm chí cầu pháp giải thoát sanh tử. Bấy giờ, Phật bảo ông hãy buông đi, thì ông buông cây ngô đồng bên tay trái xuống; Phật bảo buông đi! Ông buông luôn cây bên tay phải ra. Phật bảo buông nữa đi! Ông ngờ ngác nói: “Bạch Thế Tôn, hai tay con cầm có hai cây, Thế Tôn bảo buông, thì con đã buông, giờ còn bảo buông gì nữa?” Phật nói: “Ta đâu có bảo ông buông hai cây ngô đồng, Ta bảo buông lần thứ nhất là buông sáu căn, lần thứ hai là buông sáu trần. Còn cái buông thứ ba là buông sáu thức. Tức là sáu cái biết phân biệt nơi mắt, tay, mũi, lưỡi, thân, ý của mỗi người. Buông được ba cái đó là giải thoát sanh tử”. Ngay đó phạm chí giác ngộ.

Quý vị thấy Phật dạy rất đơn giản, chỉ có ba cái buông thôi. Nghe nói thấy dễ nhưng khi làm thì khó. Thật ra không có gì khó cả, chỉ vì từ lâu quen chấp những suy tưởng là mình, giờ nhận rõ buông bớt dần đi. Nhiều khi chúng ta cứ nghĩ những cảnh này chi phối mình, hoặc là tướng đó làm động tâm mình, tức tâm bị tướng chi phối.

Nhưng quán kỹ tâm thì nơi mình, còn tướng cảnh thì ở bên ngoài. Tâm ở đây, còn cái hoa hoặc là tường vách ở đằng kia, hai cái đó nó cách rất xa, thì có dính dáng gì với nhau đâu.

Thứ nữa là tâm có biết rõ ràng, còn tướng thì vô tri. Vậy nó đâu dính gì với nhau. Nhưng tại sao chúng ta cứ gắn chúng vào với nhau? Tại vì chúng ta “gắn cái tôi” vào trong đó rồi tưởng tượng, phân biệt mới gây ra bao buồn vui, giận ghét, thành rắc rối.

Thật sự thế gian này hay là thế giới vốn là thanh bình, an ổn không có chuyện gì hết, nhưng tại chúng ta chen vào gây rối. Thí dụ chiếc xe hơi đẹp đẽ ngoài xa kia, nó cũng đâu có nói đẹp xấu gì. Nhưng do chúng ta thấy chiếc xe rồi đánh giá là đẹp thượng hạng, liền khởi tâm lên mới bắt đầu gây rối.

Cũng vậy, bình hoa này đứng đó rất là thái bình, do con người thấy rồi xen cái tôi phân biệt vào, tôi thấy hoa như vậy, anh kia thấy hoa như thế kia, từ đó mới có sanh chuyện. Trả hoa về vị trí nguyên thủy của nó, hoa chỉ là hoa thôi! Hoa đâu có nói đẹp nói xấu gì. Đẹp xấu là do mình.

Nói rộng ra ngoài thế gian, thường ai cũng nói núi cao sông sâu, nhưng hỏi lại núi có nói nó cao, sông có nói là sâu không? Núi là núi nó có nói cao, nói thấp gì đâu. Bởi người khi trước từng thấy ngọn núi thấp hơn, giờ thấy ngọn núi này lại cho là cao.

Nhưng có người lại nói núi này không cao gì hết, so với ngọn Hy Mã Lạp Sơn. Thành ra cái cao, cái thấp là do mình. Ví dụ hai cây thước, cây thước dài để gần cây thước ngắn thì nó thành dài, nhưng mà để gần cây thước dài hơn thì nó thành ngắn. Cho nên dài ngắn đâu có định.

Hiểu rồi, mới thấy được cái gốc mê lầm của chúng ta. Quý vị nhớ lại ngày xưa đọc truyện Kiều của Nguyễn Du, bình luận câu : “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”, rồi chúng ta cũng theo đó bình văn. Nhưng giờ học Phật rồi, xét kỹ lại thì cảnh nó có đeo sầu không? Tại sao cảnh lại thành sầu? Do chúng ta sầu rồi đeo vào nó, rồi đổ thừa là cảnh đeo sầu.

Đó là cái lầm của tất cả chúng ta. Do sống với cái tướng rồi từ tướng đó chúng ta mới gán vào cảnh, dính với cảnh, rồi đổ thừa cho cảnh, mà không thấy được cái gốc nơi chính mình, và nếu không thấy được lẽ thaatri này thì tu cũng chướng ngại. Cứ đổ thừa tại cảnh làm chướng, làm khó, rồi bỏ cảnh này đi tìm cảnh khác. Nhưng nếu tâm không chuyển, thì tìm cảnh khác có hết buồn không? Nếu tâm mình bất an thì vào núi nó cũng bất an. Thí dụ ở chỗ động ồn ào thì tâm bất an. Nếu không khéo chuyển tâm bất an, thì vào núi nó cũng gặp những cảnh quấy nhiễu rồi vẫn bất an tiếp.

Ở đây, ngồi nghe xe chạy hoài nên tâm bị động, còn vào núi thì cọp gầm, vượn hú cũng động. Như câu chuyện của tiên nhân Uất Đầu Lam Phát đã tu chứng tới sức định phi phi tưởng xứ, Một hôm, đang ngồi thiền bên mé nước gần rừng, nghe chim kêu cá lội quấy động, ông nổi sân tâm bất an mất định. Ông mới phát nguyện sau này sẽ sanh làm con chồn bay để ăn hết mấy con vật trên bờ lẫn dưới nước luôn. Quý vị thấy đó là do tâm mình chưa khéo chuyển thành động tâm, phát nguyện ác sau bị đọa làm thân chồn bay, chịu nhiều đau khổ.

---o0o---

IV. TÓM KẾT

Tóm lại, chính “tình chấp ngã” ò là cái “**mê truyền kiếp**”. Từ kiếp này dẫn qua kiếp khác, từ đời này qua đời khác không dứt, nên vẫn mãi đi trong luân hồi, gọi là truyền kiếp.

Chúng ta học Phật là học trí tuệ, học giác ngộ, chứ đâu phải học cái mê. Khi thấy rõ được cái lầm đó, thì phải giải trừ, phải cởi mở. Dù chưa thể dứt hết tình chấp như bậc Thánh, nhưng phải cởi mở dần, thì đó mới là đường đi của mình. Mỗi ngày phải cởi mở, buông xả cho nó nhẹ bớt, thì đó là đi đúng con đường an vui chân thật.

Nếu quý vị bớt chấp ngã một phần, là cuộc sống chúng ta gần với nhau phần đó, thì có vui không? Nhờ vậy, phiền não nhẹ bớt. Đó là lẽ thật. Mong rằng mỗi người nghe rồi học kỹ, hiểu sâu lẽ thật này và khéo ứng dụng, để cuộc sống được cởi mở, nhẹ nhàng và thật sự bớt khổ, sống gần với nhau hơn.

---o0o---

05. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Bài pháp có tên là “Phát Bồ-đề Tâm” hay Phát tâm Bồ-đề, tức là tâm giác ngộ. Tất cả quý vị ở đây đều là Phật tử, là con bậc giác ngộ, mình phải học theo bậc giác ngộ. Học phát tâm Bồ-đề là học giác ngộ để xứng đáng với tên Phật tử của mình.

---o0o---

I. THÂN NGƯỜI KHÓ ĐƯỢC, PHẬT PHÁP KHÓ NGHE

Trước hết, nói qua ý nghĩa việc mình được thân người. Phật nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Quý vị thấy mình được thân người cũng đâu khó gì, pháp mình cũng được nghe đâu thấy khó gì, sao Phật lại nói: “*Thân*

người khó được, Phật pháp khó nghe”? Phật dạy: “*Trong kiếp luân hồi sinh tử này chúng ta được thân người là việc rất hy hữu, đâu phải chuyện thường*”. Kinh có một ví dụ: Được thân người giống như rùa mù gặp được bọng cây. Trong biển cả to lớn có khúc cây mục, trong khúc cây có một bọng trống lớn, gió thổi sóng đưa khúc cây qua lại, dưới biển có con rùa mù mắt, trăm năm mới nổi lên một lần. Khi nổi lên làm sao mà vào trúng bọng cây đó, có dễ hay không? Rùa có mắt sáng đã khó rồi vì bọng cây không đứng một chỗ, cứ trôi qua trôi lại. Con rùa mù có thể nổi lên vào trúng bọng cây là chuyện hy hữu. Chúng ta được thân người ở đây cũng như vậy. Nếu người không hiểu đạo, ba nghiệp thân, khẩu, ý cứ tạo nghiệp thì dễ đọa vào trong các đường ác, biết bao giờ mới trở lại thân người. Nói thân người khó được là như vậy. Khi chết thì nghiệp cứ dẫn đi chứ không ai chọn được đường đi, nếu lỡ sinh vào các loài súc sanh hay ngạ quỷ thì kiếp sống rất lâu dài, không biết bao giờ mới ra được.

Có câu chuyện về Tổ Xà-già-đa ở Ấn Độ, một hôm Tổ đi vào thành, tới cửa gặp một con ngạ quỷ đang đứng khóc. Ngài đã chứng Thánh quả, có thiên nhãn nên mới thấy được như vậy.

Ngài hỏi:

- Vì sao con khóc?

Quỷ con trả lời:

- Mẹ con sinh con ra chưa được bao lâu thì đi vào thành này tìm thức ăn, con chờ lâu quá mà không thấy mẹ con ra. Con đang đói khát, mong Ngài vào thành có gặp mẹ con thì nhắn lại dùm.

Ngài đi vào thành thì gặp ngạ quỷ mẹ.

Ngài hỏi:

- Sao ngươi vào đây lại để con ngươi đói khát đứng ngoài thành chờ?

Quỷ mẹ đáp:

- Bạch Ngài, con vừa mới sinh ra nó, còn đang yếu vào đây tìm thức ăn, tìm được chút gì thì bị những loài quỷ khác mạnh giựt hết. Vừa rồi, con thấy một người đang bệnh ói mửa bên đường, con lấy được thức ăn đó định mang ra cho con nhưng sợ vị thần giữ cửa thành ngăn lại. Xin Ngài ủng hộ giúp con đi ra để cho con của con ăn, vì nó đói khát lâu lắm rồi.

Ngài nhận giúp đưa ra, xong lại hỏi:

- Người sinh vào loài ngựa quý bao lâu và bao lâu nữa mới hết kiếp ngựa quý?

Quý mẹ trả lời:

- Con cũng không nhớ là đã bao lâu và cũng không biết bao lâu mới hết kiếp này. Nhưng con ở đây, đã thấy thành này bảy lần thành rồi hoại, mà con vẫn còn đây.

Vậy quý Phật tử thấy thời gian là bao lâu, bảy lần thành hoại như vậy là bao nhiêu năm? Nên Phật mới nói: “*Mất thân người rất khó được trở lại, được thân người rất quý hiếm*”. Khi có được thân rồi thì cũng không bền chắc, không đảm bảo lâu dài.

Quý Phật tử có ai dám bảo mình sống được bao lâu không? Phật dạy mạng sống con người là trong hơi thở. Mọi người nhìn thấy cái tướng thô của thân, nên nghĩ sinh ra ít nhất cũng sống vài chục năm. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, có một lần Phật muốn thử các vị Tỳ-kheo nên hỏi: “*Mạng người sống được bao lâu?*”.

Có vị Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn mạng người sống trong nửa ngày.

Phật không chấp nhận, nói:

- Ông chưa hiểu đạo.

Một vị khác bạch:

- Bạch Thế Tôn, mạng sống của con người chỉ trong bữa ăn.

Một vị khác trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mạng sống của con người chỉ trong trong hơi thở.

Phật gật đầu nói:

- Ông hiểu đạo.

Thấy mạng sống trong hơi thở mới thấy đúng lẽ thật. Nếu quý Phật tử quán cho kỹ sẽ thấy đúng là mạng sống chỉ trong hơi thở.

Ví dụ: Từ đây đi tới trung tâm thành phố là mười lăm cây số. Đó là chúng ta thấy theo con mắt thường của mình, cứ tưởng như vậy là chính xác, nhưng

chưa chính xác đâu! Khi chúng ta muốn đi qua mười lăm cây số đó, trước hết phải đi qua từng cây số một, từng mét, từng bước. Nếu đứng một chỗ thì làm sao tới được mười lăm cây số đó. Nhưng thường người ta ít nhìn thấu đến chỗ vi tế như vậy, chỉ nhìn thấy tướng thô. Chẳng hạn khi ta đốt một cây nhang, quay một vòng thì ta thấy cái vòng tròn, nhưng thật ra không phải là vòng tròn mà là từng chấm lửa, nó kết lại quá nhanh khiến mắt ta nhìn thấy một vòng tròn. Cũng vậy, sở dĩ ta sống được sáu, bảy chục năm thì phải qua từng hơi thở, cộng lại thì mới thành được sáu, bảy chục năm. Nếu trong khoảng giữa đó có một, hai hơi thở không cộng lại thì sao? Vậy có phải mạng sống là trong hơi thở không? Nếu nói mạng sống trong bữa ăn thì khoảng mười hơi thở không cộng lại đâu có ý nghĩa gì, vì mạng sống tới một bữa ăn kia mà! Cho nên Phật nói: “*Mạng sống của người chỉ trong hơi thở*”, nhưng thường thì chúng ta thấy mạng sống tới sáu, bảy chục năm nên thấy nó dài rồi dính mắc vào nó.

Người Tây Tạng có một câu ngạn ngữ “*Ngày mai hay đời sau cái gì tới trước ta không thể biết được*”. Chúng ta không thể biết được ngày mai tới trước hay đời sau tới trước. Có khi ngủ dậy là đi rồi, thế nên người Tây Tạng thấm sâu Phật pháp. Có một vị thầy nổi tiếng người Tây Tạng, mỗi đêm lúc đi ngủ, Ngài luôn rửa sạch tách, bình trà lau khô rồi gói lại cất trên đầu giường. Ngài nói vì ngủ rồi thì không chắc chắn có thức dậy được không? Nếu mỗi người chúng ta mà thấy được như vậy thì tu rất là mau tiến. Thân người mỏng manh như vậy mà mình không lo chuẩn bị tìm cái gì cao quý hơn để nương tựa, lại cứ bám chắc vào cái mỏng manh, bấp bênh này thành khổ. Cái cao quý, đó là Phật pháp. Nhưng Phật pháp đâu dễ cho người nghe, như trong bài kệ khai kinh:

“Vô thương thậm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ v.v...”

Dịch:

“*Pháp Phật sâu màu chẳng gì hơn*

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu v.v...”

Nếu sinh ra vào những vùng xa như vùng dân tộc thiểu số, có dễ nghe được Phật pháp không? Hoặc khi sinh ra bị tật nguyên đui điếc thì có dễ nghe không? Ở Ấn Độ, ngay thời Phật còn tại thế, có bao nhiêu người được nghe Phật pháp? Đâu phải thời đó toàn xứ Ấn Độ ai cũng được nghe. Quán kỹ thì mới thấy được cái phước duyên của mình, nên phải trân quý. Nếu không có duyên với Phật pháp thì không biết hiện giờ mình đang ngồi ở đâu, trong loài nào? Vậy mới thấy được chỗ đáng quý của mình, chứ không thì nghĩ: “Phật nói: “*Phật pháp khó nghe*”, sao mình nghe hoài mà đâu có thấy khó gì!”.

---o0o---

II. CÓ ĐẠO LÀ QUÍ

Nếu là người không biết Phật pháp, sống theo tham, sân, si mặc tình tạo nghiệp không lường. Lúc đó, cuộc đời mình thật đen tối, không có điểm tựa, đến khi thở ra không hít vào, không biết mình sẽ đi về đâu, rồi đau khổ, chói với.

Vì vậy, vua Trần Thái Tông có bài kệ nhắc cho người nhớ về sắc thân của mình là:

Bỗng mất thân người khi trước,

Trở lại mang lấy đây da.

Đội lông mang sừng, hàm sắc dây yên,

Lấy thịt nuôi người, dùng mạng trả nợ.

Sanh thì bị khổ đao bằm, chày nện,

Sống thì bị nạn nước sôi lửa bỏng.

Hằng chứa oán thù, thay nhau ăn nuốt.

Khi đó mới hối hận, học đạo không có nhân.

Có nghĩa là khi mất thân người, do nghiệp xấu đã tạo chúng ta phải sinh vào loài này, loài kia để trả nợ. Vào đó rồi thì khổ biết bao nhiêu! Vì sinh vào loài đó là để trả nợ, khi người đến đòi nợ thì mình sinh hận trở lại người ta, rồi lại chất chứa oán thù với nhau. Ân oán từ đời này qua đời kia theo vòng luân hồi xoay mãi. Khi đó, hối hận trước kia không biết tu, giờ không có nhân lành để học đạo, không điểm tựa, rất khổ sở, đâu ai cứu mình được.

không cứu được mình mà mình phải tự cứu mình. Phật chỉ là bậc thầy dẫn đường chỉ Phật pháp, chỉ rõ con đường an vui hay đau khổ cho chúng ta. Muốn an vui thì đi con đường an vui, đừng đi con đường đau khổ. Đó là Phật cứu khổ cho chúng ta rồi. Phật chỉ đường mình không đi, Ngài chỉ đường an vui mà mình đi con đường đau khổ, rồi kêu Phật cứu thì làm sao Phật cứu được. Điều đó rất thực tế. Nên vua Trần Thái Tông nói tiếp: “*Chỉ bằng ngay đây tu tập, chớ để đời này trôi qua. Đức Phật Thích Ca trước bỏ hoàng cung để vào núi Tuyết. Cư sĩ Bàng Uẩn đem gia tài đổ xuống biển sâu*”.

Vua khuyên mình ngày ngày nên tu tập, chớ để đời sống trôi qua, rồi sau đó hối hận. Vua dẫn chứng Đức Phật Thích Ca sống trong hoàng cung cao quý nhưng cũng bỏ đi vào rừng tìm đạo. Cư sĩ Bàng Uẩn cũng vậy. Khi giác ngộ rồi, ông đem gia tài, của cải chất xuống thuyền, chở ra biển bỏ hết. Có người nghe tin tiếc hỏi sao ông không đem bố thí để được phước. Đó là chúng ta nhìn theo quan niệm của chúng ta, nghĩ đem của cải bỏ như vậy quá uổng. Nhưng cư sĩ nhìn theo cái nhìn của người giác ngộ, chính của cải là nguyên nhân gây nên lòng tham, đem đến nguy hiểm cho con người. Vì giác ngộ, không muốn người khác đi theo dấu vết đó nữa nên ông mới vất bỏ chúng đi. Trong kinh kể có lần Phật đi đường thấy vàng rơi, Phật chỉ cho ngài A-nan và nói đó là rắn độc.

Ở đây, vua Trần Thái Tông cũng thấy được điều đó. Dù là một ông vua, Ngài vẫn khuyên mọi người khéo học đạo tu hành, phát tâm giác ngộ, chớ có tham luyến, đắm say thế gian vô thường. Vì sống trong thế gian nên phải tạm nhờ vào của cải, sự nghiệp thế gian. Chúng ta lại thấy của cải là thật của mình, nhưng theo Phật dạy thì của cải này là của năm nhà: nước, lửa, trộm cướp, vua quan, con bất hiếu. Sự nghiệp của cải đó gặp nước lụt, lửa cháy, trộm cướp thì sao? Sẽ tiêu tan hết. Nếu có tội thì bị vua quan tịch thu hết, có con hư nghịch xỉ ke, ma tuý phá hết. Cho nên, của cải không phải là của mình mà là của năm nhà.

Thân này cũng vậy, tạm nương ở đây, cuối cùng cũng bỏ. Biết vậy mà không học đạo để sáng tỏ, đó là mê. Người hiểu được rồi mới thấy lo sợ. Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ nhất có bài kệ:

Thân thể nằm dài trên giường lần cuối

Miệng thì thào những lời trần trối

Tâm ngắm nhìn ký ức lần cuối diễn ra

Bi kịch ấy khi nào sẽ đến với người.

Đến lúc nào đó thân nằm dài trên giường bệnh, miệng thì thào nói lời trần trụi, khi sắp ra đi thì những ký ức trong đời quay lại giống như cuộn phim. Trước tạo nghiệp gì, giờ hiện ra hết. Tạo nghiệp lành thì hiện ra nghiệp lành, điều tốt thì ta thấy vui vẻ đi vào đường lành, đường tốt. Nếu tạo nghiệp ác, nghiệp dữ nó quay lại những cảnh xấu thì sợ hãi, làm tâm mình rối loạn, đi vào cảnh xấu. Và ai cũng đi đến giây phút đó. Cho nên, Ngài nói bi kịch đó khi nào sẽ đến với người, cảnh đó khi nào sẽ đến với mình? Không ai tránh khỏi hết, nên khéo biết lo học đạo.

Quán xa hơn trong kiếp luân hồi, Phật dạy: “Chúng sanh đi trong luân hồi vô lượng kiếp, khóc không biết bao nhiêu lần”. Khóc cho người thân đã mất, khóc cho đau khổ trong đời, nhất là những vị lớn tuổi.

Phật cũng dạy: “*Nước mắt chúng sanh còn nhiều hơn biển cả*” Chúng ta đâu thấy kiếp luân hồi dài xa như thế nào? Hôm nay, được ngồi đây không biết là do đã trồng duyên lành gì lâu xa với Phật pháp mà được có thân người, được nghe Phật pháp, nghe những lời chân thật là một điều hy hữu, phải quán xét kỹ mới thấy được cái quý này. Đó cũng chính là chỗ mở ra con đường sáng sủa, con đường giác ngộ cho chúng ta đi.

Cho nên, vua Trần Thái Tông còn nói: “*Hoặc có người vui đầu trong ăn uống qua mắt một đời, lại có người trên đường tu hành làm lẫn không thức tỉnh, đâu biết tính giác Bồ-đề mỗi mỗi viên thành; nào hay căn lành Bát-nhã người người đầy đủ*”. Ý vua muốn nói có người cứ lo vui đầu trong sự ăn uống không biết có cái cao quý hơn, rốt cuộc qua mắt một đời; có người lại làm lẫn trên đường tu hành, không gặp được con đường chân chính, sáng sủa đúng đắn nên không thức tỉnh giác ngộ được. Thật là điều đáng tiếc! Đâu biết tính giác của mỗi người vốn đều đầy đủ, căn lành Bát-nhã ai ai cũng có, nhưng không phát triển được, thật đáng thương!

Vì vậy, vua khuyên mọi người nên phát tâm Bồ-đề, phát tâm tỉnh giác, sống trở lại tính giác Bồ-đề nơi căn lành Bát-nhã chính mình để sáng tỏ lại. Mọi người ai cũng có lẽ thật thù thắng cao quý nhưng bỏ quên, nhận cái tạm bợ hư dối. Nên nói “Con đường mê giác ngay chỗ đó”.

Lâu nay nghe nói “Bồ-đề” là một danh từ, nghĩa là “giác”. Mà “giác” thì cái gì giác? Là tâm giác, tâm biết thì tâm giác. Phật cũng từ tâm mà giác ngộ, chúng ta ai cũng có tâm ấy hết. Nghĩa là đều có tính giác. Vậy mà không lo phát triển tính giác, chỉ lo phát triển cái biết buồn, vui, giận, ghét, hơn, thua. Đó chính là mê lầm tạo phiền não, quên mất chân tánh giác ngộ. Ở đây, vua Trần Thái Tông nhận thấy được điều đó, vua nhắc nhở mọi người khéo soi trở lại để phát triển nó.

Trong kinh Phật cũng từng nói: “*Nhất thiết chúng sinh, giai hữu Phật tánh*” nghĩa là “*Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh*”. Nhưng vì chúng sanh mê nên phải làm chúng sanh, giờ biết rồi phải khéo phát triển nó trở lại, chuyển chúng sanh thành giác ngộ. Đó là con đường tiến lên của chúng ta. Có tâm là có biết, có tánh giác, vì mê nên trôi lăn hoài tạo nghiệp luân hồi, quên mất gốc, lang thang trong sinh tử. Gọi là sống tha hương, quên mất quê hương của chính mình là bản giác, là Phật tánh, chúng ta chỉ sống với tâm sinh tử như lưu lạc nơi xứ người.

Phật và các Tổ ra đời để nhắc nhở chúng sanh tỉnh giác trở lại. Phải soi lại ngay cái tâm giác để vượt lên cái mê làm này, sống trở lại cái gốc, tức có ánh sáng, có đầy đủ ý nghĩa sống. Quý vị thấy hiện tại chúng ta sống có gốc hay mất gốc? Trong cuộc vô thường, tạm bợ, biến đổi nhưng vẫn còn có chỗ nương, vẫn còn có cái tánh giác Bồ-đề làm chỗ nương tựa cho mình. Cho nên, đó cũng là

điểm chúng ta đáng mừng, mừng còn có điểm tựa. Nếu không chẳng biết cuộc đời chúng ta sẽ đi về đâu? Nên mọi người khéo phát triển tâm Bồ-đề. Nhưng muốn phát triển tâm Bồ-đề chúng ta phải biết tâm Bồ-đề là gì? Bản chất của tâm Bồ-đề là cái gì?

---o0o---

III. BẢN CHẤT TÂM BỒ-ĐỀ

Tâm Bồ-đề có ba nghĩa, hay bản chất của Bồ-đề đó có ba: Trục tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm.

Trục tâm: Là tâm niệm luôn hướng thẳng về Phật tánh sáng suốt của mình, không để nó quanh co, giả dối theo tham, sân, si. Nghĩa là không để nó cong theo cái vô minh, theo bản ngã ganh ghét, hơn thua đó là xa cái tâm gốc Bồ-đề. Thực tế chính tâm ngay thẳng chân thật trong sáng, đó là nó chuyển mình gần với bản chất của tâm Bồ-đề.

Có một vị tăng hỏi Thiền sư Duy Nghiễm ở Dược Sơn: “*Cái gì là vật quý nhất trong Phật pháp?*”. Thiền sư đáp: “*Không cong vạy*”. Thử kiểm xem tâm này lâu nay có cong không? Nếu học đạo mà tâm thẳng từ đầu đến cuối thì mau tiến lắm. Có người ban đầu phát tâm học đạo mạnh mẽ, xem như bỏ thân cũng được; nhưng lâu dần thì nó cong từ từ trở lại, thành ra sự học chậm tiến, chứ còn đúng từ đầu đến cuối nó thẳng một đường thì rất mau tiến, cũng mau đắc đạo nữa. Điều thứ nhất người học đạo cần phải có tâm ngay thẳng gọi là trục tâm.

Thâm tâm: Là tâm thường thích làm việc lành để gieo trồng các công đức, bồi dưỡng tâm Bồ-đề, không để cái tâm xấu chen vào, lấn áp đối gạt mình nên gọi là thâm tâm. Trên đường tu càng thêm nhiều công đức chừng nào thì càng tốt, chỉ sợ thiếu công đức, chứ đâu sợ dư công đức. Ví dụ: Một đám ruộng hay mảnh vườn nếu càng trồng nhiều cây ăn trái, nhiều hoa quả tốt thì cỏ dại càng bớt dần. Còn nếu ít trồng cây ăn trái, ít trồng hoa quả thì cỏ mọc làm chỗ nương tựa cho rắn, rít ắn náu. Đây cũng vậy, ít công đức, ít căn lành thì cỏ phiền não tham, sân, si nhiều, rắn độc ẩn trong đó cắn người. Vì vậy, càng nhiều công đức càng tốt, càng thúc đẩy chúng ta trên con đường tu học, giác ngộ sâu thêm, không trở lại con đường mê. Cho nên, nhà Phật có bốn câu kệ nhắc nhở người có tâm mạnh mẽ học đạo là Tứ Hoằng Thệ Nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thương thế nguyện thành.

- “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, tức là chúng sanh nhiều không kể, vẫn thế nguyện độ hết không bỏ sót là phát triển tâm Bồ-đề, phát triển tình thương của chúng ta đối với mọi người, mọi chúng sanh. Chúng ta có duyên lành học đạo trước, hiểu đạo sớm, nên nhớ và thương những người chưa hiểu đạo để cứu độ họ, nhờ vậy tâm Bồ-đề của ta càng lớn, càng mạnh thêm và cuộc sống của mọi người trên thế gian được an vui, gần gũi thêm. Còn chúng ta chỉ làm theo tâm phàm phu của mình, đôi lúc tâm cũng phát triển mạnh, giúp người này độ người kia, nhưng chỉ độ người nào thích hợp, mình thích thì mình độ, còn không thích thì không độ, bỏ bớt ra. Nên việc cứu độ còn giới hạn, còn theo tình chấp ngã cá nhân.

Đây thì Phật dạy phát triển tâm Bồ-đề rộng lớn để phá tan mọi ranh giới mình, người, dù người thích hay là không thích đều độ hết, nhờ vậy tâm mở rộng, gọi là tâm không biên giới. Trái lại, tâm chúng ta là tâm còn biên giới. Nếu ai sống được với cái tâm mở rộng đó thì cuộc đời vui hơn, thấy được chung quanh mình ai cũng gần gũi, vì không có biên giới.

- “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”, tức là phiền não nhiều vô tận vẫn thế nguyện đoạn hết. Như chúng ta cũng thế nguyện đoạn phiền não nhưng đoạn phần nào thôi còn để dành lại không dám đoạn hết.

- “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, tức là pháp môn nhiều vô lượng nhưng nguyện học hết, học hoài, học không ngừng. Chúng ta ngược lại, cũng học nhưng học một ít thôi, học vừa vừa thôi là thấy đủ rồi. Còn đây Phật dạy là học hoài không ngừng nghỉ, không thấy đủ.

Phật pháp đúng là học hoài không hết. Như ngay một lý vô thường thôi, có nhiều người học đạo lâu nghe giảng tới vô thường là không muốn nghe rồi, vì nghe nhiều, hiểu hết, cần nói cái gì cao siêu hơn! Sự thật không phải vậy, người hiểu được lý vô thường hoàn toàn không phải dễ. Ngày xưa các vị Tỳ-kheo thấu hiểu tốt cùng lý vô thường thì chúng A-la-hán, đâu phải tầm thường. Còn chúng ta có khi học thì hiểu nhưng nếu đặt câu hỏi lại xem mình có thật hiểu chưa? Đó là chúng ta học và hiểu qua cái hiểu của Phật, của Tổ, của Thầy, không phải thật là cái hiểu của chính mình. Nếu đúng là ta hiểu thì ngay đó đã chứng đạo. Nếu chỉ học hiểu theo Phật, Tổ, Thầy thì phải thường xuyên quán chiếu vào cuộc sống hằng ngày, đến khi sức quán sâu, trí tuệ phát ra, thì bằng cái thấy ấy mà tự mình giải tỏa được phiền não đau khổ. Nếu cho rằng đã hiểu mà phiền não vẫn đến thì đó chỉ là cái hiểu của Phật, không phải cái hiểu của mình. Học đạo là phải học kỹ, học sâu. Nên Phật có dạy chúng ta học Phật là phải học hoài “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” là vậy.

- “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”, đạo giác ngộ vô thượng, phải nguyện thành tựu không phải chỉ tu nửa chừng. Quý Phật tử thường ít dám nghĩ tới tu đến đạo vô thượng Bồ-đề, mà chỉ tu có phước sanh lên cõi trên! Nhưng Phật dạy phải phát nguyện tu đến thành Phật mới thôi. Vì Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có đạo vô thượng nên phải tu để đạt tới đích, không được dừng nửa chừng.

Đại bi tâm: Là tâm thương xót cứu độ người, đưa người đến chỗ an vui. Khi thấy được cái khổ của chính mình, cảm thông được cái khổ của người khác, quên mình đến với người để mở rộng tình thương của mình cho cuộc đời tốt đẹp hơn. Phật dạy mỗi người ai cũng có nguồn gốc đồng như nhau, đó là nguồn gốc của tánh giác sáng suốt, cùng chung một nhà Như Lai.

Khi thấy được như vậy thì không còn buồn vui giận ghét nhau nữa, vì đã cùng sống trong nhà Như Lai. Không còn bị cái tôi ngăn cách, lúc đó mình sẽ bớt khổ, an vui thêm. Vì vậy, phải chú ý phát triển đại bi tâm.

Thường thì chúng ta quen sống với cái tôi của mình, nay Phật dạy phải quên bớt, chan hoà cùng nhau sống, từ cái khổ của mình mà cảm thông được cái khổ của người. Ví dụ khi chúng ta bệnh thấy buồn khổ, than sao mình bệnh mà không ai đến thăm, an ủi, rồi đưa đến buồn tủi và khổ thêm. Nếu nhân bệnh khổ của mình rồi nhớ đến bệnh khổ của chúng sanh, khi người bệnh người cũng khổ như mình, đau như mình, nhờ đó mà cảm thông được cái khổ của người, quên bớt cái khổ của mình; tự nhiên mình sẽ ít khổ hơn. Thương người cũng là thương chính mình, nhưng chúng ta lại không biết. Thường người ta chỉ nhớ thương mình, không nhớ tới người, càng thu hẹp lại càng khổ hơn.

Học Phật pháp chúng ta sẽ thấy rất nhiều điều hay, nhưng vì không học tới nên chưa thấy hay. Khi học đến nơi chốn rồi thì rõ ràng Phật pháp là Pháp bảo đúng như ý nghĩa mà chúng ta đã quy y, thật không phải chỉ là danh tự chữ nghĩa. Nếu học Phật kỹ, hiểu đúng rồi nếm sâu được Phật pháp trong cuộc sống, khi đó niềm tin vững chắc, trí tuệ sáng suốt không lay chuyển.

---o0o---

IV. TÓM KẾT

Từ nay, quý vị có chịu phát tâm Bồ-đề chưa? Học Phật là để phát tâm Bồ-đề, để giác ngộ. Dù chưa giác ngộ bằng Phật nhưng cũng bắt đầu tiến lên. Nhiều kiếp xa xôi chúng ta mê quá nhiều, rồi đến đây còn không thấy đủ hay sao? Phải dừng lại để chuyển về tính giác, đầu thiền tiếp tục nữa. Ngay đây giác trở lại là vừa rồi, không còn hối tiếc gì nữa. Mỗi người hãy phát tâm Bồ-đề là vừa, hãy đi theo con đường giác ngộ, sáng suốt để tiến lên, chứ không thể đi theo con đường vô minh mê lầm mãi.

Khi hiểu rõ, Bồ-đề chính là ở ngay tâm mình, không ở đâu xa. Tâm có hiểu biết tức là có giác, là tính Bồ-đề sẵn trong đó. Vậy thì ai cũng có thể phát tâm Bồ-đề, không có phân biệt nam nữ, già trẻ, lớn nhỏ, cũng không phân biệt chủng tộc, màu da. Không nói tâm này chỉ có ở người già hay người nam mới phát được. Ai cũng có thể phát hết, đó là một lẽ thật quý báu, vậy mà chúng ta không chịu khai thác sao? Bằng chứng hiện tại là có ông Sadi người Hungari phát tâm tu Phật, là chứng minh cụ thể ai cũng có thể phát tâm Bồ-đề.

Ngày xưa, thời Phật đệ tử của Ngài có đủ những người thuộc nhiều tầng lớp sang hèn khác nhau nhưng tất cả đều có thể chứng đạo được. Tỳ-kheo Vô Nãi trước kia là kẻ sát nhân, giết người rồi xâu lóng tay thành chuỗi để đeo, nhưng khi được Phật giáo hóa tu theo Phật cũng chứng quả A-la-hán. Còn có vị Tỳ-kheo Ni-đề xuất thân làm nghề hót phân cũng được Phật độ chứng A-la-hán. Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc là người ngu dốt, học hoài một bài kệ không thuộc, được Phật độ cũng chứng A-la-hán. Chúng ta bây giờ có dốt bằng ông Bàn-đặc không? Rõ ràng ai cũng sáng suốt nên đều phát tâm Bồ-đề được cả. Phát tâm Bồ-đề là phát triển lẽ thật, là chân lý bình đẳng với tất cả. Phát triển lý đó thì sống gần nhau hơn, phá tan mọi ranh giới của mình và người. Khi tình thương rộng lớn thì cuộc đời vui đẹp, sung sướng hơn. Mỗi người cần tha thiết cầu nguyện, mong cho ai chưa phát tâm Bồ-đề thì hãy phát tâm Bồ-đề, ai đã phát tâm Bồ-đề thì mong cho tâm Bồ-đề càng phát triển thêm lên thì cuộc đời này con người sẽ gần gũi hơn.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm “Đại Thông Trí Thắng” kể: khi Phật Đại Thông Trí Thắng thành Phật, Ngài phóng ánh sáng soi trên thấu các cõi trời ở khắp mười phương, dưới suốt đến cõi địa ngục. Các vị Phạm thiên phương Đông, Tây, Bắc xa xôi đều cảm nhận được ánh sáng của Phật chiếu đến cõi mình, lấy làm lạ nói: “*Hôm nay ánh sáng rực rỡ hơn bình thường, nên cùng chung bàn luận*”. Trong đó có vị Phạm thiên nói: “*Ánh sáng này khác thường, chắc là Phật ra đời hay vị Thánh Nhân nào đã ra đời? Chúng ta phải nương theo ánh sáng tìm xem nó phát ra từ đâu?*”. Rồi các vị theo ánh sáng đó được tìm gặp Phật Đại Thông Trí Thắng đang ngồi nơi đạo tràng, sắp thành Chánh Giác. Có mười sáu vị Vương tử đang thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi đó, chúng sanh ở các cõi bỗng nhiên thấy nhau, mới lấy làm lạ nói, lâu nay không thấy sao hôm nay lại thấy nhau, sao có chúng sanh nhiều vậy. Lúc đó không còn ranh giới cõi này cõi kia nữa. Khi tâm Bồ-đề phát ra như vậy, đúng là nó xoá tan những ranh giới của mình, của người. Cho nên gọi là không có ranh giới của kia đây, các cõi thông nhau thành một cõi. Còn mình bây giờ hai người ngồi kế bên nhau, mà có thấy nhau không? Hoặc có khi đi đụng mặt nhau mà không thấy nhau nữa, nhất là hai người có thành kiến với nhau! Bởi vì, mỗi người có thể giới riêng ở trong đầu cho nên cách biệt nhau. Tâm Bồ-đề mà phát chiếu soi rồi thì sẽ phá tan những ranh giới giữa ta và người. Thấy ai cũng có

tánh giác Bồ-đề hết, mình có, người kia cũng có như mình, cùng cảm thông với nhau, không có phân biệt, ngăn cách. Thấy ai cũng là Phật sẽ thành, ai cũng là những vị Phật tương lai. Vậy càng học đạo thì chúng ta càng thấy vui thêm, tươi sáng thêm, cuộc sống tươi đẹp, gần gũi nhau thêm. Học đạo như vậy đúng nghĩa là học đạo.

Còn chúng ta học đạo càng lâu lại càng phiền não thêm là sao? Như thầy đó, cô đó, học đạo càng lâu càng thấy khó thêm, làm cho người ta giảm niềm tin với Phật pháp. Chúng ta phải hiểu kỹ để tu hành đúng pháp, càng học đạo càng chuyển tâm khiến càng gần gũi mọi người thêm. Người học đạo mà có cuộc sống nội tâm, có đạo đức thì phát ra từ trường tốt. Mọi người ai cũng thích tới gần như vậy là tốt đẹp, nên càng phát triển tâm Bồ-đề nhiều chừng nào thì càng tốt chừng ấy.

Có một câu chuyện: Ở một vùng nọ của Tây Tạng, trước kia có ít người sinh sống. Thịnh thoảng xảy ra những chuyện đấu tranh giữa các bộ lạc. Có vị Đại sư Tây Tạng đã chứng đạo, Ngài đến vùng này thiên định giữa các con đường vắng là chỗ tiếp giáp ranh giới giữa hai bộ lạc. Ngài bỗng cảm nhận được một năng lực hủy hoại như đang sắp bùng phát.

Đại sư quyết định đem tâm thức an tịnh của mình thể nhập vào các năng lực xấu đó xem sao? Ngài đốt lửa nấu trà để xem thử việc gì sắp xảy đến và rồi Ngài nằm ngay giữa đường đi, ai đi qua cũng phải bước qua thân Ngài.

Hai nhóm bộ lạc nghe tin bực tức, phái hai ba kỵ mã mang vũ khí tới để trừ diệt. Mấy vị kỵ mã thấy Ngài nằm như vậy, nhảy xuống ngựa bảo: *“Người là thằng điên hay bị ốm, làm cái gì mà nằm như vậy, bộ định truyền bệnh cho người khác hay sao?”*. Lúc đó, vị Đại sư nằm thong thả, neho con mắt, bằng tâm từ bi Ngài nói: *“Đừng lo, các người sẽ không được truyền cái bệnh này đâu, ta đang ở trong tâm Bồ-đề tỉnh giác, mà tâm này không thể truyền cho các người đâu!”*. Nghe xong, họ tưởng Ngài điên khùng nên lắc đầu, lên ngựa đi mất.

Ngài nói bằng tâm từ bi tươi mát nên cảm đến ba người đó. Ban đầu, họ đến với thái độ bực bội định trừ khử, nhưng lại chuyển hóa dần. Sau đó, người ta truyền nhau một câu chuyện như là phép lạ, sự hiềm khích hàng chục năm giữa hai bộ lạc bỗng nhiên được hóa giải bằng một hiệp ước hoà bình. Người ta cũng kể rằng ba chàng kỵ mã đó được một lão già đắc đạo lây truyền tâm Bồ-đề, từ đó đi đâu họ cũng truyền cái tâm Bồ-đề cho mọi người. Sau này, trong những buổi giảng đạo cho số đông người, vị Đại sư Tây Tạng đã tuyên bố: *“Theo ta thì không chừng Bồ-đề tâm cũng có thể lây truyền được. Mặc dù, ta phải thừa nhận triệu chứng của Bồ-đề tâm ít khi được phát ra trọn vẹn”*. Ngài nói là nếu người tu đã chứng đạo phát tâm giác ngộ ra trọn vẹn thì ít nhiều cũng có thể lây truyền và phát triển tâm ấy đến người chung quanh. Đó cũng chính là

tâm cảm thông, yêu thương khi nhận ra chính trái tim mình ở trong trái tim của mọi người.

Vì vậy, người học đạo, hiểu đạo phải khéo phát triển tâm Bồ-đề của mình để lây truyền cho mọi người, càng nhiều càng tốt. Và cuối cùng, vị Đại sư Tây Tạng chấm dứt bằng một lời nguyện: *“Mong thay cho tâm Bồ-đề vô lượng sẽ được lây truyền cho mọi loài, không sót loài nào”*. Nếu được như vậy thì đời sống mọi người sẽ phát triển, chuyển hóa theo hướng tốt đẹp. Mỗi người đều sống với tâm Bồ-đề sẽ chuyển đổi thế gian, cõi đời sẽ tươi sáng hơn, ngay đây sẽ chuyển hóa Ta-bà thành Tịnh Độ.

Trong kinh Pháp Hoa, khi tháp Phật Đa Bảo hiện ra, các đệ tử muốn thỉnh Phật Thích Ca mở cửa tháp Phật Đa Bảo để thấy chân thân của Phật. Phật Thích Ca nói: *“Phật Đa Bảo có nguyện: “Sau này dù ở đâu nếu Đức Phật nào nói kinh Pháp Hoa thì tháp của Ngài hiện ra, và vị Phật nào muốn mở cửa tháp để thấy chân thân Phật thì phải thâu hồi tất cả các hóa Phật của Phật ấy khắp nơi về một chỗ”*”. Sau đó, Đức Phật Thích Ca thu hồi hết các hóa Phật của Ngài. Khi ấy, cõi Ta-bà được kết bằng lưu ly, dây vàng giăng ngang đường, trang nghiêm tốt đẹp. Đất đá lồi lõm, xấu xí đều được dời đi nơi khác v.v... trở thành Tịnh độ.

Có nghĩa là khi muốn mở cửa th báu để thấy Phật Đa Bảo, tức Phật pháp thân hay tính giác Bồ-đề thì phải thâu hồi tất cả hóa Phật đang đi giáo hóa về một chỗ, lúc đó sẽ sáng tỏ tháp Phật Đa Bảo hay sáng tỏ tánh giác Bồ-đề nơi mình, và khi ấy cảnh Ta-bà được chuyển thành Tịnh Độ. Những chúng sanh tham, sân, si, cống cao, ngã mạn v.v... bị di dời đi chỗ khác. Hội Pháp Hoa sẽ được thanh tịnh, sáng suốt. Ngay đó chính là cõi Phật. Nghe pháp với tâm thanh tịnh thì mình sẽ dự được pháp hội đó.

khi quý vị tụng kinh Pháp Hoa, quý vị có được dự trong hội Pháp Hoa không? Hay bị dời qua cõi khác? Chúng ta phải tụng với tâm thanh tịnh, sáng suốt để được dự trong hội Pháp Hoa, mới đúng nghĩa là tụng Pháp Hoa. Nếu tụng Pháp Hoa mà nghĩ chuyện buồn, vui, phiền não v.v... là bị dời đi cõi khác rồi. Nên hiểu rõ, sẽ thấy kinh Pháp Hoa nghĩa lý huyền diệu, sâu xa, đừng nghĩ rằng đó chỉ là chuyện của Phật không liên quan đến mình.

Phật nói kinh là nói cho chúng sanh chứ đâu phải nói cho Phật, mà nói cho chúng sanh là nói cho ai? Cho chính chúng ta. Vậy là có phần của chúng ta trong đó. Nếu đọc tụng kinh theo chữ nghĩa, không hiểu nghĩa kinh thì sẽ thấy kinh xa, cách biệt. Khi hiểu rồi thì đúng là Phật dạy cho chính mình, lúc đó mình càng cảm nhận sâu ý nghĩa trong kinh, niềm tin càng vững. Sẽ cởi mở rất nhiều tình chấp, mê lầm. Như vậy mới đúng nghĩa càng học, càng tụng kinh trí tuệ càng thêm sáng suốt, công đức lớn thêm. Nếu tâm sáng suốt, trang nghiêm thì dù ở xa cũng như ở gần Phật, dự được trong hội Phật, mặc dù mình cách Phật hơn hai mươi lăm thế kỷ. Còn tâm mình không thanh tịnh, có đối diện với

Phật cũng xa, cũng bị đòi đi chỗ khác. Do đó tất cả đều từ tâm tịnh hay không thanh tịnh.

Quý vị nhớ trước khi Phật nói kinh Pháp Hoa, trong hội có năm nghìn vị Tỳ-kheo đứng dậy bỏ đi. Như vậy, có nghĩa là đang đối diện với Phật mà đâu có thấy Phật. Hiểu được ý nghĩa rồi thì thấy học Phật, tu Phật không xa lắm mà ở nơi ngay chính mình. Chỉ cần chuyển từ cái nhìn mê lầm thành cái nhìn giác ngộ, trí tuệ. Tu là chuyển cái nhìn, thay đổi cái nhìn thì cuộc đời mình thay đổi theo.

Trong nhà Thiền có câu chuyện bà già hay khóc: Bà già có hai con người con gái, một người bán quạt, một người bán áo mưa. Mỗi khi trời nắng bà nghĩ tới người bán áo mưa chắc bán ít được nên bà khóc thương cho đứa con gái đó. Còn khi trời mưa bà nghĩ tới người con gái bán quạt, chắc bán không được nên bà thương con mà khóc.

đến gặp Thiền sư thưa: “*Làm sao để bà có thể chuyển được cái khổ này?*”.

Thiền sư nói: “*Đơn giản thôi! Bà chỉ cần chuyển cái nhìn là được, khi trời mưa thay vì bà nhớ người con bán quạt, bà nhớ người con bán áo mưa, hôm nay chắc nó sẽ bán được nhiều, bà vui thôi. Còn trời nắng bà nhớ tới người con bán quạt là hôm nay nó bán đắt. Vậy là bà vui thôi!*”.

về thực hành đúng vậy, trở thành thường xuyên vui vẻ, nên được gọi là “Bà già hay cười”. Cũng vậy, nếu khéo chuyển cái nhìn thì vui buồn cũng theo đó mà thay đổi.

Có thiền sư đang đi trên đường gặp một cô gái nhảy xuống sông tự tử, Ngài kêu la gọi mọi người cứu cô gái. Sau khi được cứu lên, cô gái trách vị thiền sư sao cứu cô làm chi trong khi cô đang muốn chết, muốn thoát khỏi cuộc đời đau khổ.

Thiền sư hỏi cô gái: “*Tại sao?*”

Cô gái kể về cuộc đời cô toàn gặp những thất vọng, đau khổ, chỉ có tìm cái chết để an ủi.

Thiền sư giải thích: “*Con người có hai mạng sống: một mạng sống cho chính mình, một mạng sống cho mọi người. Lâu nay cô sống cho cái mạng sống của chính mình, bị xúc phạm có nhiều cái không được như ý, nên cô muốn huỷ hoại mạng sống. Bây giờ cô hãy coi như mạng sống đó đã chết, chuyển nó thành mạng sống cho mọi người, không còn mạng sống ích kỷ nữa. Cô hãy sống thật tốt đẹp vì mọi người, đem lại những điều phúc lành cho mọi người, làm được như vậy cuộc đời cô sẽ chuyển đổi*”.

Cô gái về và thực hiện sống quên mình đúng như lời dạy, đem lại hạnh phúc, an vui cho mọi người, nên quên đau khổ của mình, lâu ngày cuộc đời cô tươi sáng hơn.

Như vậy, rõ ràng chỉ cần khéo tu, chuyển cái nhìn là cuộc đời sẽ được thay đổi, sẽ tốt đẹp. Tức là, tùy theo cái nhìn, cái nhìn theo phiền não, đau khổ sẽ gây phiền lụy cho mình; còn cái nhìn trong sáng, cởi mở thì đem lại nhiều an vui.

Nhà Thiền có câu chuyện giữa Thiền sư Phật Ấn với ông Tô Đông Pha. Một lần, Tô Đông Pha đến chùa Kim Sơn gặp và cùng ngồi thiền với Thiền sư Phật Ấn. Sau buổi ngồi thiền ông hỏi ngài Phật Ấn:

- Hôm nay, thầy thấy tôi ngồi thiền thế nào?

Ngài Phật Ấn nói:

Hôm nay ông ngồi giống như vị Phật.

Và hỏi lại Tô Đông Pha:

- Hôm nay, ông thấy tôi ngồi thế nào?

Lâu nay, khi đối đáp với Ngài Phật Ấn ông luôn thua, hôm nay được dịp ngài Phật Ấn hỏi nên ông nói:

- Giống như đồng phân bò.

Ngài Phật Ấn nghe xong rồi im lặng cười. Tô Đông Pha nghĩ rằng Ngài Phật Ấn thua nên không nói thêm nữa.

Tô Đông Pha ra về, kể lại câu chuyện cho cô em gái, cô em gái này cũng là người học thiền và khá thông minh. Nghe xong câu chuyện, cô trầm ngâm một hồi rồi nói:

- Anh thua Ngài Phật Ấn rồi!

Tô Đông Pha hỏi:

- Thua chỗ nào?

Cô nói:

- Tâm của ngài Phật Ấn giống như Phật nên nhìn anh như Phật, còn tâm anh như đồng phân bò nên nhìn ngài Phật Ấn như đồng phân bò!

Cho nên, nếu tâm mình xấu thì mình thấy người xấu, cuộc đời xấu. Tâm mình tốt thì nghĩ người tốt, cuộc đời tốt. Khi tâm người phiền não mà ai tới làm phiền thì tự nhiên lửa sân bùng lên. Tâm mà vui vẻ, lạc quan thì người có muốn làm mình giận cũng không làm được.

Vậy tu Phật có khó không? Không khó. Chỉ cần nhìn theo tâm Phật, tâm Bồ-đề thì cuộc đời sẽ chuyển hóa tốt đẹp. Mong sao, từ nay quý Phật tử khi được lây truyền tâm Bồ-đề rồi chuyển cái nhìn, tiếp tục lây truyền tâm Bồ-đề cho mọi người để cuộc đời ngày càng sáng sủa, tươi đẹp hơn, chuyển Ta-bà thành Tịnh Độ.

---o0o---

06. YẾU CHỈ TÂM KINH BÁT NHÃ

I. DẪN NHẬP

kinh Bát-nhã là một bản kinh trọng yếu trong nhà Thiên, bản kinh này nói về “tánh không” của các pháp. Người tu Phật phải mở được cánh cửa trí tuệ, thấu đạt lý Bát-nhã để đi vào Không môn. Do đó chúng tôi xin trao đổi một chút về ý nghĩa: “Yếu chỉ Tâm kinh Bát-nhã”. Tất cả Phật tử chúng ta đều thuộc lòng bài Tâm kinh Bát-nhã, nhưng thuộc lòng danh tự Bát-nhã vẫn chưa đủ mà phải thuộc lòng **Bát-nhã**.

Thuộc lòng Bát-nhã là sao? Chúng ta ra đường gặp ai nói xúc phạm một chút, nghe hơi buồn buồn thì ngay khi đó chúng ta phải nhớ Tánh không. Những tiếng nói không thật, chúng ta cũng không thật, buồn cũng không thật chúng ta liền buông xuống thì mới là thuộc lòng Bát-nhã. Ngược lại, chúng ta để phiền não nổi lên, chỉ nhai đi nhai lại câu nói của người; tâm vẫn chạy theo vọng tưởng là chưa thuộc lòng Bát-nhã. Thuộc lòng Bát-nhã tức là lúc nào cũng thấy muôn pháp là không, nên không dính không mắc.

---o0o---

II. TINH THẦN BÁT-NHÃ LÀ PHÁ CHẤP, PHỦ ĐỊNH

Theo Bát-nhã, phủ định tất cả đều là không. Bồ-tát Quán Tự Tại khi quán chiếu sâu về Bát-nhã thấy năm uẩn đều là không. Năm uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không. Sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không; Sáu căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý cũng không; sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức v.v... cũng không. Mười tám giới đều không, rồi không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh v.v... không cả Tứ Đế, Mười hai nhân duyên, không chứng cũng không đắc. Vì vậy người học Bát-nhã là phá sạch, không cho tâm bám víu bất kỳ chỗ nào để không còn duyên mà sanh khởi.

Vì có chỗ tâm sanh là có chỗ tâm diệt, có sanh tử có khổ đau. Cho nên trước tiên là Phật phá chấp, không cho con người chấp vào cái gì hết, từ pháp thế gian cho đến pháp xuất thế gian.

Pháp thế gian Phật dạy chúng ta phải bỏ nhưng pháp xuất thế gian cũng không cho chúng ta bám, vì còn bám chấp là còn có ngại. Tu mà còn dính mắc bất cứ cái gì đều thành chướng ngại, cho dù đó là pháp xuất thế gian. Vì pháp xuất thế gian cũng là phương tiện, giống như vị lương y cho thuốc để trị bệnh cho người. Chúng ta uống thuốc hết bệnh thì phải bỏ thuốc, không ai hết bệnh mà lại uống thuốc hoài, nếu còn uống thuốc là chưa hết bệnh.

Pháp thế gian hay pháp xuất thế gian cũng đều là pháp, có lập ra thì có phá. Giống như chiếc xe là phương tiện chuyên chở con người đi từ chỗ này đến chỗ kia, như từ đây mà đến Đà Lạt, chiếc xe là phương tiện chở chúng ta đến Đà Lạt, nhưng chiếc xe không phải là Đà Lạt. Chúng ta ngồi trên chiếc xe để đến Đà Lạt, nhưng đến Đà Lạt rồi mà chúng ta cứ ngồi trên chiếc xe hoài thì cũng không đi được đâu hết, không biết gì về Đà Lạt. Cho nên tới Đà Lạt rồi chúng ta phải xuống xe, chiếc xe không phải mục đích, Đà Lạt mới là mục đích. Vì vậy Phật nói pháp nhưng rồi phá tất cả để con người không bám chấp vào pháp. Do tâm con người là quen nắm bắt, nên luôn có đối tượng để duyên theo. Như chúng ta ngồi chơi không có việc gì hết nhưng lại không chịu rảnh rang, ngồi một mình thấy buồn cô đơn bèn mở ti-vi xem hoặc kiếm sách báo đọc. Có người vào nhà vệ sinh còn đem theo tờ báo để đọc, tâm chúng ta không bao giờ chịu buông mà ngược lại luôn nắm bắt tìm chỗ để duyên. Nếu con người luôn sống với tâm rảnh rang, thoải mái, tự do thì có sướng hơn không? Nhưng con người lại thấy như vậy là trống vắng, cô đơn chịu không nổi nên phải tìm chỗ duyên chỗ bám.

Do đó, tâm con người luôn đi đôi với pháp (có tâm thì có pháp), để tâm duyên với pháp, pháp là đối tượng để cho tâm duyên. Tâm duyên theo pháp gọi là tâm sinh diệt. Thí dụ: Như con mắt duyên với sắc, lỗ tai duyên với âm thanh, ý duyên với pháp trần v.v.. Các căn luôn có đối tượng để duyên theo hiểu biết, ngược lại nếu không có chỗ duyên thì giống như là tâm không còn biết. Khi ngồi thiền, nếu bảo chúng ta đừng nghĩ gì hết thì rất khó, vì chúng ta luôn có đối tượng để duyên.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đức Phật dạy: *“Có hai thứ căn bản phiền não: Thứ nhất là căn bản sinh tử từ vô thủy là nhận tâm phan duyên làm tự tánh. Tâm phan duyên luôn nắm bắt đối tượng để duyên theo, rồi nhận cái đó làm tự tánh của mình. Đó là gốc sinh tử từ xưa tới nay, vì có đối tượng thì biết còn không đối tượng thì không biết gì hết. Đây gọi là tâm sinh diệt, là gốc sinh tử. Thứ hai là căn bản “Bồ-đề Niết-bàn”, tức là “Thức tinh nguyên minh” hay sanh ra các duyên mà bị các duyên bỏ sót nó”*. Nguyên là nguyên vẹn, minh là sáng suốt,

“Thức tỉnh nguyên minh” là cái thức nguyên vẹn, tỉnh rỗng không bị xen lẫn bất cứ cái gì. Nghĩa là cái thức căn bản nguyên vẹn sáng suốt hay sanh ra các duyên nhưng bị các duyên bỏ sót nó. Tức là nó biết cái này, biết cái kia, biết đủ thứ đó là sanh các duyên, nhưng khi nó biết cái nào rồi thì nó chỉ nhớ cái đó mà quên mất chính nó. Cho nên gọi là bị các duyên bỏ sót nó.

Thí dụ: như khi nó nhìn cái bình hoa thì chỉ nhớ cái bình hoa, mà quên mất chính nó. Chính chỗ đó mà người ta tu hành ít có đến được chỗ rốt ráo, ngược lại hay rơi vào các thú hoặc rớt vào các đường sanh tử. Con người thấy cái nào rồi thì đồng hóa mình với cái đó mà quên mất nó. Bây giờ chúng ta khéo trở lại, biết hết tất cả nhưng không bỏ sót nó thì đó là Bát-nhã. Như vậy không phải không cho chúng ta biết, biết hết nhưng đừng bỏ sót chính nó. Đó gọi là biết Bát-nhã, là gốc trở về Bồ-đề Niết-bàn. Chúng ta thấy giữa sanh tử và Niết-bàn cách nhau bao xa? Chỉ là một cái xoay thôi. Thay vì biết tất cả rồi đồng hóa nó với tất cả mà quên mất chính nó, thì đó là sanh tử luân hồi. Biết tất cả mà không quên mất chính nó, luôn luôn có mặt chính nó thì đó là gốc Bồ-đề Niết-bàn. Chỉ nhích chút xíu, đâu có cách biệt xa xôi gì. Nhưng tập khí nhiều đời làm con người không chịu nhích, nó biết cái gì thì đồng hóa cái đó, chỉ nhớ cái đó thôi.

Đúng như kinh Lăng-nghiêm, Phật quở Ngài A-nan. Phật đưa cánh tay lên, hỏi: “*Thấy không?*”. A-nan thưa: “*Thấy*”. Phật để cánh tay xuống, hỏi: “*Thấy không?*”. Đáp: “*Không thấy*”. Như vậy rõ ràng, khi đưa cánh tay lên thì thấy cánh tay, biết có cánh tay rồi đồng hóa chính nó với cánh tay luôn. Nó nhớ cánh tay mà quên mất chính nó, nên khi để cánh tay xuống thì nói là không thấy, vì nó chỉ nhớ cánh tay. Sự thật là giờ cái tay lên thì nó thấy cái tay, để cái tay xuống thì nó thấy không có cái tay, chính nó luôn có mặt, lúc nào cũng sáng suốt. Rồi nghe tiếng cũng vậy, khi nghe có tiếng nói thì bảo có nghe, khi ngưng không có tiếng nói thì gọi là không nghe. Đó là đồng hóa chính nó với cái tiếng, nên quên mất chính nó, đó là gốc sanh tử luân hồi. Bây giờ chúng ta tu Bát-nhã là trở lại, khi nghe nó cũng biết có tiếng nhưng không quên mất chính nó. Nghe tiếng thì biết có tiếng, không tiếng thì biết không tiếng, vậy thôi. Lúc nào nó cũng biết, cũng nghe, nghe có tiếng nghe không có tiếng, đâu có lúc nào mất. Đó chính là trở về Bát-nhã, là gốc Bồ Đề Niết-bàn.

---o0o---

III. KHẲNG ĐỊNH

Tâm kinh Bát-nhã là trừ sạch các tâm phan duyên, tâm bám chấp theo duyên nên nói cái gì cũng không, để nó không bám dính vào bất cứ cái gì. Không bám không dính gì hết là trả về gốc Bồ Đề Niết-bàn. Nhưng theo tinh thần Bát-nhã chỉ là phá chấp, chứ không nói đến cái gốc của nó. Đến tinh thần Lăng-nghiêm, Pháp Hoa, Phật mới chỉ ra cái gốc chân thật đó. Cho nên, Bát-nhã

ban đầu vào là phá hết, nói gì cũng không. Nhiều người hiểu chưa chính xác Bát-nhã, nói học Bát-nhã dễ rơi vào chấp không.

Nhưng nếu là người học kỹ Bát-nhã, sẽ thấy tinh thần của Bát-nhã là phủ định tất cả để thành tựu tất cả. Mở đầu bài Tâm kinh là phủ định cái gì cũng không, nhưng đoạn cuối thì xác định ba đời chư Phật đều nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà được đạo quả vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát cũng y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà tâm không ngăn ngại, vì tâm không ngăn ngại mà đạt đến cứu cánh Niết-bàn. Như vậy, ba đời chư Phật đều nương nơi Bát-nhã mà thành Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát cũng nương nơi Bát-nhã mà tâm không ngăn ngại, xa rời điên đảo vọng tưởng đến cứu cánh Niết-bàn. Cuối cùng, đâu có phải là không hết, ban đầu phủ định sau là xác định trở lại.

Như vậy trước là phá hết để chúng sanh không còn mê chấp, sau mới chỉ ra cái thật. Có người không hiểu Bát-nhã, nói Bát-nhã dạy cái gì cũng không, rồi trở lại chấp không. Bản tâm kinh ban đầu là phá chấp có, sau phá luôn chấp không, sạch hết các chấp đó mới là Bát-nhã Ba-la-mật.

Thiền sư Duy Tín nói: *“Lúc chưa học đạo, thấy núi sông là núi sông. Khi học đạo, thấy núi sông chẳng phải núi sông, sau ba mươi năm thấy núi sông là núi sông”*. Con người khi chưa học đạo thấy gì cũng thật: mình thật, người thật, vật thật v.v... nhưng đến khi học Bát-nhã thấy cái gì cũng không thật: Ta không, vật không, pháp cũng không v.v... nên thấy núi sông chẳng phải núi sông. Nhưng đến chỗ rốt ráo, tâm sáng suốt phá sạch hết không còn chấp bất cứ điều gì nên thấy trở lại núi sông là núi sông, không nói có nói không gì cả.

Tuy nhiên, đến giai đoạn này thấy núi sông là núi sông khác với lúc chưa học đạo. Vì chúng ta thấy trong trí tuệ sáng suốt, thấy rõ núi sông là núi sông nhưng không mê lầm nó, nên khác hơn với lúc chưa học. Như vậy khi tâm phá sạch tình chấp thì nhìn cái gì nó cũng sáng ngời, tỏ rõ không mê lầm. Giống như chúng ta mang mắt kính, nếu đeo kính màu đen thì thấy cảnh vật cũng màu đen, nếu đeo kính màu hồng nhìn cái gì cũng màu hồng. Khi gỡ mắt kính ra thì thấy cái gì đúng như thật cái đó. Khi tâm sạch hết tình chấp thì nhìn tất cả đều trong ánh sáng chân thật. Nên nói Bát-nhã rốt cùng là chân thật bất hư, thấy rõ cái chân thật không hư dối.

Như vậy, chúng ta học Bát-nhã đâu phải là không còn thấy biết, chỉ không tất cả cái hư dối để trả lại cái biết chân thật nơi mỗi người. Trong nhà Thiền có câu chuyện: Mã Tổ là thiền sư nổi tiếng trong thời Đường, ban đầu Ngài dạy học nhân mới đến: “Tức Tâm tức Phật”, Phật ngay nơi tâm; Tâm tức Phật để chúng ta soi trở về nơi tự tâm. Nhưng thời gian sau, Mã Tổ nghe ai cũng bắt chước nói theo tức Tâm tức Phật, ngay nơi Tâm là Phật nên không cần phải tu. Nhiều người lập đi lập lại câu tức Tâm tức Phật nhưng chỉ thuộc mà không có hành nên thành vương mắc. Để phá cái dính mắc của học nhân, sau đó Mã Tổ

lại nói: “Chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật”. Khi đó, có một vị tăng mới đến ngài Nam Tuyên hỏi:

- Mã Tổ nói chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, là ý gì?

Ngài Nam Tuyên đáp:

- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

Vị tăng thưa:

- Con chưa biết ý nghĩa thế nào?

Ngài Nam Tuyên nói:

- Nếu người không nhận tâm là Phật, trí là đạo. Ngay bây giờ nếu lão tăng chợt được tâm thì để chỗ nào?

Vị tăng thưa:

- Đã hoàn toàn chẳng được, đâu khác với hư không.

Ngài Nam Tuyên bảo:

- Đã chẳng phải vật làm sao so với hư không, lại nói cái gì là khác chẳng khác.

Vị tăng thưa:

- Chẳng lẽ là không luôn cái chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật nữa hay sao?

Ngài Nam tuyên bảo:

- Ông nếu nhận cái ấy thì thành tâm Phật.

Tức là ngay khi ông nhận rõ cái chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật thì đó chính là tâm Phật.

Cho nên, trước là phủ nhận tất cả, không còn chỗ để học nhân bám nhưng khi tâm sạch hết không còn chỗ bám thì đó chính là tâm Phật. Nhưng chúng ta thì đòi phải có cái gì khác nữa, do muốn có cái gì khác nữa là chỗ mắc kẹt, chỗ mê lầm của chúng ta. Bát-nhã là phá chấp, thấy tất cả đều không và chính cái thấy đó là Bát-nhã.

IV. VƯỢT QUA DẤU VẾT VĂN TỰ NGÔN NGỮ

Tinh thần Bát-nhã là vượt qua hết dấu vết văn tự, chữ nghĩa, cuối cùng kết thúc bằng một câu thần chú: “Yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát-bà-ha”.

Chúng ta đọc kỹ thấy có mâu thuẫn không? Trước đó nói: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, v.v...”. Bát-nhã đã là đại thần chú, đại minh chú tức là thần chú uy linh, thần lực sáng suốt to lớn, rồi vô thượng, vô đẳng đẳng không gì bằng. Thần chú như vậy quá siêu rồi, nhưng tại sao lại còn nói chú?

Nếu người đọc theo chữ nghĩa thì không thấy được cái ý đó, nhưng đó là ý nghĩa sâu mà Phật muốn chỉ. Nói Bát-nhã là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú, là cũng dùng văn tự chữ nghĩa để giải thích cho người ta hiểu. Đến rốt cùng nói bằng một câu chú thì không ai hiểu, đó là phải sạch hết chữ nghĩa cho người ta vượt qua khỏi văn tự, đưa thẳng người học trực tiếp vào Bát-nhã.

Do tâm con người lúc nào cũng muốn hiểu biết, nên luôn tìm cách duyên theo để hiểu. Đúng theo tinh thần Bát-nhã là ngay khi không còn chỗ nào để hiểu là đi vào Bát-nhã. Ý nghĩa rất sâu xa nhưng thường thì chúng ta đọc chữ nghĩa rồi cho qua, chứ không thấy được ý nghĩa đó. Vì vậy không có gì mâu thuẫn, mà đầy đủ ý nghĩa. Như nhà Thiền thường hét một tiếng, đập một gậy là hết nghĩ ngợi đưa thẳng vào Bát-nhã, gọi là một đao chặt đứt hai đầu. Người lanh lợi, bén nhạy thì ngay đó là vào cứu cánh Bát-nhã, mới đúng là học xong Bát-nhã. Bài tâm kinh Bát-nhã là tinh yếu, hệ thống của bộ kinh Bát-nhã. Cho nên, chúng ta có thể học kỹ bài tâm kinh Bát-nhã là đủ thành Phật rồi. Nên kinh nói ba đời chư Phật đều y đó mà thành Phật, Bồ-tát cũng y đó mà tâm vô quái ngại đạt đến cứu cánh Niết-bàn. Đúng tinh thần học Phật là học ngay tâm chứ không phải chỉ học chữ nghĩa.

Khi Phật mới thành đạo, Ngài thấy chỗ chứng đạo quá sâu xa, khó hiểu, sợ nói ra người ta không hiểu, hay hiểu lệch lạc nên Ngài do dự không muốn thuyết pháp. Sau đó, Phạm thiên thỉnh ba lần Phật mới nhận, ngay đó Phật đã muốn nhắn nhủ cho người sau: muốn học Phật, muốn thấy được ý nghĩa của Phật thì phải vượt qua những ngôn ngữ, chữ nghĩa. Những điều mà Phật nói ra chỉ là bất đắc dĩ Phật mới nói thôi. Còn chỗ Phật chứng rất là khó nói, không thể nói được, nhưng vì thương chúng sanh mới dùng phương tiện nói đến cái chỗ không thể nói.

đây, Phật muốn nhấn nhủ cho người sau là phải vượt qua chỗ Phật đã nói để thấy được chỗ Phật chưa nói, chỗ Phật không thể nói, đó mới là khéo hợp với ý Phật. Kinh Lăng-già ghi: “*Phật ra đời từ khi ban đầu chuyển pháp luân cho đến sau nhập Niết-bàn, trong khoảng bốn mươi chín năm Phật thuyết pháp nhưng cuối cùng ngài xác định: “Như Lai chưa từng nói một lời”*”. Thuyết pháp bốn mươi chín năm mà chưa từng nói một chữ, rõ ràng muốn nhấn những người đệ tử Phật là không nên mắc kẹt trên chữ nghĩa, tuy chữ nghĩa do Phật nói nhưng mà lý thật không ở trên chữ nghĩa đó. Phật nói xong là phải sạch, chưa từng nói một chữ nào.

---o0o---

V. TÓM KẾT

Chúng ta học Bát-nhã là học xả tất cả để được tất cả. Học Bát-nhã là sẵn sàng buông, là phá chấp chứ không phải phá pháp. Có người phê bình Bát-nhã nói cái gì cũng không: Tứ đế, Mười hai nhân duyên đến trí đặc cũng không, như vậy Phật phá hết pháp lấy gì tu? Nếu chúng ta hiểu đúng theo tinh thần Bát-nhã, phá ở đây là phá chấp về cái pháp đó chứ không phải là phá pháp. Pháp là Phật dạy cho người tu: Tứ đế, Mười hai nhân duyên, Lục độ Ba-la-mật đều có lỗi, lỗi là người ta chấp vào pháp đó.

Thí dụ: như chấp vào Tứ đế cho mình thật có chứng đắc được quả A-na-hàm, A-la-hán v.v... Do chấp có chứng có đắc mới là lỗi, nếu biết đó là phương tiện Phật dạy để chúng sanh trừ mê lầm, chấp trước trở về cái chân thật thì đâu có lỗi. Biết rõ quả vị cũng là phương tiện không phải là mục đích cứu cánh, thì chúng ta không mắc kẹt trên những quả vị đó. Không thấy tôi là người chứng A-la-hán nên không mắc kẹt.

Học Mười hai nhân duyên là để phá chấp về sinh tử luân hồi. Con người sinh tử luân hồi là từ: vô minh duyên hành, hành duyên thức v.v... nên có sinh tử, ưu bi, khổ não. Do chúng sanh lầm chấp Mười hai nhân duyên, nên Phật nói Mười hai nhân duyên để người tử ngộ chúng không có thật. Nhưng chúng ta lại chấp sinh tử có thật vào Mười hai nhân duyên. Sinh tử không có thật, chỉ do nhân duyên mà có sinh tử. Do cái này có nên cái kia có, nếu cái này không thì cái kia cũng không. Như vậy rõ ràng sinh tử không có tính thật, ngay đó nhận ra sinh tử vốn không tức là vô sanh. Phật nói Mười hai nhân duyên để chúng ta thấu suốt được sinh tử không có thật, chúng sanh có thể thoát được sinh tử.

Chúng ta hiểu như vậy mới thấy được ý nghĩa sâu của Phật dạy. Phá chấp hết thì chân thật hiện bày, Bát-nhã sáng ngời. Tinh thần của đạo Phật là vô ngã: nhân vô ngã, pháp vô ngã cuối cùng không có gì để bám. **Nhưng cái gì thấu tất cả đều vô ngã? Và cái này có phá được không?** Chính Bát-nhã thấu suốt tất

cả, phá hết tất cả, khi phá sạch hết rồi chính đó là Bát-nhã. Và cái đó không làm sao phá được.

Nhà Thiên có câu chuyện:

Vị tăng đến Ngài Tào Sơn Bôn Tịch (Thiền sư Bôn Tịch ở Tào Sơn) hỏi:

- Thế nào là cây kiếm không mũi?

Ngài Tào Sơn đáp:

- Đó là chẳng do rèn luyện mà thành.

Vị tăng hỏi:

- Vậy dụng của nó thì như thế nào?

Ngài Tào Sơn đáp:

- Ai gặp cũng đều phải chết hết.

Vị tăng hỏi:

- Còn không gặp thì sao?

Ngài Tào Sơn đáp:

- Cũng phải rơi đầu luôn.

Vị tăng hỏi:

- Người gặp đều phải chết đó là cố nhiên, vậy người không gặp thì sao cũng rơi đầu?

Ngài Tào Sơn bảo:

- Ông không nghe nói là nó hay sạch hết tất cả sao!

Vị tăng hỏi:

- Vậy khi sạch hết thì sao?

Ngài Tào Sơn bảo:

- Thì mới biết có cây kiếm này.

Người xưa mượn hình ảnh cây kiếm của thế gian để chỉ cho Bát-nhã. Cây kiếm đó không có hình tướng, nên không có mũi cũng không phải do rèn luyện mà thành. Nó ở ngay nơi mỗi người không phải do đúc luyện mà tạo nên. Dụng của nó là quét sạch tất cả, gặp cũng chết mà không gặp cũng chết. Tức là “có” cũng chém, “không” cũng chém, “đụng” cũng chém, “không đụng” cũng chém, chém sạch hết không cho bám vào cái gì. Khi sạch hết không còn chấp, không còn bám thì mới biết “có cây kiếm này”.

Như vậy, tinh thần của Bát-nhã là thể hiện chân lý sự thật ngay nơi con người, không ở nơi xa xôi. Điều này chúng ta có thể chứng nghiệm ngay đời này, không phải đợi qua đời sau mới chứng minh. Ngay nơi hiện tại chúng ta không chấp, không bám thì chứng liền Bát-nhã. Quan trọng là chúng ta dám buông, không bám chấp vướng tình thì Bát-nhã sáng ngời như thật. Vì vậy chúng ta phải phát huy được ánh sáng chân thật của chính mình, làm đuốc soi để tự mình đi và có thể đưa chúng sanh về nhà. Mong thay!

---o0o---

07. TAM NHÂN PHẬT TÁNH

Người tu Phật làm sao phải sáng được tâm, ngay nơi con người này chúng ta nhận ra cái chân thật vĩnh cửu mới là mục đích cứu cánh. Vì vậy chúng ta khéo luôn tự nhắc nhở mình cùng nhau nhìn lại, nhận cho ra chân lý hiện thực nơi mỗi người qua "*Tam Nhân Phật Tánh*".

---o0o---

I. CHÁNH NHÂN PHẬT TÁNH

Phật tánh là tánh giác, là lẽ thật nơi mỗi người, là chân lý bình đẳng với tất cả. Phật nói trong kinh Niết-bàn: "*Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh*". Đó là một chân lý bình đẳng, tất cả chúng sinh đều có đủ nhưng do quên **chánh nhân** này nên mới chịu luân hồi sanh tử. Ngay lúc ban đầu chúng sinh đã bắt giác, lầm lẫn đi trong vô minh nên ngày càng xa đường về. Kinh Pháp Hoa, Phật bảo là làm cùng tử lang thang nơi xứ người. Như con của ông trưởng giả giàu có, nhưng bỏ cha lang thang đi kiếm ăn từng bữa nơi quê người nên trở thành nghèo đói. Trong khi đó, chính mình là con ông trưởng giả, kế thừa cả một gia tài sự sản, nhưng không biết mà đành bỏ đi. Chúng sinh cũng thế, có Chánh Nhân Phật Tánh đầy đủ công đức, nhưng bỏ quên nên làm mãi chúng sinh. Vì vậy chúng ta luôn luôn thấy thiếu mà khổ sở đi tìm.

Ngay nơi sáu căn này: con mắt tìm sắc trần để duyên theo hiểu biết, lỗ tai tìm thanh trần, lỗ mũi tìm hương trần, lưỡi tìm vị trần, thân tìm xúc trần, ý tìm pháp trần. Chúng ta luôn đi tìm các trần bên ngoài để nó làm duyên, nếu không

có các trần đó thì thấy giống như mất mình. Cho nên, phải tìm cái gì đó, tìm được một chút rồi mất; nghe được tiếng gì hay vừa cái lỗ tai một chút thì nó cũng qua, rồi tìm cái khác. Giống như vị cùng tử lang thang đi kiếm ăn từng ngày, kiếm được ngày nay ăn hết rồi, ngày mai kiếm ăn tiếp, kiếm từng ngày này qua ngày khác. Chúng ta học pháp, nghe pháp để tiếp thu là cũng đang kiếm ăn, quên mất gốc chân thật mình giàu có. Đến bao giờ giác ngộ, thấy rõ nguồn gốc của chính mình không phải là chúng sinh, mà là Phật Tánh sáng suốt đó là về nhà kế thừa gia bảo. Gốc của chúng ta là Phật chứ không phải chúng sinh, nhưng do làm mê quên mất chánh nhân sẵn có nên đành lang thang vô lượng kiếp tử sinh. Mỗi người ai cũng có chánh nhân, nên Phật, Tổ thường bảo: "*Kia đã trượng phu, ta đây cũng vậy*". Như Lai tu thành Phật, chúng sinh nếu biết khai thác tánh Phật, tu hành công đức viên mãn cũng sẽ là một vị Phật.

Theo tinh thần Đại thừa là đánh thức mọi người phát tâm Bồ-đề cầu đến giác ngộ thành Phật. Chúng ta tu là trở về địa vị Phật của chính mình, chứ không phải tu cuối cùng rồi về quỳ dưới chân Phật cầu xin cái này cái kia. Chúng ta phải có niềm tin để vươn lên, Phật cũng từ chúng sinh mà thành. Bồ-tát là hữu tình giác, một chúng sinh giác ngộ. Một chúng sinh giác ngộ rồi giác ngộ lại chúng sinh, gọi là giác hữu tình. Đó là ý nghĩa Bồ-tát. Như vậy, Bồ-tát cũng là từ chúng sinh mà tiến thành Bồ-tát. Thiên sư Khuông Việt, sống vào đời Lý, khi sắp tịch, Ngài nói bài kệ:

Mộc trung nguyên hữu hỏa,

Hữu hỏa, hỏa hoàn sanh.

Nhược vị mộc vô hỏa,

Toản toại hà do manh?

Dịch:

Trong cây vốn có lửa,

Có lửa, lửa lại sanh.

Nếu bảo cây không lửa,

Cọ xát làm sao sinh?

Ngày xưa, khi muốn lấy lửa thì dùng hai cành cây cọ xát lại, cọ lâu nó nóng phát ra lửa rồi lấy bụi nhùi đốt làm lửa. Ở đây, Sư nói: "*Trong cây vốn có lửa*", nó có sẵn cái mầm lửa trong đó, chúng ta cọ xát thì lửa sẽ sanh. Nếu trong cây không có mầm lửa, dù chúng ta có cọ xát cách mấy nó cũng không phát ra

lừa được. Cũng vậy, trong chúng sinh có mầm giác, chúng ta khéo biết khai thác thì mới giác ngộ được. Phật giác ngộ từ đâu? Đọc lịch sử thấy Phật ngồi dưới cội cây Tất-bát-la (cây Bồ-đề) thiền định qua bốn mươi chín ngày đêm, khi thấy sao Mai mọc ngài liền giác ngộ thành đạo. Vậy Ngài thành đạo ở trên sao Mai, ở dưới cội Bồ-đề, hay ở đâu? Chúng ta thường nói: "*Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề*". Nếu thành đạo dưới cội Bồ-đề thì chúng ta qua Bồ-đề đạo tràng bên Ấn Độ là tìm được rồi. Nhưng biết bao người qua bên đó mà vẫn là chúng sinh?

Phật thành đạo là ngay nơi tâm giác ngộ của ngài. Không ở cội Bồ-đề cũng không có trên sao Mai, đó chỉ là di tích. Ngay nơi tâm có mầm giác, đó là khả năng đưa chúng sinh đến giác ngộ. Nếu chúng ta không có nhân giác thì tu cách mấy cũng không giác được. Trong *Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã*, Phật dạy: "*Tất cả chúng sinh xưa nay đều là thanh tịnh. Giả như khiến cho chư Phật ở trăm ngàn muôn kiếp xưng lên rằng: "Chúng sinh, chúng sinh". Cũng không quyết định có chúng sinh thật có thể được!*". Nghĩa là, Phật xác định tất cả chúng sinh xưa nay đều là thanh tịnh. Giả như chư Phật ở trăm ngàn muôn kiếp xưng lên "*chúng sinh, chúng sinh*" nhưng cũng không quyết định thật có chúng sinh cố định. Vì chúng sinh cũng là danh từ tạm thời, đặt ra trong một giai đoạn đang mê muội. Nếu tỉnh sáng thì không gọi tên chúng sinh nữa. Chúng sinh chỉ là cái tên, không phải cố định. Người nghe cái tên rồi chấp kẹt vào cái tên. Giống như chúng ta mới sanh ra không có tên, nhưng khi đặt cho cái tên rồi mà kêu khác đi thì không chịu. Nhưng cũng có trường hợp kêu khác, như chúng ta đi tu thầy Bôn sư đặt cho cái tên mới, lúc đó gọi bằng pháp danh chứ không gọi tên mà cha mẹ đã đặt cho chúng ta như trước nữa. Đôi khi vào chùa lâu lâu lại đổi tên nữa, cho nên cái tên không cố định. Cũng vậy tên chúng sinh không cố định, chỉ đặt ra trong một thời điểm nào đó, nó không có thực.

Trong *Kinh Kim Cang*, ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật về ý nghĩa của kinh này: "*Trong thời mạt Pháp, có chúng sinh nào nghe được nghĩa lý kinh này có thể tin được chăng ?*".

Phật liền ngăn: "*Ông chớ nói như vậy!*".

Tức là chúng sinh ai cũng có Phật tánh tại sao không thể tin.

Sau đó Phật bảo: "*Tu-bồ-đề! Chúng sinh, chúng sinh đó! Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh*".

Nghĩa là, nói chúng sinh nhưng mà chẳng phải chúng sinh. Nói chúng sinh là tạm thời chứ không cố định, vì nó có nguồn gốc là phi chúng sinh. Đó là ý nghĩa đánh thức cho chúng sinh tiến lên.

Chính trong *Kinh Niết Bàn*, phẩm *Sư Tử Hống*, Phật nói: "Hễ ai có tâm thì nhất định sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vì nghĩa này, ta thường nói là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh".

Nghĩa là, ai có tâm thì nhất định sẽ thành Phật, vì có tâm là có giác. Đó là sức mạnh, niềm tin để chuyển hóa cho người vươn lên.

Trong *Kinh Pháp Hoa* ghi Bồ-tát Thường Bất Khinh tu hạnh là: đi đâu gặp ai ngài đều đứng xá xá, lễ lạy rồi nói: "*Tôi không dám khinh quý ngài! Quý ngài rồi sẽ thành Phật*". Tuy nhiên, có những người nghe như vậy không chịu, bảo: "*Ông là Tỳ-kheo vô trí, ông chưa thành Phật làm sao thọ ký cho chúng tôi được*". Rồi có người chửi mắng, lấy đá gạch ném v.v... Nhưng ngài Thường Bất Khinh không giận, vẫn đứng từ xa chấp tay xá xá: "*Tôi không dám khinh các ngài. Các ngài rồi sẽ thành Phật*". Đến khi ngài sắp tịch, nghe mấy chục ngàn bài kệ Kinh Pháp Hoa, tuổi thọ kéo dài thêm nữa. Sau đó, ngài sanh ở đâu cũng thường gặp Phật, trải qua nhiều kiếp tu hành sau được thành Phật. Đó chính là tiền thân của Phật Thích Ca. Bồ-tát Thường Bất Khinh đi lễ lạy mỗi người và nói ai cũng sẽ thành Phật, đó là khơi dậy đánh thức tri kiến Phật có nơi mỗi người. Bồ-tát Thường Bất Khinh thuyết kinh Pháp Hoa chỉ bấy nhiêu thôi nhưng đó là tinh yếu sống động của Kinh Pháp Hoa. Chứ không như chúng ta giảng nói nhiều mà chỉ nói trên văn tự chữ nghĩa của kinh Pháp Hoa.

Thường Bất Khinh: nghĩa là không dám khinh ai! Nếu chúng ta thấm sâu được ý nghĩa đó thì cũng không dám khinh ai. Thấu được ý này thì ai sống cũng vui vẻ, gần gũi với nhau vì thấy xung quanh toàn là Bồ-tát. Ngược lại, nếu thấy mọi người là chúng sinh hoặc lâu lâu nghĩ là ma phá mình thì sẽ thấy cách biệt, đôi khi không tôn kính lẫn nhau. Vì vậy mỗi người đều có nguồn gốc chân thật để tiến lên, tin mình có **chánh nhân** để thành Phật. Do thấy được cội gốc đó, nên Thiền sư hay đánh thức chúng sinh để khơi dậy cái **chánh nhân** này. Có khi các ngài nói bằng danh từ nhà Thiền, nghe rất khó hiểu. Nhưng khi học nhân ngộ được ra mới thấy đó là cách thuyết pháp sống động của người xưa.

Có một vị tăng đến hỏi ngài Triệu Châu:

- Học nhân mờ tối chậm lụt, đang bị chìm nổi. Vậy làm thế nào để ra khỏi được?

(Tức là, do con mờ tối chậm lụt đang một phen bị chìm nổi trong sanh tử luân hồi. Vậy thì làm sao ra khỏi vòng luân hồi đó?)

Ngài Triệu Châu ngồi im không nói.

Vị tăng thấy vậy thưa:

- Bạch Hòa thượng! Đây là con hỏi thật Hòa thượng mà!

Ngài Triệu Châu mới bảo:

- Ông ở đâu mà làm một nổi, một chìm?

Ban đầu, ngài Triệu Châu im lặng là để khơi dậy sự thắc mắc cao độ của học nhân. Khi học nhân khao khát hỏi nữa thì ngài nhấn mạnh: ông ở đâu mà làm một nổi một chìm? Đây là đánh thức học nhân khơi dậy chánh nhân. Ông đang hỏi đây, vậy còn ai chìm nổi? Ngài đánh thức cho học nhân tỉnh lại, ngay đây đây đủ hết đâu có thiếu. Nhưng do chúng sinh nghĩ là mình mê lầm nên phải chịu trầm luân sanh tử. Chứ không nhận ra cái thật nó vẫn hiện hữu nơi mỗi người. Thiền sư không giải thích chữ nghĩa dài dòng, mà nói chính xác đi thẳng vào sự thật. Nếu như chúng ta nhiều khi vì lòng từ bi giải thích: "*Ừ! Ông muốn ra khỏi chìm nổi thì phải tu hành thế này, tu hành thế kia*". Nói một hơi, nhưng không thấy ai ra khỏi chìm nổi. Do chúng ta không sống được ở chỗ góc, nên đành phải nói ở cành lá nhánh nhóc.

Có vị tăng tên Thanh Khoát đến gặp ngài Tào Sơn hỏi:

- Học nhân đang nghèo khổ, đói kém. Vậy xin thầy cứu giúp cho?

Ngài Tào Sơn gọi:

- Này Xà-lê Khoát! Hãy đến gần đây!

Vị tăng Thanh Khoát liền đi đến gần.

Ngài bảo:

- Cái gã nhà nghèo ở Tuyên Châu đã uống xong ba chén rượu mà còn nói chưa dính môi.

Vị tăng bảo mình nghèo khổ, đói kém đến ngài Tào Sơn xin cứu giúp. Ngài Tào Sơn nói: "*Thôi ông hãy lại đây*". Vị tăng biết đến gần, thì đâu có thiếu. Có nghe có biết đến gần là tánh giác luôn sẵn đó thì thiếu thốn ở chỗ nào? Vậy có phải là nói dối chăng? Nên ngài Tào Sơn mới bảo: "*Cái gã nhà nghèo ở Tuyên Châu đã uống xong ba chén rượu mà còn nói chưa dính môi*", uống rồi mà còn nói là chưa dính môi, tức là nói dối, là lầm qua sự thật. Ngài Tào Sơn đánh thức cho vị tăng ngay đó chánh nhân đầy đủ, không có gì thiếu cả. Như vậy mọi người đều có chánh nhân Phật tánh nơi chính mình, nhưng cần phải có duyên nhân Phật tánh để hỗ trợ cho chánh nhân Phật tánh được phát khởi.

II. DUYÊN NHÂN PHẬT TÁNH

Duyên nhân Phật tánh là những duyên phụ, nó trợ giúp cho chánh nhân phát khởi. Tất cả chúng sinh đều có sẵn chánh nhân, nhưng từ lâu bị vô minh phiền não che khuất nên không nhớ mình có chánh nhân Phật tánh, mà chỉ nhớ đến bản ngã nên có chánh nhân mà cũng như không.

Có vị tăng tên Huệ Lãng đến hỏi ngài Thạch Đầu:

- Thế nào là Phật?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ông không có Phật tánh.

Ngài Huệ Lãng học Phật lâu thông hiểu kinh tạng mới đáp:

- Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tại sao con lại không có, còn các loài xuẩn động hàm linh thì thế nào?

(Tức các loài côn trùng biết bò, biết bay, biết máy động v.v... những loài đó thì thế nào?)

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Những loài đó có Phật tánh.

Vị tăng thắc mắc:

- Vậy thì Huệ Lãng con vì sao lại không có?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Là tại vì ông chẳng chịu nhận.

Ngay đó vị tăng chợt ngộ.

Chúng ta thấy Thiền sư khai thị thật khéo léo. Ban đầu ngài Thạch Đầu nói như vậy để khơi dậy cho vị tăng sự thắc mắc, ngay đó đánh đúng tâm điểm của vị tăng thì ông liền nhận được. Sau này, ngài Huệ Lãng ra trụ trì giáo hóa, có người học đến hỏi đạo, ngài liền bảo: "*Thôi ôâng đi đi! Ông không có Phật tánh!*" cũng là cách khéo léo để đánh thức cho người sau. Người học đạo là phải đạt ý quên lời, không chấp theo văn tự ngữ ngôn. Nghe nói: Không có Phật tánh rồi chúng ta cho là không có, đó là mắc kẹt trên chữ nghĩa. Vì vậy cần phải có Thiền hữu tri thức để nhắc nhở giúp cho chúng ta tiêu trừ những tập khí mê lầm,

chấp ngã vô minh, đồng thời khơi dậy giúp cho chánh nhân phát sáng, đó gọi là duyên nhân Phật tánh.

Chúng ta có sẵn chánh nhân, nhưng nếu không biết cách làm sống dậy hay khơi mở thì nó vẫn bị vùi lấp trong vô minh phiền não, do đó cần phải có các pháp hành như: bố thí, trì giới, ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật v.v... đây là những trợ duyên cho chánh nhân khởi phát. Nếu chúng ta nói "*Tôi có Phật tánh rồi không cần tu gì hết, để nó tự phát ra thôi*", nếu tự nó phát khởi sao chúng ta vẫn còn phiền não khổ đau. Chánh nhân có nhưng chúng ta không biết khai thác để sống trở về thì có cũng như không, cũng là chúng sinh bị trầm luân sanh tử. Do đó, tuy chúng ta biết là có, nhưng vẫn phải làm các việc công đức như bố thí, cúng dường v.v..., vì đây là những duyên nhân để trợ cho chánh nhân mau sớm phát khởi. Điều quan trọng là chúng ta làm tất cả việc công đức mà tâm không tham chấp, không vướng mắc và phải hồi hướng về đạo vô thượng Bồ-đề.

Trong **Kinh Kim Cang**, Phật bảo ngài Tu-bồ-đề:

- Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đem bảy báu đầy khắp cả thế giới bằng số cát sông Hằng để bố thí. Nếu lại có người biết tất cả pháp vô ngã được thành tựu sức nhẫn thì Bồ-tát này hơn phước đức của Bồ-tát bố thí ở trước có được đó. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Do Bồ-tát chẳng thọ phước đức.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ-tát chẳng thọ phước đức?

Phật bảo:

- Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát có làm phước đức gì chẳng nên tham trước vì vậy nói chẳng thọ phước đức.

Bồ-tát làm mà không có tham trước, không thọ phước đức thì công đức mới lớn, mới khế hợp với Bát-nhã. Như vậy Phật không bác bỏ việc làm phước đức, ngược lại Phật còn khuyến khích chúng sinh vun bồi phước đức nhưng làm mà không bám chấp, thấy đều hồi hướng về đạo Bồ-đề. Đó mới là đầy đủ phước trí trang nghiêm. Trái lại, nếu chúng ta làm mà mắc kẹt, chấp vào phước đức nhiều khi dễ sanh phiền não. Như đi làm từ thiện, là đi làm phước đức. Chúng ta có món quà đem biếu cho người nào đó, người đó đem cho người khác, mình liền không vui. Theo tinh thần bố thí, khi chúng ta cho ai đó rồi thì vật đó trở thành của người, người có quyền cho lại người khác, sao chúng ta lại buồn?

Hay chúng ta giúp ai đó, lâu lâu gặp lại nhờ họ giúp đỡ mình. Họ không giúp rồi mình phiền não, nói họ là kẻ quên ơn. Như vậy, trước đó chúng ta giúp

người là có hậu ý. Vậy là chúng ta làm mà còn dính mắc trong đó, do đó không được công đức nhiều. Cho nên, Phật dạy chúng ta phải làm với cái tâm thật sự "Bồ thí chỉ bồ thí thôi" thì đây là những duyên nhân trợ lực cho chánh nhân mau sớm phát khởi. Như Phật cũng không bỏ những việc làm phước đức dù nhỏ mấy, như xỏ kim cho thầy Tỳ-kheo bị mù, hay tắm rửa cho người bị bệnh lở loét v.v... làm mà không thọ, không tham đó chính là duyên nhân để cho Phật tánh phát khởi tốt đẹp.

Ngài Hy Thiên Thạch Đầu là đệ tử của Lục Tổ, nhưng khi Lục Tổ viên tịch thì ngài Hy Thiên chưa ngộ đạo. Do đó, ngài đến chỗ Thiền sư Thanh Nguyên cầu học.

Ngài Thanh Nguyên hỏi:

- Người từ phương nào đến đây?

Hy Thiên thưa:

- Bạch Hòa thượng! Con từ Tào Khê đến.

Ngài Thanh Nguyên hỏi:

- Vậy ông đem được cái gì đến đây?

Hy Thiên thưa:

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

Ngài Thanh Nguyên mới hỏi lại:

- Vậy thì mặc tình mà dùng đi, đến Tào Khê làm gì?

Hy Thiên thưa:

- Tuy nhiên như thế! Nhưng không đến Tào Khê thì đâu biết là chẳng mất.

Cái đó nó có sẵn nơi mỗi người, chưa đến Tào Khê nó cũng không có mất, nhưng nếu không đến Tào Khê thì đâu biết có cái chẳng mất này. Nhờ đến Tào Khê, được Lục Tổ giảng dạy khai thị mới biết có cái này. Tức là nhờ duyên nhân mà biết được chánh nhân. Đây cũng nói lên chánh nhân Phật tánh có sẵn nơi mình, tất cả chúng ta "*chưa đến đây nó cũng đâu mất*", nhưng nhờ đến đây nghe pháp mới biết được có cái không mất. Cái chân thật vốn có sẵn, không phải do học đạo hay do thầy giảng mới có. Nhưng nhờ học đạo, nhờ thiện hữu tri thức nhắc nhở chúng ta mới biết được cái đó có sẵn nơi mình. Do biết nó có sẵn nên chúng ta không đi cầu tìm bên ngoài, như có người nói: "*Đến học đạo*"

với tôi, chừng ba tháng tôi cho đắc đạo". Chúng ta nghe vậy thấy có ham không? Nếu người không biết sẽ bị gạt. Cái này thật nơi mình làm sao cho? Cái gì cho được thì mất được, tức thuộc về sanh diệt vô thường là giả không thật, không nên mắc kẹt.

---o0o---

III. LIỄU NHÂN PHẬT TÁNH

Chúng ta có chánh nhân sẵn nơi mình, nhưng phải nhờ duyên nhân để trợ duyên, giúp cho chánh nhân phát khởi. Nhưng phải tiến thêm một bước là **Liễu nhân Phật tánh**. "*Liễu nhân*" là làm sáng tỏ, hiện rõ tánh Phật nơi mỗi người. Tức là trí tuệ rõ chiếu để Phật tánh hiện tiền, Trí và Lý không hai, không ngăn cách.

Phật bảo ai cũng có Phật tánh, chúng ta mới dùng trí tuệ quán chiếu soi sáng, khi chúng ta dùng trí dụng để soi sáng Phật tánh thì thấy dường như có hai: Trí tuệ và Phật tánh. Còn thấy hai là còn cách biệt. Giai đoạn này chúng ta chỉ là khái niệm về Phật tánh. Đến khi trí tuệ phát ra sáng tỏ, thấu rõ cái trí thể chân thật chính là Phật tánh không hai thì ngay đây Phật tánh hiện tiền. Phật tánh ngay nơi chúng ta, nhờ dùng trí tuệ chiếu soi làm sáng tỏ hiện ra Phật tánh luôn hằng hữu. Đó gọi là liễu nhân Phật tánh. Như vậy, Phật tánh sẵn có nhưng nhờ trí dụng làm phát khởi Phật tánh, gọi là "*diệu dụng Phật tánh*". Diệu dụng Phật tánh bất khả tư nghì, thắng được phiền não, chấp ngã, khổ đau.

Trí tuệ thấu rõ, sáng tỏ Phật tánh nhưng trí tuệ không làm ra Phật tánh. Cũng như có những đồ vật như bàn, ghế v.v... trong một căn nhà tối, do tối quá nên chúng ta không thấy gì hết. Bây giờ mở đèn lên, căn nhà có ánh sáng chiếu soi, chúng ta thấy rõ được những đồ vật đó. Như vậy những đồ vật đó trước giờ đã nằm sẵn trong nhà, nhưng không có ánh sáng nên không thấy. Bây giờ ánh sáng chiếu soi vào nên chúng ta thấy rõ mọi thứ. Như vậy, ánh sáng chỉ soi chiếu những đồ vật, chứ không phải ánh sáng làm ra những đồ vật đó. Cũng vậy, chúng ta dùng trí tuệ soi sáng Phật tánh, chứ không phải trí tuệ làm ra Phật tánh. Cho nên gọi là "*Liễu nhân*", chứ không gọi "*tác nhân*". Nhờ tu hành quán chiếu chúng ta phát triển được liễu nhân Phật tánh, đó là diệu dụng của sức sống chân thật thì cái này mới thắng được phiền não khổ đau. Như chúng ta biết có Phật tánh sáng suốt nhưng biết vậy rồi thôi, phiền não đến thì cũng phiền não, là do không dùng trí quán chiếu để phá vô minh, hay không khởi phát được Phật tánh bên trong nên khổ đau vẫn khổ đau.

Vì vậy, chúng ta phải nhờ tu hành để cho liễu nhân phát ra, mới đủ sức thắng được phiền não. Do đó, để thành tựu được **liễu nhân** chúng ta phải thực hành, phải tu tập chứ không phải nói trên lý thuyết suông. Dù chúng ta có lý

luận hay cách mấy cũng không thắng được phiền não, phải có sự tu và chứng nghiệm thì mới thắng được.

---o0o---

IV. CON ĐƯỜNG TU TẬP

Như vậy, chúng ta không dừng trên tuệ văn tự; mà phải có tuệ tư: suy nghĩ, phán đoán xem những điều mình học thấy đúng như thế nào rồi mới tiến tới tuệ tu: thực hành để chứng nghiệm lẽ thật. Do đó mới phát ra trí tuệ chân thật. Chúng ta tu là để tiến tới liễu nhân, đó là con đường tu tập. Con đường tu tập đây có nhiều hướng, nhưng chính yếu là buông bỏ những tình chấp mê lầm về thân, tâm hư dối. Do chấp thân tâm hư dối nên chúng ta quên Phật tánh chân thật. Bây giờ chúng ta muốn trở về sống với Phật tánh thì phải tập buông bỏ những tình chấp mê lầm, thấu rõ thân này không phải là mình, tâm hư dối không phải là mình nên không chạy theo cái giả mà sống trở về với chánh nhân Phật tánh.

Phật dạy thân này do đất, nước, gió, lửa hòa hợp tạo thành; có hợp là có tan, như hôm nay ngồi đây là tạm hợp, mai nó tan phải ra nghĩa địa nằm. Đất là chất vô tri, không hiểu biết gì; nước, gió, lửa cũng vô tri. Tứ đại là vô tri, vậy cái gì là linh tri sáng suốt trong mỗi người chúng ta? Trong nhà Thiền có câu chuyện về ngài Phá Táo Đọa. Thiền sư Phá Táo Đọa là người Trung Hoa, ngài sống gần núi Tung Sơn. Một hôm, ngài cùng với nhóm đệ tử đi xuống núi, nghe mọi người nói ở dưới chân núi có cái miếu thờ ông Táo rất linh thiêng, ai mà xúc phạm thì bị bẻ cổ, vắn họng v.v... nên người ta giết gà, giết vịt, giết heo đến cúng tế ông để ông phù hộ cho khỏe mạnh làm ăn phát tài. Nghe như vậy, Thiền sư dẫn đệ tử đi vào trong miếu để cảnh tỉnh cho mọi người, cũng đồng thời cảnh tỉnh luôn ông thần Táo. Đến nơi, Thiền sư lấy gậy gõ vào cái bếp nói:

- Đây là ngôi gạch hợp thành, linh từ đâu đến Thánh từ đâu lại mà người đòi hỏi cúng tế nhiều sinh mạng như vậy?

Nói xong, ngài gõ thêm vài ba gậy vào cái bếp, bỗng nhiên cái bếp ngã đổ xuống. Mọi người xung quanh thấy giật mình, nhưng ngài thản nhiên rồi đi ra. Đi được vài bước, có một vị thanh niên mặc áo mao màu xanh giống như vị quan chức trang trọng đến lạy trước ngài.

Ngài hỏi:

- Ông là ai vậy?

Vị đó nói:

- Bạch Hòa thượng! Con chính là Thần Táo đây! Vừa rồi con mới được Hòa thượng khai thị cho pháp vô sanh. Con thoát khỏi kiếp táo, được sanh về cõi trời. Cho nên con đến lễ tạ Hòa thượng.

Ngài nói:

- Cái đó là tánh bản hữu của ông thôi.

Sau đó các vị đệ tử thắc mắc hỏi:

- Bạch Hòa thượng! Trước giờ tui con đâu có nghe Hòa thượng dạy pháp vô sanh, sao hôm nay ông Thần Táo được nghe pháp vô sanh gì mà mau thoát khỏi kiếp Táo như vậy!

Ngài mới nói:

- Ta cũng đâu nói gì khác! Ta chỉ bảo đây là đất, nước, ngôi, gạch tạo thành thôi. Linh từ đâu lại? Thánh từ đâu đến?

Ông Thần Táo lâu nay không có chỗ gác nương, nên mới tạm gác vào cái bếp lấy đó làm thân mình, chấp đó là mình nên bắt người ta cúng tế, ai đụng đến cái bếp đó thì bị vụn họng, bẻ cổ. Cũng giống như chúng ta bám vào cái thân này, mấy cục thịt cục xương kết lại thành thân lấy đó cho là mình, ai đụng tới thì sanh chuyện. Hằng ngày, chúng ta đòi hỏi ăn đủ thứ, ăn không ngon là không muốn ăn. Vậy thì mấy cục thịt cục xương, mấy sợi gân v.v... này là mình hay sao? Do đó, Thiền sư Phá Táo Đọa gõ vào mấy cục gạch nói linh Thánh ở chỗ nào? Đá gạch là vô tri, còn linh Thánh là sáng suốt, vậy mà bám vào mấy cái vô tri cho là sáng suốt sao? Ngay lời khai thị đó, Thần Táo liền giác ngộ. Buông cái bám chấp đó thì ông liền giải thoát. Đó là Pháp vô sanh. Chúng ta là cái linh tri sáng suốt, đâu phải mấy cục thịt, cục xương, mấy sợi gân vô tri này. Nếu chúng ta giác ngộ buông được mấy cục thịt này thì liền giải thoát. Nhưng do chúng ta chưa chịu buông nên vẫn còn khổ đau, phiền não đây. Đó là chỗ mê lầm, điên đảo của chúng ta. Chúng ta muốn giải thoát thì phải buông xuống những tình chấp mê đảo, nếu ai nói nặng hay xúc phạm mình thì chúng ta quán đó là họ nói nặng mấy cục xương, mấy cục thịt chứ đâu phải mình. Quán như vậy chúng ta sẽ cởi mở, sự thật là như vậy, chỉ là mấy cục thịt thôi. Nhưng do nhiều đời chúng ta chấp thân tâm hư dối là mình thật nên mới có phiền não, có sân si. Nếu biết rõ đất nước gió lửa là vô tri, buông bỏ tình chấp về thân thì chúng ta không phiền não khi ai đó đụng đến thân này.

Tâm hư dối cũng vậy, nó luôn luôn thay đổi lúc nghĩ thế này lúc nghĩ khác, lúc vui lúc buồn. Khi vui cho là tôi vui, khi buồn cho là tôi buồn. Bởi nhận cái "Tôi" này chính là mình, nên suốt cuộc đời chúng ta luôn lầm lẫn, không biết một ngày có bao nhiêu cái Tôi. Cho nên tu là để phá ngã, phá cái tôi cố hữu từ

bao đời bao kiếp. Trong các Kinh A-hàm hoặc Nikaya, Phật thường nhắc nhở: "*Quán kỹ! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức này không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta. Cho đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta!*", không có chỗ nào để bám. Nếu mỗi ngày chúng ta đều quán kỹ như: "ăn", cho là ta ăn. Nếu như vậy cái gì là "Ta"? Cái miệng là "Ta", cái lưỡi là "Ta", bao tử là "Ta" phải không? Rồi "Ta" buồn, "Ta" vui, "Ta" ghét, "Ta" suy nghĩ. Vậy cái đầu là "Ta", cái não là "Ta" hay sao? như vậy một ngày có biết bao nhiêu cái "Ta" Trong Kinh Viên Giác, Phật dạy: "*Vô minh là gì? Do chấp cái thân bốn đại này là ta, chấp cái tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là Ta, đó gọi là vô minh*". Phật định nghĩa nếu chấp cái tâm suy nghĩ phân biệt này là ta, đó gọi là vô minh điên đảo. Những cái sanh diệt hư dối không thật mà chấp là ta thì quả là điên đảo. Điên đảo tức là cái thấy nó lộn ngược. Cái giả lấy làm thật, trong khi cái thật không biết làm nhận với cái giả, do thấy lộn ngược như vậy nên gọi là điên đảo. Bây giờ chúng ta tu phải chuyển cái nhìn lại, cái thật phải thấy là thật, cái giả phải thấy là giả mới hết điên đảo.

Thiền sư Bàn Khuê ở Nhật Bản, ngài có lời khai thị cho người học rất hay: "*Mỗi người ở trong đây cũng như thế! Từ trước đến nay đã từng làm ác, bị cuốn theo bởi nhiều loại bám víu và thèm khát, bị xâm chiếm bởi sân si cho nên chịu luân hồi, chuyển tâm Phật vốn có thành ra A-tu-la và quỷ đói. Nhưng sau khi nghe tôi giải thích về tâm Phật Bất sinh rồi. Quý vị hiểu rõ thì chính cái tâm tham dục, sân giận bám víu bấy lâu nơi quý vị lập tức chuyển thành tâm Phật Bất Sinh và quý vị sẽ không bao giờ mất tâm ấy, dù trải qua mười ngàn kiếp. Khi quý vị an trú trong tâm Phật ấy thì từ đây quý vị sẽ là những vị Phật sống. Nhưng đừng làm, nếu quý vị đánh mất cái tâm Phật ấy thì mười ngàn đến cả trăm ngàn kiếp sau quý vị cũng không thành Phật được. Hãy nên nhớ kỹ điều này*". Tức là khi chúng ta đánh mất cái tâm Phật Bất Sinh thì dù mười ngàn kiếp sau cũng không thành Phật được. Thành Phật là từ tâm Phật này mà thành. Đây là những lời chân thật thiết tha của người đã giác ngộ nói ra. Bởi chính ngài đã chứng nghiệm lẽ thật đó, nên ngài nói một cách mạnh mẽ xác quyết không nghi ngờ. Chúng ta muốn sống trở lại với chánh nhân sẵn có, thì phải nên buông bỏ những tình chấp mê lầm. "Tu" là ngay cái điên đảo này mà thấy đúng trở lại chứ không gì khác. Tu là chuyển mê thành giác, chính mình mê rồi cũng chính mình giác.

---o0o---

V. TÓM KẾT

Mỗi người đều có chánh nhân Phật tánh, nhưng nhiều đời quên mất không biết gọi là mê, ngày nay được nghe được nhắc lại là một duyên lớn. Chúng ta biết mình có chánh nhân, tin nhận soi trở lại, đồng thời nỗ lực tu tập những pháp

lành để buông bỏ những tập khí mê lầm, thành tựu liễu nhân Phật tánh, tức mở mắt tuệ cho Phật tánh hiện bày. Có được liễu nhân Phật tánh thì sinh diệu dụng Phật tánh bất khả tư nghì không nói hết được.

Vì vậy, liễu nhân là phần còn lại của mỗi người, chúng ta phải tự phát huy ra, không thể ỷ lại hoàn toàn vào ông thầy. Trong ***Kinh Pháp Hoa***, phẩm Hiện Bảo Tháp ghi, khi Phật nói kinh Pháp Hoa xong thì ngài tuyên bố vào Niết-bàn: "*Ai có thể ở trong cõi Ta-bà này nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nay chính là phải lúc. Như Lai không bao lâu sẽ vào Niết-bàn, Phật muốn đem Kinh Pháp Hoa này phó chúc cho có người*". Phật nói Kinh Pháp Hoa là khai thị cho người ngộ nhập tri kiến Phật. Phật nói Kinh Pháp Hoa xong là phần của Phật đã xong nên ngài vào Niết-bàn. Phần còn lại là để cho mỗi người phát huy Kinh Pháp Hoa nơi mình, khai thác tri kiến Phật nơi mình không còn ỷ lại nơi Phật nữa. Cho nên, Phật vào Niết-bàn để phần còn lại cho mỗi người tự phát huy. Đó là ý nghĩa nhắc nhở cho mỗi người không nên ỷ lại bên ngoài, phải tự phát huy cái thật nơi mình để tiếp nối hạt giống Phật ở thế gian này. Cũng chính là đền ơn Phật, không cô phụ nhân duyên Phật ra đời.

Tóm kết ý nghĩa này bằng bài kệ của ngài Phó Đại Sĩ, hóa thân của Bồ-tát Di-lặc ở Trung Hoa, ngài nói:

Dạ dạ bảo Phật miên,

Triêu triêu hoàn cộng khởi.

Khởi tọa trấn tương tùy,

Ngữ mặc đồng sở chỉ.

Tiêm hào bất tương ly,

Như hình ảnh tương tợ.

Dục thức Phật khí xír,

Chỉ giá ngữ tinh thị!

Dịch:

Đêm đêm ôm Phật ngủ,

Sáng sáng cùng Phật dậy.

Ngồi đứng cùng theo nhau,

**Nói nín đồng chung ở.
Chẳng mảy may tạm rời,
Giống hệt bóng với hình.
Muốn biết chỗ Phật đi,
Chính cái nói năng đó!**

Mỗi đêm chúng ta ôm Phật ngủ, sáng dậy cùng Phật dậy, nói nín cùng chung ơ, ư không lúc nào tạm rời. Nhưng chúng ta lại mê lầm, hằng ngày đi với Phật, đứng với Phật, ngủ với Phật, thức với Phật, lại đi tìm Phật. Vì vậy, ở đây đánh thức mọi người luôn sống trở về với lẽ thật nơi chính mình. Muốn biết chỗ Phật đi thì chính ngay cái nói năng đây, Phật là ngay trong đó chứ không đâu khác. Đây là Phật thật, không phải Phật theo hình tướng bên ngoài, Phật đây là chánh nhân. Chánh nhân luôn sẵn có nơi mình, lúc nào cũng không tạm thời. Giờ chỉ còn một điểm là chúng ta khéo nhớ trở lại chánh nhân để phát triển thành diệu dụng, thắng được những phiền não đau khổ nơi mình, như vậy Tam nhân Phật tánh trọn vẹn đầy đủ ý nghĩa. Hiện tại, mỗi người đều có đủ chánh nhân, duyên nhân, phần còn lại là liễu nhân hãy tự phát huy để chứng nghiệm lẽ thật nơi mình. Vậy mong tất cả đều thành tựu đầy đủ Tam nhân Phật tánh. Đó là sống để trở về nguồn gốc chân thật của chính mình, là niềm vui lớn nhất ở trên thế gian này.

---o0o---

08. PHẬT PHÁP ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY

I. ĐƯA NGƯỜI GIÁP MẶT SỰ THẬT, CHỨNG NGHIỆM CHÂN LÝ

Đề tài hôm nay là "**Phật Pháp Đến Để Mà Thấy**". Đây là câu thường gặp trong Kinh A-hàm và Kinh Nikaya.

Ý nghĩa thứ nhất là đưa người giáp mặt với sự thật, chứng nghiệm chân lý. Phật pháp là pháp giác ngộ lẽ thật. Sự giác ngộ đó ở trong tâm người chứ không phải trong lý luận, chữ nghĩa.

Thiền sư Lâm Tế có lần nhắc: "*Người học tin chẳng kịp cho nên mới hướng ra bên ngoài để tìm kiếm. Dù cho tìm kiếm được thì cũng là tướng thù thắng của văn tự chứ trọn không được ý Tổ sống*". Ý nghĩa chính không phải nằm trong văn tự. Ý của Phật hay Tổ sống nằm ngay trong tâm giác ngộ của mỗi người. Thiền sư nói thêm: "*Các Đại đức! Ông chớ có nhận cái áo! Áo*

không biết cử động. Chính người mặc áo thì có cái áo Thanh tịnh, áo Vô sanh, áo Bồ-đề, áo Niết-bàn, áo Tổ, áo Phật v.v...". Có nghĩa là Bồ-đề, Niết-bàn, Tổ, Phật hay Chân như, Phật tánh v.v... chỉ là những danh từ. Giống như chiếc áo mặc bên ngoài chứ không phải bản thân Bồ-đề, Niết-bàn. Chiếc áo mặc thì không biết cử động. Chính con người mới biết cử động. Đó mới là Pháp sống. Học Phật phải khéo thấu qua được những chiếc áo đó để giáp mặt sự thật chứ không chỉ dừng ở chiếc áo mà lý luận. Đó là khéo học.

Thí dụ như danh từ Bồ-đề, Niết-bàn v.v... thì đâu có biết giác ngộ, đâu có thăng được phiền não. Giác ngộ, Niết-bàn hay giải thoát v.v... cần phải ở ngay nơi mình. Học Phật pháp, ban đầu là nương văn tự nhưng sau phải vượt qua văn tự, ngôn ngữ để trực tiếp chứng nghiệm chân lý. Vậy mới cứu được mình, hợp với bản tính của Phật.

Quý vị đọc lịch sử Phật sẽ thấy khi Đức Phật mới thành đạo Ngài không muốn đi thuyết pháp, mà mục đích Ngài tu hành thành đạo là để giáo hóa chúng sinh. Rồi đợi Phạm thiên thưa thỉnh ba lần, Ngài mới hứa khả là có ý sâu. Bởi Ngài thấy chỗ chứng đạo của Ngài quá sâu xa, vượt ngoài trí hiểu biết suy luận tầm thường của thế gian, nên Ngài không muốn vội đi thuyết pháp. Trong kinh kể, khi đó Ngài nói: *"Ta đã thấu được pháp thâm diệu khó nhận, khó hiểu, vắng lặng, tuyệt vời, không biện giải gì được. Nó cũng tinh tế chỉ có bậc Thánh nhân mới hiểu được"*. Chỗ mà Ngài thấy, chứng ngộ đó vượt ngoài lý luận, biện giải nên phải là bậc Thánh, bậc chứng ngộ mới cảm thông được. Còn chưa cảm thông thì khi Ngài nói ra sợ sẽ có hiểu lầm, sai lệch ý của Phật.

Chính buổi đầu đó, Đức Phật đã ngầm nhắc cho hàng đệ tử học Phật sau này phải học vượt qua ngôn ngữ nói năng, văn tự ghi chép, mới cảm thông được chỗ Phật muốn chỉ, muốn nói. Có nói ra chỉ là phương tiện bắt đắc dĩ của Phật mà thôi. Chân lý sống thì không ở trong phương tiện đó. Giống như chiếc xe đưa mình đi đến thành phố, chiếc xe không phải là thành phố, không phải là mục đích đến. Nếu mình cứ bám vào chiếc xe thì không đạt được mục đích mà chỉ tạm nương chiếc xe để đi đến nơi mục đích mình muốn. Trong Kinh Viên Giác, Phật có nói: *"Những Kinh giáo mà Phật nói ra giống như ngón tay chỉ mặt trăng"*, người khéo thì phải nương ngón tay để thấy mặt trăng, không thể bám vào ngón tay mà cho là mặt trăng. Cũng vậy, những ngôn giáo để chỉ chân lý nhưng chân lý không nằm trong ngôn giáo.

Trong Kinh Lăng-già nói, Phật thuyết pháp trên bốn mươi năm nhưng khoảng giữa đó Ngài chưa từng nói một chữ. Tức là ý của Phật vốn không ở trên danh từ hay những lời nói đó.

---o0o---

II. BA THỨ BÁT NHÃ

Khi chúng ta học Bát-nhã, có chia ra thành ba loại: Văn tự Bát-nhã - Quán chiếu Bát-nhã - Thật tướng Bát-nhã. Chữ Bát-nhã dịch nghĩa là trí tuệ, nhưng trí tuệ ở đây không giống như trí tuệ ở thế gian thuộc về trí tuệ sanh diệt, đây là trí tuệ trong Phật pháp. Thường gọi là trí tuệ Bát-nhã để mọi người khỏi nhầm lẫn.

- **Văn tự Bát-nhã:** Người nghe, học, nghiên cứu kinh điển thì mở sáng được những điều hiểu biết về Phật pháp. Đó là cũng có trí tuệ nhưng là trí tuệ trên văn tự, trí tuệ của Phật của Tổ chúng ta học lại chứ chưa phải của chính mình. Thí dụ học nghe về lý vô thường thì hiểu lý vô thường, nhưng chưa thật sự cảm nhận được lý vô thường nơi chính mình. Tức là chưa có sức diệu dụng, chưa đến được những chỗ vi tế của vô thường. Bởi vậy, cần phải tiến thêm một bước nữa.

- **Quán chiếu Bát-nhã:** Nghe, hiểu rồi thì phải thường xuyên quán chiếu vào cuộc sống thực tế hàng ngày, đem chỗ mình học hiểu đó quán chiếu thẳng vào sự vật, các pháp để chứng nghiệm lẽ thật của nó. Trong Tâm Kinh Bát-nhã có câu "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách". Đây là thường phải quán chiếu năm uẩn của mình là không, quán tới, quán lui trong cả những lúc đi-đứng-nằm-ngồi để thấy rõ nó là không chứ không phải chỉ hiểu trên chữ nghĩa. Đem lý không đó vào ngay trong thực tế. Chứ hiểu năm uẩn là không mà gặp ai nói xúc phạm gì thì chúng ta liền thấy bực mình, khó chịu. Vậy thì nó không phải là không. Công phu quán chiếu này rất quan trọng, có quán chiếu được như vậy mới đưa chúng ta đến bờ Niết-bàn.

- **Thật tướng Bát-nhã:** Chúng ta quán chiếu thường xuyên đến khi thuần thục thì chính mình tự sáng tỏ ra. Tự mình mở sáng được trí tuệ, rõ lẽ thật đó ở ngay nơi chính bản thân mình. Nghĩa là chính mình là chân lý chứ không phải chia ra có ai quán, có cái gì để quán, như vậy nó thành cách biệt nhau. Đến đây, thật tướng đã hiện tiền, mình không cần phải quán nữa nhưng vẫn thấy nó là không. Đó là chỗ diệu dụng của Bát-nhã. Trực tiếp giáp mặt với chân lý mới thật sự qua được các khổ nạn. Chuyển "ngũ uẩn giai không" của Bồ-tát Quán Tự Tại trong Tâm Kinh thành của mình, ở ngay nơi chính mình. Chỗ này cần phải có công phu quán chiếu chứ không phải chỉ lý luận suông, phải là hành giả, phải thực hành sâu, miên mật, luôn luôn không gián đoạn. Không phải lúc rảnh mới quán, lúc bận thì thôi.

Cổ Đức có thí dụ: Người muốn qua sông phải bước lên thuyền, chèo thuyền sang bờ bên kia, khi tới bờ rồi thì bước lên bờ đi tự do. Bước lên thuyền là Văn tự Bát-nhã. Nhưng bước lên thuyền mà ngồi hoài thì cũng không thể tới bờ kia được, phải ra sức chèo qua bờ. Đó là Quán chiếu Bát-nhã. Tới bờ rồi mà ngồi trên thuyền thì cũng không đi đâu được, vì mắc kẹt trên thuyền, phải bước lên bờ, bỏ thuyền lại đi tự do. Đó là Thật tướng Bát-nhã.

Hoặc trường hợp chèo qua tới bờ mà tiếc chiếc thuyền, kéo theo lên bờ hay vác theo lên bờ thì cũng bị ngại. Hoặc nghĩ mình lên bờ rồi thì phá bỏ chiếc thuyền cũng không phải. Cần phải để lại cho những người chưa qua, họ cần chiếc thuyền đó để qua.

Ở đây, lỗi không phải ở chiếc thuyền. Cũng vậy, Pháp thì không có lỗi mà lỗi là do người dính kẹt vào đó. Nếu chúng ta khéo nương vào Pháp để tiến tu, thực chứng được chân lý thì Pháp là phương tiện đưa ta đến chân lý. Đó là điều tốt không có lỗi.

---o0o---

III. NHÂN MẠNH SỰ CHỨNG NGHIỆM

Phật Pháp nhấn mạnh việc chứng nghiệm chân lý. Người xưa nói: "*Không vào hang cọp làm sao bắt được cọp con*". Muốn dứt khổ phải dứt cái nhân tạo nên cái khổ, không thể đứng bên ngoài suy lý mà hết khổ được. Cũng vậy, "*Muốn qua hết khổ ách*" thì phải thực hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật từ đó mới "*chiếu kiến*" – thấu được năm uẩn đều không. Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa đó không nằm trong chữ nghĩa, lý luận hay những trang giấy mực. Nếu chỉ ở trên lý luận, biện giải thì đâu có gọi là Bát-nhã sâu xa được. Tức là mình phải trực tiếp vào trong Bát-nhã, tự mình mở con mắt Bát-nhã. Lý luận, biện giải là bước đầu, dù lý luận, biện giải có hay đến mấy đi nữa thì cũng không thể biến năm uẩn thành "*không*" được.

Thiền sư Quảng Trí từng cảnh tỉnh những người học Phật hay làm hiểu trên "*cái không*", lo nói "*không*" mà chưa hiểu "*không*". Ngài nói: "*Không thể chấp rằng: ta đã ngộ xong, phiền não tánh nó là không, nếu khởi tâm tu lại là điên đảo. Thế nhưng, tánh phiền não dù là không mà nó hay khiến thọ nghiệp, cũng như nghiệp quả nó không tánh mà cũng tạo nên nhân khổ, khổ đau tuy là hư dối nhưng lại khó nhẫn là sao?*". Lẽ thật thì tánh phiền não là không nhưng không phải mình nói không là nó thành không, mà phải tu hành để chứng nghiệm nơi bản thân chính mình. Mình hiểu là không, nghe kinh nói là không rồi mình nói là không. Nhưng gặp khổ đau thì mình cũng khổ đau, khó nhẫn, khó chịu. Cho nên mình phải thực tu, thực chứng lẽ thật đó rồi cảm nhận thực sự chứ không phải mình hiểu không, nói không thì nó là không.

Trong Kinh A Hàm có bài kinh: Có lần Phật vào rừng, các vị Tỳ-kheo đi theo, Phật nắm một nắm lá trong tay rồi hỏi các vị Tỳ-kheo: "*Lá trong tay Ta nhiều hay lá ngoài rừng nhiều?*". Các vị Tỳ-kheo đáp: "*Lá trong tay Thế Tôn ít, lá ở ngoài rừng thì rất nhiều*". Phật nói: "*Cũng vậy, những điều Ta chứng được, hiểu được thì giống như lá cây trong rừng, còn những điều Ta nói ra cho các ông cũng như lá cây trong tay*".

Qua thí dụ này, ta thấy rằng dù ta học kinh điển mà Phật đã nói trong "Tam tạng Kinh Điển" cũng giống như nắm lá trong tay, còn những điều Phật hiểu, Phật chứng nghiệm, Phật chưa nói hết như lá trong rừng. Dù có học được năm, mười bộ kinh, năm, mười bộ luận cũng như nắm lá trong tay. Muốn thấu được lá trong rừng thì phải tu, phải thực hành, tỏ sáng trí tuệ, mới cảm thông được những điều Phật nói chưa hết. Ngôn ngữ còn trong giới hạn, còn lẽ thật, chân lý sống thì phải thực tu mới chứng nghiệm được. Các vị Thánh hiền hay các Thiền sư tu được chứng ngộ, các Ngài hay đánh thức đưa người học trực tiếp cảm nhận chân lý chứ không phải dùng trên ngôn ngữ.

Nhà Thiền có câu chuyện: Thượng tọa Định là đệ tử nổi pháp của Thiền sư Lâm Tế. Một hôm trên đường đi thọ trai ở nhà thí chủ về, đi đến một cây cầu thì gặp ba vị tọa chủ là những vị trụ trì, giảng pháp. Một trong ba vị đó gặp Ngài hỏi: "*Thế nào là tốt đáy của sông thiền?*". Thượng tọa Định nghe xong liền chộp ngay ngực vị đó định ném xuống sông. Hai vị kia thấy vậy hoảng hốt xin tha. Thượng tọa Định buông ra rồi nói: "*Nếu không có hai vị tọa chủ đây thì tôi sẽ cho Ngài xuống để biết tốt đáy sông thiền*".

Qua đó, thấy Thiền sư học Phật rất trọng lẽ thật, ông muốn rõ tốt đáy sông thiền thì ông phải vào trong đó, chứ ông đứng bên ngoài hỏi đùa thì không thể biết được. Cũng vậy, chúng ta đứng đây cứ bàn về Niết-bàn, về Bồ-đề thì cũng không thấy Niết-bàn, Bồ-đề được. Nhiều khi bàn về Niết-bàn còn cãi nhau, có người nói Niết-bàn thế này, có người nói Niết-bàn thế kia. Cãi nhau rồi không thấy Niết-bàn đâu chỉ thấy sanh tử. Đúng lẽ thật, muốn thấy Niết-bàn thì phải thực hành, chứng nghiệm được Niết-bàn.

Bài Kinh "*Có Pháp Môn Nào*" trong Tương Ưng Bộ Kinh, Phật dạy: "*Này các Tỳ-kheo, các ông mắt thấy sắc, trong nội tâm có tham, có sân..., có si v.v... thì biết rõ nội tâm của mình có tham..., có sân, có si, hoặc nội tâm không có tham..., sân..., si, thì cũng biết rõ nội tâm không có tham..., không có sân, không có si. Này các Tỳ-kheo! Biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm của vị ấy, thì có phải chúng là những pháp mà do lòng tin được hiểu biết hay do yêu thích được hiểu biết, do lắng nghe được hiểu biết, hoặc do suy tư về phương pháp, do kham nhẫn v.v... có phải vậy không?*". Các Tỳ-kheo thưa: "*Bạch Thế Tôn, không*". Phật hỏi thêm: "*Có phải các pháp này do thấy với trí tuệ nên được hiểu biết hay không?*". Các Tỳ-kheo thưa: "*Phải, bạch Thế Tôn*".

Phật lại nói: "*Đây chính là pháp môn, này các Tỳ-kheo, do pháp môn này ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú, biện luận, có thể xác chứng với chánh trí. Vị đó biết rõ sanh tử đã hết, việc làm đã xong*".

Phật xác chứng rõ ở trong nội tâm mình có tham, sân, si, biết có tham, sân, si. Trong nội tâm mình không có tham, sân, si cũng biết không có tham, sân, si.

"Cái biết" này không phải do suy tư, biện luận hay do nghe ai nói lại, mà "cái này" mình phải xác chứng bằng chính trí tuệ của mình, hiện hữu nơi mình chứ không phải ở trong kinh điển, sách vở. Chính mình phải giáp mặt sự thật đó bằng chính trí của mình, không phải chỉ dừng ở sự học hiểu bên ngoài là đủ. Phải đến để mà thấy!

Học Phật là chính mình nương theo những lời Phật dạy, rồi chính mình thực hành, chính mình tiến đến sự thể nghiệm, cảm nhận được Phật pháp, trực tiếp giáp mặt với chân lý Phật đã dạy. Như vậy, chúng ta mới thật sự có sức để thắng được phiền não, đau khổ, nếu không, thì chỉ học, hiểu mà chưa đủ sức thắng.

Quý Phật tử học Phật thì hiểu thân tâm là vô thường, tạm bợ, mỏng manh, không bền chắc. Nhưng có thật sự mình hiểu nó là vô thường không? Nếu thật sự hiểu như vậy thì ví dụ khi đi khám bác sĩ, biết mình bị bệnh ung thư v.v... thì mình có thấy nó vô thường không? Hay lúc đó mình đã trả cái vô thường đó lại cho Phật, cho Tổ. Đó là điều thực tế.

---o0o---

IV. TÓM KẾT

Phật pháp là pháp chân thật, ở ngay nơi chính mình, không thể ở đâu khác. Đức Phật ra đời tự giác ngộ, tự chứng nghiệm được nơi bản thân rồi mới chỉ lại cho chúng sinh để cùng được giác ngộ như Ngài. Là muốn đưa người trực tiếp giáp mặt với chân lý giác ngộ, không phải chỉ đứng bên ngoài.

Bài pháp đầu tiên Phật thuyết ở vườn Lộc Dã là Pháp Tứ đế - Bốn chân lý cao thượng. Lần chuyển Pháp luân này gọi là "*Tam chuyển thập nhị hành*" tức là ba lần chuyển thành mười hai hành. Ba lần chuyển là: Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển. Thị là chỉ ra, Khuyến là khuyên tu, Chứng là chứng thật.

Thị chuyển:

Phật chỉ rõ ràng cho chúng ta thấy đây là Khổ đế (là cái quả mà chúng sinh đang chịu), đây là Tập đế (là những cái nhân phiền não, tham, sân, si gây nên khổ), muốn hết khổ, đạt an vui Niết-bàn thì phải dứt cái nhân. Đó chính là Diệt đế (là an vui, Niết-bàn). Muốn dứt được cái nhân đó thì phải có đường lối, phương pháp, không phải chỉ lý luận, nói suông mà được. Đường lối đó chính là Bát Chánh Đạo hay Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Đó là Đạo đế. Như vậy, tu đạo đế là dứt cái nhân đưa đến khổ, không có nhân thì không có quả khổ, thật sự chứng Niết-bàn, an vui là Diệt đế.

Khuyến chuyên:

Khi đã chỉ rõ cho chúng sinh thấy rồi thì Phật khuyến tu, tức là Khuyến chuyên. Phật nói: "*Đây là khổ các ông cần phải biết; đây là Tập (tức là cái nhân đưa đến khổ) các ông cần phải đoạn dứt; đây là Diệt (dứt khổ) các ông cần phải chứng; đây là Đạo (là con đường để dứt khổ) các ông cần phải tu. Các ông không thể chỉ hiểu biết suông mà cần phải thực hành, phải tu để tiến thẳng vào lẽ thật*".

Chứng chuyên:

Phật xác định rõ những điều đó là những điều Ngài đã thực chứng, đã trải qua, rồi chỉ dạy lại cho chúng sinh, không phải Ngài nghe ai nói hay Ngài suy tư, phỏng đoán. Ngài nói như vậy để dứt lòng nghi hoặc trong chúng sinh, cho chúng sinh biết Ngài đã trải qua rồi, đã đạt rồi. Ngài nói: "*Khổ Như Lai đã biết, Tập Như Lai đã đoạn, Diệt Như Lai đã chứng, Đạo Như Lai đã tu*". Tức là những điều đó là những điều Như Lai đã thực hành qua, đã thực chứng rõ ràng mới chỉ dạy cho các hàng đệ tử. Các hàng đệ tử của Phật thì cũng phải học theo cái gương đó, phải thực hành, phải chứng nghiệm, phải trải qua chứ không thể chỉ hiểu suông mà cho là đủ.

Ngài muốn nhắc cho hàng đệ tử học Phật phải thực đến với Phật pháp, nắm được pháp vị của Phật Pháp, chớ không dừng chết trên những ngôn ngữ, văn tự. Cần phải "*đến để mà thấy*", đó là thông điệp cho tất cả những người học Phật từ đây cho đến mãi về sau. Học Phật đúng nghĩa là phải chứng nghiệm được thì mới thấy được giá trị cao quý của Phật Pháp, lợi ích thiết thực của Phật pháp ngay trong cuộc sống của chính mình, ngay lúc mình có mặt không phải đợi xa xôi, qua kiếp sau mới chứng nghiệm được. Hiểu, thấm sâu Phật pháp thì sẽ thấy Phật pháp giúp mình chuyển cái nhìn từ mê làm sang giác ngộ, sáng suốt. Từ đó chuyển hóa được cuộc đời mình.

---o0o---

09. THIỀN LÀ SỐNG NGAY THỰC TẠI

I. SỐNG LẦM, MẤT MÌNH

Lâu nay chúng ta sống ở trên đời, nhưng Phật nói mỗi người sống ở đây mà không có thực sống. Vì chúng ta sống mà đánh mất chính mình, sống mà đánh mất thực tại, nên thiếu đi ý nghĩa sống. Như chúng ta đang ngồi đây nghe pháp, nhưng có thực là chúng ta đang ở đây không hay là đang ở đâu? Có khi thân đang ngồi ở đây nhưng tâm để ở nhà, hoặc tâm đang đi lang thang ngoài đường. Đó gọi là sống mất mình, sống với cái đã chết. Cho nên đa số chúng ta

luôn luôn đi tìm cái để sống, do thấy thiếu nên tìm cầu. Nhà thiền gọi là cỡi trâu đi tìm trâu.

Có câu chuyện: Gần ngôi Thiền viện có một tiệm bán đậu hũ. Ông chủ bán đậu hũ có tính hiếu kỳ, không biết ở ngôi thiền đường mấy ông thầy làm gì ở trong đó. Nên ông năn nỉ vị sư Hương đăng trông coi việc ở thiền đường, xếp cho ông vào trong đó. Ông cũng ngồi thiền với quý thầy, nhưng ông ngồi một góc ở phía dưới để quan sát cho biết. Thời gian ngồi thiền là một nén hương, khoảng một giờ. Ông tréo chân ngồi, thấy cảnh lặng lẽ khác thường hơn ở nhà, ai cũng ngồi im không ai ngó qua ngó lại. Ông lén lén mở mắt ra, nhìn qua nhìn lại thấy ai cũng mắt ngó xuống, ông cũng bắt chước theo ngồi yên mắt ngó xuống. Bình thường ông sống ở ngoài, bận rộn lăng xăng trong sinh hoạt hằng ngày, bây giờ được một chút duyên ngồi yên trong khung cảnh trang nghiêm lặng lẽ, tâm cũng lặng xuống chút ít. Khi tâm lắng xuống, ông thấy những chuyện quá khứ nó trôi lên, vì lâu nay lăng xăng không có thời gian nhớ bây giờ ngồi yên nó nhớ lại rõ ràng. Sau khi về nhà rồi, gặp ai ông cũng khen ngồi thiền hay quá, tôi thực tập có một buổi thôi mà cảm nhận rất là sáng suốt. Hôm đó, tôi đã nhớ ra được ông lão họ Vương kia mua đậu hũ của tôi tổng cộng còn thiếu năm đồng mà lâu nay tôi quên, giờ nhớ là ông chưa trả.

Mọi người bình thường nghe cũng thấy vui vẻ, nhưng với người chuyên tu thiền thì thấy ông đang ngồi thiền ở trong thiền đường, nhưng tâm ông về nhà bán đậu hũ. Như vậy rõ ràng sống mà đánh mất chính mình. Cũng như chúng ta ngồi đây nhưng không có thực tại sống ở đây, chỉ sống với bóng của quá khứ hoặc ảo tưởng tương lai. Sống với thực tại là ngay bây giờ ở đây, chúng ta phải có mặt sự tỉnh thức ngay đây, chứ không phóng tâm lang thang, mất mình.

Thiền sư Cảnh Thanh đang ngồi, liền hỏi vị tăng bên cạnh:

- Ở bên ngoài là tiếng gì?

Lúc đó trời đang mưa, nên ông tăng thưa:

- Là tiếng mưa rơi.

Thiền sư Cảnh Thanh bảo:

- Chúng sinh điên đảo quên mình theo vật.

Ông tăng hỏi:

- Còn Hòa thượng thì thế nào?

Ngài đáp:

- Vẫn chẳng quên mình.

Đa số người là sống như vậy, đang ngồi đây, nghe tiếng mưa rơi thì chạy ra ngoài hiên, tâm nhớ theo tiếng mưa rơi nên quên mất cái gì đang nghe, đang biết. Thiền sư hỏi bên ngoài là tiếng gì, tức muốn nhắc ông tăng nhớ lại cái gì đang nghe, đang biết rõ ràng, đang hiện có mặt ở đây, chứ không phải ý ngài ở ngoài mái hiên. Nhưng vị tăng quen sống theo duyên, tâm duyên theo tiếng mưa rơi bên ngoài nên chỉ nghe tiếng mưa rơi. Do đó, Thiền sư nói: "Chúng sinh điên đảo quên mình theo vật", quên chính mình đây mà chạy theo bên ngoài. Vị tăng hỏi lại: "Còn Hòa thượng thì thế nào?", Ngài đáp: "Vẫn chẳng quên mình". Thiền sư cũng nghe tiếng mưa rơi, biết rõ tiếng mưa rơi nhưng vẫn không quên mình. Sống như vậy mới gọi là không mất mình, chứ còn ngồi đây mà chạy theo tiếng là quên mất chính mình, là đánh mất thực tại đang hiện hữu.

---o0o---

II. SỐNG NGAY THỰC TẠI, BÂY GIỜ

Trong nhà thiền luôn nhắc mọi người, phải sống trở về với cái thực tại đang hiện hữu sáng ngời, đó là thiền chân thật. Thiền dạy hành giả là sống trở về ngay thực tại, bây giờ và ở đây. Mặt trời tâm phải luôn luôn mọc ngay đây, luôn chiếu sáng không cho mây che khuất. Thiền sư Pháp Loa, Tổ thứ hai của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, có lần ngài Pháp Loa hỏi Tổ Trúc Lâm:

- Khi muôn dặm mây tạnh thì thế nào?

Tổ Trúc Lâm đáp:

- Mưa tầm tã.

Lại hỏi:

- Khi muôn dặm mây che kín hết thì thế nào?

Đáp:

- Trăng vàng vạc.

Theo tâm lý thế gian nghe vậy là không hiểu gì hết, nói chuyện ngược đời. Muôn dặm mây tạnh tức là trời trong sáng, không có vết mây thì làm sao mưa, đây Ngài lại đáp: "Mưa tầm tã". Còn hỏi: "Muôn dặm mây che kín hết" là đang mưa, mà Ngài lại đáp: "Trăng sáng ngời". Theo thế gian thấy giống như nghịch lý, nhưng trong nhà thiền là đánh thức cho hành giả sống trở về ngay thực tại sáng ngời, phải sống "ngay bây giờ đây". Muôn dặm mây tạnh, tức là trời trong

sáng, trời trong sáng đây có hai ý: Thiền sư vừa mượn hình ảnh trời trong sáng, nhưng cũng muốn nói bầu trời tâm của mình trong sáng không có vết mây, mà ông còn hỏi chi cho động niệm, động niệm là mây mưa tâm tã rồi. Câu thứ hai hỏi: "Muôn dặm mây che kín thì sao?". Nếu nói tâm mình bị che kín, không còn chỗ nào để lộ đầu. Vậy ai biết hỏi đây, đã biết hỏi thì đâu có che, nên Sơ Tổ đáp: "Trăng sáng ngời". Tâm vẫn hiện hữu sao còn chưa tỏ ngộ? Chúng ta thấy Thiền sư đáp, mới nghe dường như nghịch lý, nhưng hiểu ra thì rất chí lý.

Quả thật, tâm thiền của Ngài luôn luôn hiện hữu sáng ngời, chưa từng vắng mặt bao giờ. Ngay lúc đang hỏi đáp, tâm của Ngài vẫn sáng nên đáp một cách trực tiếp bén nhạy. Chân lý thiền rất đơn giản, gần gũi đâu có gì xa lạ. Ngay thực tại đây thôi. Ngay chỗ chúng ta ngồi đây, biết sống trở về là thiền là đạo. Nhưng do con người quen thêm vào, quen tưởng tượng nên thành ra rắc rối, khó hiểu. Nếu chúng ta buông bỏ những tưởng tượng thì thiền rất đơn giản.

Như câu chuyện trà Triệu Châu. Có vị tăng đến chỗ Thiền sư Triệu Châu. Ngài Triệu Châu liền hỏi:

- Ông từng đến đây chăng?

Vị tăng thưa:

- Đã từng đến.

Triệu Châu liền bảo:

- Vậy thì uống trà đi!

Vị tăng khác đến, Sư hỏi:

- Ông từng đến đây chăng?

Vị tăng thưa:

- Chưa từng đến.

Sư cũng bảo:

- Uống trà đi.

Vị viện chủ thấy vậy thắc mắc hỏi:

- Từng đến cũng bảo uống trà đi, chưa từng đến cũng bảo uống trà đi, vậy là sao?

Ngài Triệu Châu liền gọi:

- Viện chủ.

Viện chủ đáp:

- Dạ.

Sư cũng bảo:

- Uống trà đi!

Mới nghe thấy giống như thầy trò đùa chơi, nhưng đó chính là đánh thức cho người học sống trở về ngay thực tại đang hiện hữu, không khởi thêm niệm gì khác. Ông đã từng đến đây, có mặt tại đây thì còn hỏi gì nữa, uống trà đi là xong. Vị tăng kia bảo ông chưa từng đến, chưa từng đến vậy ai đang đứng đây? Đang đứng đây tức là đã đến rồi, mà nói chưa từng đến là ông đang nhớ về chuyện quá khứ hôm qua, hôm kia. Hiện tại đang đứng đây thì ông đang ở đây, cho nên cũng uống trà đi, là xong. Vị viện chủ cũng giống như mình, chuyện đến hay chưa đến là việc của người ta, không dính dáng gì tới ông hết. Gọi thì ông biết dạ, ngay đó đủ rồi khỏi phải hỏi thêm chuyện của người chi nữa, cũng uống trà đi là xong.

Chúng ta thấy các Thiền sư rất thực tế, đang ở đây thì có mặt ở đây, nghĩ cái khác là quên mất thực tại đang hiện hữu gọi là mất mình, là mặt trời bị mây che, cần phải tỉnh lại là xong. Có lần Thiền sư Huyền Sa đang ngồi chỉ một điểm trắng ở dưới nền đất, Ngài hỏi ông tăng kế bên:

- Ông có thấy không?

Vị tăng thưa:

- Dạ thầy.

Ngài nhấn mạnh trở lại:

- Ông có thật thấy không?

Vị tăng nói:

- Dạ thầy.

Ngài hỏi thêm lần thứ ba nữa:

- Ông thấy thật không?

Vị tăng nói:

- Dạ thầy.

Ngài Huyền Sa mới bảo:

- Ông cũng thấy, ta cũng thấy. Vì sao nói là chẳng hội?

Như bây giờ bình hoa ở đây, ai cũng thấy mà sao có người ngộ có người chẳng ngộ? Hai người đồng thấy một điểm trắng rõ ràng, nhưng Thiền sư thì ngộ còn vị tăng chẳng ngộ, là vì vị tăng thấy nó nhưng lại chạy theo nó nên quên mất chính mình. Chúng ta ở đây cũng vậy, nhìn thấy bình hoa rồi đồng hóa mình với bình hoa nên quên mất thực tại. Học thiền rất đơn giản, thực tế ngay trong cuộc sống, ngay nơi thực tại đây thôi. Nhưng chúng ta không thấy được là do tâm mình quen tưởng tượng xa xôi.

Có lần một học giả đến học đạo với Thiền sư Việt Khê, người Nhật Bản. Ông tha thiết hỏi về thiền đạo:

- Bạch thầy! Con đã nghiên cứu về Phật học, Nho học hơn hai mươi năm. Những điều đó con hiểu rất nhiều, nhưng còn một điểm con chưa rõ biết là thiền đạo. Xin thầy giải thích cho con hiểu về thiền đạo.

Ngay đó Thiền sư Việt Khê tát cho một tát tay. Ông bực tức bỏ đi, đến gặp vị thủ tọa ở trong chùa. Vị thủ tọa thấy vẻ bực bội của ông, biết có chuyện nên Ngài cũng nhẹ nhàng bảo:

- Có việc gì vậy? Người học thiền cần phải bình tĩnh, có việc gì mà phải bực bội, thôi ông hãy ngồi đây uống tách trà đi.

Ông nghe vậy cũng hơi cởi mở, ngồi xuống uống trà với Ngài thủ tọa. Trong khi ngồi uống trà thì ông liền tuôn ra những lời bực bội về Thiền sư Việt Khê, đến hỏi đạo chưa gì bị tát cho một bạt tay. Bất chợt, vị thủ tọa cũng đánh vào tay ông, tách trà rơi xuống đất vỡ tan.

Vị thủ tọa mới nói:

- Vừa rồi ông nói là hiểu được Phật học, Nho học chỉ còn có chút thiền đạo là ông chưa hiểu thôi. Bây giờ đây tôi đã đem thiền đạo cúng dường cho ông rồi, ông có biết cái gì là thiền đạo chẳng?

Lúc đó ông ngỡ ngàng không biết gì. Ông nghĩ Thiền đạo gì đâu, chưa chi đã bị đánh, tách trà rớt xuống đất. Vậy là cái gì chứ?

Vị thủ tọa hỏi lại lần nữa, ông cũng không biết. Vị thủ tọa mới nói:

- Thật là không xứng cho ông thấy thiền đạo của chúng ta.

Vị thủ tọa bèn cúi xuống nhặt những mảnh vỡ của tách trà lên, lấy giẻ lau khô nước trà ở trên nền đất. Rồi bảo:

- Ngoài những thứ này ra còn có thiền đạo nào nữa không?

Ngay đó ông liền tỉnh ngộ. Ông ở lại tham thiền với Thiền sư Việt Khê.

Vậy thiền đạo ở chỗ nào? Đa số người đi học thiền, cứ nghĩ thiền đạo là cái gì cao siêu trên trời trên mây. Trong khi đó Thiền sư chỉ rất là đơn giản, ngay chỗ việc làm hằng ngày của mình đây, như tách trà rót xuống, lượm lên lau khô nước. Mọi cử chỉ chúng ta làm trong tỉnh giác, sáng suốt thì đó là thiền đạo. Sống ngay thực tại hiện tiền sáng ngời đó là thiền đạo. Như chúng ta đang làm bếp nấu nướng, làm trong tâm sáng suốt tỉnh táo đó là thiền đạo.

---o0o---

III. BUÔNG CHỖ DUYÊN

Do tâm con người cứ đuổi theo duyên bên ngoài, nhớ cảnh nhớ đối tượng, tâm luôn bám víu nên quên mất thực tại. Bây giờ khéo buông những chỗ tâm duyên theo đó thì sống trở về thực tại. Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: "Những người tu hành chẳng thể thành tựu được Vô thượng Bồ-đề, cho đến thành Thanh văn, Duyên giác hay làm quyến thuộc của ma, là đều do không biết được hai thứ căn bản, nên tu học lầm lộn.

Thứ nhất là căn bản sanh tử từ vô thủy đến nay, tức các ông cùng chúng sinh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Thứ hai là thể Bồ-đề Niết-bàn thanh tịnh sẵn có từ vô thủy, là thức tinh nguyên minh hay sanh ra các duyên mà bị các duyên bỏ sót. Do chúng sinh bỏ sót cái sáng suốt sẵn có nên trọn ngày tu hành mà không tự giác được".

Cái biết nguyên vẹn, sáng ngời (thức tinh nguyên minh) hay sanh các duyên tức là nó biết cái này, biết cái kia, biết đủ thứ hết. Nhưng khi nó biết cái nào rồi thì nó chỉ nhớ cái đó thôi, mà quên mất chính nó gọi là các duyên bỏ sót. Cũng như nó biết bình hoa thì nó chỉ nhớ bình hoa mà quên mất chính nó, tức bị các duyên bỏ sót. Cho nên, tu hành trọn ngày mà không có giác ngộ. Bây giờ chúng ta khéo tu chỉ chuyển lại, nó biết cái này, biết cái kia, biết tất cả hết, nhưng không bỏ sót chính nó. Chúng ta học thiền, chỉ khéo buông những chỗ duyên đó, luôn luôn nhớ lại chính nó để nhận trở lại cái "gốc biết". Như vậy, chúng ta cũng thấy nghe, hiểu, biết rõ ràng nhưng luôn luôn sáng ngời, đó gọi là trở về nguồn, sống với thực tại. Ngược lại, chúng ta sống mà đánh mất chính mình gọi là sống mà giống như chết, sống thiếu chủ.

Hằng ngày chúng ta sống là ai sống? Mình sống, nhưng hỏi cái gì là mình thì không biết, đó gọi là sống thiếu hồn. Có vị thầy Tây Tạng, khi qua Tây phương thấy trong nghĩa địa có những ngôi mộ xây cho người chết rất khang trang, tốt đẹp. Vị thầy Tây Tạng mới nói với những người đi theo: "Ở đây người ta xây những ngôi nhà rất tốt đẹp cho những xác chết. Rồi cũng xây những ngôi nhà rất sang trọng cho những xác sống". Qua đây vị thầy Tây Tạng muốn nhắn nhủ cho chúng ta điều gì? Ngoài nghĩa địa là những xác chết, còn đây là những xác sống. Tức là những người còn sống mà thiếu đi cái hồn thì giống như xác, cái xác biết đi, biết đứng, biết cử động, tới lui nhưng thiếu cái hồn nên gọi là xác sống. Như vậy nếu có mặt ngay chỗ đó, nghe vậy chúng ta thấy cũng hổ thẹn. Vì chúng ta sống mà giống như những cái xác biết cử động, biết tới lui nhưng thiếu cái hồn. Vậy chúng ta phải sống sao để thật sự gọi là có hồn, nếu không thì là những xác sống. Chúng ta sống có chủ thì cuộc sống mới sinh động đầy đủ ý nghĩa sống.

Có người phê bình đạo Phật là chán đời nói cái gì cũng vô thường, giả dối không thật. Đó là vì người nghiên cứu chưa tới, chỉ thấy trên lý thuyết Phật nói mọi thứ là giả nhưng không thấy được cái chân thật mà Phật muốn chỉ bày cho con người. Sống với cái chân thật đó mới thấy đời sống chúng ta có giá trị, nếu không thì cuộc đời này vô vị lắm. Người tu mà hiểu đúng ý nghĩa Phật pháp thì rất vui vẻ tươi sáng. Hình ảnh các vị Bồ-tát như Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Văn Thù, Bồ-tát Phổ Hiền các ngài đều có buồn. Nghi dung các ngài rất trang nghiêm thanh tịnh ai nhìn vào cũng muốn phát tâm tu theo. Do đó, chúng ta tu Phật phải biết được giá trị của Phật pháp, dạy con người khéo sống trở về ý nghĩa chân thật, đừng tìm kiếm xa xôi.

Tổ Lâm Tế khai thị cho học nhân như sau: "Người học hiện nay chẳng nhận được, là bệnh ở chỗ nào? Bệnh ở chỗ chẳng tự tin. Nếu các ông tự tin chẳng kịp, liền lảng xăng theo tất cả cảnh chuyển, bị muôn cảnh khác chi phối chẳng được tự do. Còn nếu các ông hay thôi những niệm rong ruổi, thì liền cùng Phật Tổ không khác". Chúng ta cũng luôn đang đi tìm tâm phải không? Nếu là tâm mình thì sao lại đi tìm? Vậy ai đi tìm? Đó gọi là đem tâm đi tìm tâm. Như Diễn-nhã-đạt-đa ôm đầu mà chạy la lên tôi mất đầu rồi, giống như người điên. Vậy thì chúng ta có làm chuyện này không? Nếu không điên thì khỏi đi tìm. Nhiều khi chúng ta thấy người khác làm giống như chuyện điên, nhưng kiểm lại không ngờ mình cũng điên theo. Tâm chúng ta do mê lâu đời quá nên quên, bây giờ lại đem tâm đi tìm tâm. Đến khi tỉnh trở lại, mới thấy chúng ta xưa nay đầy đủ hết, đâu có thiếu gì.

Ngài Lâm Tế nhắc thêm: "Các ông muốn biết được Phật Tổ chẳng, chỉ là người đang nghe pháp ở trước mặt ông đó. Người học tin chẳng kịp liền hướng ra ngoài chạy tìm kiếm, dù cho tìm kiếm được đều là tướng thù thắng của văn tự, trọn chẳng được ý Tổ sống". Ngài Lâm Tế nhắc chúng ta muốn biết được lẽ

thật cùng Phật Tổ không khác, thì chính là "người đang nghe pháp ở trước mặt" thôi. Chính đó là lẽ thật. Phật Tổ giác ngộ cũng giác ngộ ngay chỗ đó, không đâu khác. Do người học tin chẳng kịp, mới hướng ra ngoài chạy tìm kiếm, lo học Phật, học Bồ-tát, tìm thấy Phật, Bồ-tát v.v... nhưng học được những cái đó là Phật, Bồ-tát gì? Phật, Bồ-tát trong kinh điển, trong sách vở; học Phật trong kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa. Còn Phật, Bồ-tát sống là đang ngồi nghe đây. Chúng ta có giải nghĩa được Phật, Bồ-tát thế này thế kia cũng là tướng thù thắng của văn tự. Như Phật là giác, giác gồm có tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Bồ-tát là hữu tình giác, vừa giác cho mình rồi giác hữu tình, là giác cho người. Giải thích rất hay nhưng hỏi Phật, Bồ-tát ở đâu thì không biết.

Có lần Quốc sư Huệ Trung nói chuyện với một pháp sư thời Đường, là Cung Phụng Tử Lân.

Quốc sư hỏi:

- Phật nghĩa là gì?

Ông giải thích:

- Phật nghĩa là giác.

Ngài hỏi lại:

- Vậy Phật có từng mê hay không?

Ông đáp:

- Chẳng từng mê.

Quốc sư Huệ Trung gạn lại:

- Vậy thì dùng giác để làm gì?

Ông trả lời không được.

Như vậy, vị pháp sư chỉ hiểu trên văn tự, nên chưa thấy Phật. Đó là muốn nhắc cho những người học Phật, phải học sao cho thấu được ý nghĩa sống của Phật, chứ không phải chỉ học trên văn tự. Phật chẳng từng mê, vậy dùng giác để làm gì? Nếu người khéo thì cũng có câu trả lời: do chúng sinh mê nên dùng giác để giác ngộ cho chúng sinh. Chúng ta học Phật là học đến những cái gọi là Phật pháp sống, chứ không phải chỉ học trong văn tự, chữ nghĩa.

IV. TÓM KẾT

Thiền là sống ngay thực tại, trả về cho niệm hiện tiền sáng ngời đây thôi, chứ không gì khác. Nhiều người nghe nói thiền tưởng đâu xa xôi, nên nghe học thiền rồi sợ nắm bắt không tới. Nhưng hiểu kỹ rồi thiền đâu có xa, ngay chỗ chúng ta ngồi hiện thực nơi đây. Có lần Mã Tổ đi dạo ngoài vườn cùng với ngài Hoài Hải, thấy bầy vịt trời bay ngang qua, Mã Tổ liền hỏi:

- Đó là cái gì?

Hoài Hải thưa:

- Bầy vịt trời.

Mã Tổ hỏi:

- Bay đi đâu?

Hoài Hải đáp:

- Bay qua mắt rồi.

Mã Tổ liền nắm lỗ mũi Hoài Hải nhéo mạnh một cái. Hoài Hải đau quá la lên. Mã Tổ bảo:

- Sao không nói bay qua đi!

Ngay đó Hoài Hải liền tỉnh ngộ.

Thông thường chúng ta thấy bầy vịt trời, chỉ nhớ bầy vịt trời, cho nên nó bay qua mình cũng nhớ nó bay qua. Vậy thì còn cái gì "đang biết", "đang thấy" hiện hữu đây? Nên Mã Tổ liền nhéo lỗ mũi ngài Hoài Hải một cái. Đau quá, Hoài Hải la lên. Mã Tổ nói: "Sao không nói bay qua đi!". Bầy vịt trời bay qua, nhưng cái gì đang biết đau, la lên đây, nó đâu có bay? Ngay đó Hoài Hải liền tỉnh ngộ. Chính đó là cái đang hiện hữu nơi mình, nó đâu có bay đi.

Cũng như chúng ta ngồi nghe pháp đây, cái gì đang nghe? Chúng ta chăm chú nghe thầy giảng, rồi chỉ nhớ theo tiếng thầy mà quên mất chính mình lúc nào không hay. Cho nên học thiền là phải học trở lại, chứ không phải cứ lo nghe tiếng này tiếng kia rồi quên mất chính mình. Đây là phải khéo sống trở về với thực tại luôn hiện hữu. Nhưng do con người có thói quen tưởng tượng, suy lường nhiều quá thành ra thấy thiền xa lạ. Chính Hòa thượng Tôn sư cũng nói: "Thiền tông thực tế đến không ngờ", tức là sát với chúng ta đến không ngờ. Chúng ta đang ngồi có mặt đây, vậy còn phải tìm gì nữa? Lẽ thực là vậy, nhưng

vì "quá thực" thành ra chúng ta cho đó là lạ. Bây giờ hiểu rõ được lẽ thực, luôn soi trở về chính mình để sống với lẽ thực đó thì không còn bị lầm nữa.

Đây xin kết thúc bằng câu chuyện thiên: Thiên sư Vô Trụ phó chúc cho người đệ tử tên Vô Hữu một công án thiên như sau:

Ngày xưa có một người đang đứng ở trên một ngọn đồi cao. Ở dưới có ba người du khách đi ngang qua đường nhìn lên thấy người kia đang đứng ở trên đồi. Ba người đi ở dưới mới bàn với nhau.

Một người nói:

- Chắc là anh ta đang mất vật gì thân yêu, cho nên anh đứng đó kiếm.

Một người khác nói:

- Theo tôi, chắc là anh ta đang đợi một người bạn thân nào đó.

Người nọ nói:

- Tôi trông thấy dáng vẻ của anh ta giống như đang đứng thưởng thức không khí mát mẻ trên cao.

Ba người tranh luận hoài không ra lẽ, mới đi lên trên đỉnh đồi gặp ngay anh đó hỏi.

Người thứ nhất hỏi:

- Này anh bạn, có phải anh đang mất một vật gì quý hay không?

Người kia đáp:

- Không, tôi không có mất gì hết.

Người thứ hai hỏi:

- Vậy là anh đang chờ người bạn thân nào đó phải không?

Anh ta nói:

- Không, tôi cũng không có chờ ai hết.

Người thứ ba hỏi:

- Vậy thì anh đang đứng đây hóng mát chớ gì?

Anh ta nói:

- Cũng không phải luôn.

Ba người mới cùng gạn hỏi:

- Vậy thì tại sao anh bạn đứng đây, mà chúng tôi hỏi cái gì anh cũng nói không phải hết?

Anh kia nói:

- Tôi đứng đây chỉ là đứng đây thôi!

Rất là đơn giản, đứng đây chỉ đứng đây thôi. Những người kia là đại diện cho chúng ta đang ngồi đây. Bởi vì trong đầu của chúng ta luôn luôn có vấn đề, cho nên nghĩ người ta đứng đó cũng phải có vấn đề, gọi là suy bụng ta ra bụng người. Như vậy là sống mà quên mất thực tại, lẽ thật người đứng đó là đứng đó thôi, nhưng theo thói quen chúng ta nghĩ đứng đó là phải có vấn đề gì, nên bàn theo những vấn đề do ta suy diễn. Đây là một công án thiền, để nhắc nhở đánh thức cho tất cả người học thiền thấy rõ trong tư tưởng của mình nó quen suy nghĩ, quen có vấn đề, sống mất mình là chỗ đó.

Bây giờ, chúng ta tập sống trở về thực tại, "ngay đây và bây giờ" đây. Cửa giác ngộ đang mở sẵn cho mình. Chúng ta nghe nói giác ngộ tưởng đâu xa xôi, nghĩ đó là chuyện dành cho Phật, còn mình chắc không có phần. Nhưng Phật ra đời để giác cho chúng sinh, kinh Pháp Hoa Phật nói: "Bản hoài của Phật ra đời, là để khai thị cho tất cả chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật". Bản hoài của chư Phật ra đời là để đánh thức cho chúng sinh chân lý giác ngộ có sẵn nơi mình. Ngay nơi tâm là Phật, Phật cũng từ tâm mà Ngài giác ngộ, chúng ta cũng từ tâm mình mà mình giác ngộ. Giác ngộ ở nơi tâm chứ không phải ở chỗ khác. Cho nên, không phải tìm giác ngộ ở trong bộ kinh này, bộ kinh kia. Nhiều người cứ tìm giác ngộ ở trong kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết Bàn v.v... mà quên mất giác ngộ thực là ở ngay nơi tâm mình. Chính đó mới là lẽ thực, là sức sống chân thật có sẵn nơi mỗi người.

Vậy trong đây có ai không có tâm? Ai cũng có tâm tức là có giác. Phật Tổ thấy được lẽ thật đó, nên thương xót chúng sinh tìm mọi cách để nhắc nhở, đánh thức cho tất cả đồng giác ngộ, sáng lên lẽ thật của chính mình. Ngài Lâm Tế nói: "Người học hiện nay sở dĩ không nhận được, là bệnh ở chỗ thiếu tự tin". Đó là đem lại một sức mạnh cho chúng sinh, mỗi người đều có tâm, đều có chân lý giác ngộ sẵn nơi mình. Gốc của chúng ta là giác ngộ chứ không phải là chúng sinh. Chúng sinh là tên gọi tạm lúc còn mê, khi giác rồi chúng ta là Phật. Chúng ta có đủ niềm tin để vươn lên, không nên mặc cảm mình là chúng sinh nghiệp nặng, khó mong giác ngộ. Phật đã chỉ rõ tất cả đều có Phật tánh, đều có tánh

giác. Trong kinh Kim Cang, Phật nhấn mạnh: "Chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh". Phật không nói chúng sinh cố định là chúng sinh, mà ngài nói chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh, đó tạm gọi là chúng sinh thôi.

Như vậy, Mình là Phật tánh sáng suốt, nên phải vươn lên, tiến lên. Học thiền là sống trở về với thực tại đang sáng ngời, trở về với cái "ngay đây, bây giờ". Có những triết lý của thế gian bàn cãi về thực tại thế này thực tại thế kia, nhưng còn bàn cãi về thực tại thì chưa thấy thực tại. Nếu đã thấy rồi thì không còn gì để bàn nữa. Còn bàn cãi là còn suy tưởng nên xa rời thực tại. Thí dụ có hai người đang nói về anh A, người nói là anh A đó cao lớn, trắng trẻo. Người nói anh A đó cũng hơi lùn lùn, da ngăm ngăm. Rồi cãi nhau hoài không ra lẽ, là vì lúc đó anh A không có mặt ở đó. Nếu thực sự anh A có mặt, chỉ cần chỉ ngay anh bảo: "Đây này!" là xong, không cần cãi. Cũng vậy, người đã thấy rõ thực tại ngay đây thì không phải cãi, còn cãi nhau về thực tại là chưa thấy thực tại. Vì vậy người học thiền cứ lo cãi nhau về thiền thì cũng chưa thấy thiền.

Thực tế, "thiền là ngay đây, bây giờ". Mong tất cả nhận được lẽ thật này, thật sống với thiền sống, chứ không phải sống với thiền chết, để quên mất thực tại sáng ngời ngay đây!

---o0o---

10. CÁI BIẾT SÁNG NGỜI MUÔN THUỞ

Hôm nay, ngày cuối của khóa tu, quý thầy sẽ nói một đề tài đặc biệt là "**Cái Biết Sáng Ngời Muôn Thuở**". Đây như là phôi bày trọn vẹn lẽ thật không còn gì phải dấu diếm. Cho nên, tất cả quý Phật tử trong đạo tràng lắng nghe kỹ, nhận rõ và nắm vững được điểm tinh yếu này thì trên đường tu không còn gì nghi ngờ nữa.

Chính đây là một chân lý hiện thực nơi tất cả nhưng mọi người lại thường bỏ quên. Quý thầy sẽ trình bày 4 điểm: Thứ nhất: Ai Cũng Có Cái Biết. Thứ hai: Dem Biết Đi Tìm Biết. Thứ ba: Thiền Sư Đánh Thức Người Trở Lại. Thứ tư: Thiền Trong Cuộc Sống.

---o0o---

I. THỨ NHẤT: LÀ AI CŨNG CÓ BIẾT

Hiện tại mỗi người đang ngồi đây có ai không có biết không? Vậy thì ai cũng chấp nhận mình có biết hết phải không? Bởi vì ai cũng có tâm thì đều có biết. Nhưng tại sao ai cũng lo đi tìm cái biết, học cũng là một cách đi tìm để

biết. Chấp nhận mình có cái biết nhưng lại luôn đi tìm cái biết, tức là luôn thấy mình thiếu cái biết, đúng không? Vì thiếu mới đi tìm. Lẽ thực này ít ai để ý.

Bởi vì tất cả con người sanh ra ở đời dù là người trí, người ngu hay là lớn bé gì không ai thiếu cái biết hết. Nếu thiếu thì chắc là gỗ đá rồi. Cái biết nó luôn theo sát người ta từ lúc mới ra đời cho đến khi nhắm mắt nhưng ít ai sáng tỏ để nhận rõ được lẽ thật này.

Ngay khi mới ra đời thì cái biết đã có mặt ngay là biết khóc. Nếu là cây, đá thì đâu biết khóc? Rồi khi lớn lên một chút, chưa đi, chưa nói gì được nhưng mà cũng biết bò, biết bú, rồi cũng như biết cười... Lớn lên biết suy nghĩ, biết yêu, biết ghét, biết buồn, vui, giận..., thì nó lại sanh nhiều phức tạp hơn. Cho đến cuối cuộc đời, khi sắp tắt thở, cũng còn biết sợ chết. Nghĩa là nó theo sát mình từ lúc mới chào đời cho đến khi tắt thở, không lúc nào thiếu vắng hết. Đến những lúc mình tưởng như thiếu vắng nhưng nó cũng không thiếu vắng. Chẳng hạn như khi ngủ, có thiếu vắng không? Khi ngủ cũng có chiêm bao, nên cũng không thiếu, mà dù cho không chiêm bao nằm im lìm đó cũng không thiếu nữa, nó vẫn hiện hữu và tiềm ẩn trong đó. Cho nên, khi ngủ mà có ai đó chọt đánh thức thì biết tỉnh liền. Rõ ràng nó vẫn luôn hiện hữu.

Thử hỏi có ai dù chỉ một lần nhớ lại cái biết hiện hữu ngay nơi chính mình không? Chỉ cần nhớ lại thôi, có không? Để thấy rằng lẽ thật luôn hiện hữu với mình nhưng ít ai nhớ, chỉ lo nhớ những chuyện khác. Tức là nhớ những chuyện buồn, vui, giận, ghét, hơn thua, còn những lẽ thật luôn hiện hữu thì không nhớ. Chỉ lo biết đâu đâu, biết đủ thứ chuyện trên đời, biết cả chuyện trên sao Mộc, sao Hỏa, biết cả những việc dưới lòng đất, nhưng còn cái mà mình đang biết đây thì sao?

Vậy là sống có thực tế không? Nếu không có Phật ra đời nhắc nhở thì chúng ta thấy cuộc sống của ta thiếu thực tế, lo biết những chuyện gì xa xôi, còn chuyện ngay chính mình không biết. Người sống ở thế gian, lo biết nhà người này có bàn ghế ..., nhà người kia có tủ sắt ..., biết hết, còn chuyện nhà mình thì không biết, vậy thì thiếu thực tế, đó là điều mà tự mình phụ phàng chính mình.

Hiện tại ngay thực tế những người đang ngồi đây thì biết rõ ràng là đang ngồi đây nghe pháp không? Thật sự có mấy người biết là mình đang biết, được mấy người như vậy?

Đây là một vấn đề lớn trong cuộc sống nào phải tầm thường nhưng ít ai nghĩ tới. Cho nên, thiền là soi sáng lại chỗ này, giúp con người thức tỉnh được lẽ thật muôn đời không đổi thay, đó là điểm thứ nhất.

II. THỨ HAI: LÀ ĐEM CÁI BIẾT ĐI TÌM BIẾT

Tất cả mọi người đều có cái biết, nói rộng ra là tất cả chúng sanh đều có cái biết. Như con trùng, nó có biết không? Nó cũng biết bò, biết đi, không biết thì làm sao biết bò? Như những con kiến nó cũng biết có đàn, nhưng vì nó bị cái mê quá sâu che nên không biểu lộ rõ ràng như con người. Ngay như những con muỗi, con **lăng quăng**, nó cũng có biết. Con **lăng quăng** cũng có biết cử động.

Cái biết ở con người biểu lộ rõ rệt, rộng rãi hơn. Nhưng tiếc là không mấy người sáng được, vì thường bị vô minh che nên luôn thấy mình thiếu biết. Vì thiếu hiểu nên người ta luôn đi tìm cái biết, vì người sợ mình không biết.

Có nhiều người tu thiền lâu, những cái biết lăng xăng, lộn xộn tạm yên một chút, khi không vọng tưởng thì lại sợ mất cái biết rồi sẽ không còn biết nên liền lăng xăng đi tìm cái biết. Như vậy lỗi tại chỗ nào? Lỗi tại chỗ theo duyên chứ không gì khác. Tức là luôn đuổi theo duyên, ý lại vào đối tượng mà quên mất chủ thể, nương tựa vào cái khác nên quên mất cái gốc của chính nó. Điềm này Phật đã nhắc rất rõ trong kinh Lăng Nghiêm: “*Căn bản Bồ-đề Niết-bàn của các ông từ vô thủy đến nay, tức là cái thức tinh nguyên minh, nó hay sanh ra các duyên mà bị các duyên bỏ sót. Do các chúng sanh bỏ sót cái bản minh sáng suốt sẵn có này, nên suốt ngày tu hành mà không thành được chánh đạo*”. Tức là cái thức sáng suốt nguyên vẹn. Nguyên là sẵn, tinh là sáng suốt. Vốn nguyên vẹn sáng suốt từ xưa đến nay, không bị lẫn lộn. Cái lỗi của người ta là ở chỗ đó.

Nói đơn giản hơn tức là từ nguyên thủy mọi người đều có cái biết nguyên vẹn, sáng ngời. Cái biết nguyên vẹn đó hay sanh ra các duyên, rồi bị các duyên bỏ sót nó. Vì chúng sanh bỏ sót cái biết nguyên vẹn này, nên dù có suốt ngày tu hành cũng không thành đạo được.

Vì sao cái biết đã nguyên vẹn sáng ngời lại còn sanh ra các duyên chi vậy? Nó luôn biết cái này, biết cái kia cái nọ, biết đủ thứ nên gọi đó là sanh các duyên. Ví dụ: Nó thấy bình hoa này, biết là bình hoa, rồi nó sanh ra các duyên về bình hoa đó. Và khi ấy nó chỉ nhớ có cái bình hoa mà nó quên mất chính nó. Mỗi người khi thấy bình hoa chỉ nhớ bình hoa mà quên mất chính nó. Chính chỗ đó gọi là lầm, là mê, vì nó đồng hóa nó với bình hoa. Rồi khi không có bình hoa, thì sao? Thì nó lo tìm cái khác như cái đèn, cái bàn... để nó biết. Nó luôn tìm cái duyên bên ngoài để nó biết. Tức là khi không có cái này thì nó tìm cái khác để đồng hóa nó, nên mất nó, và khi mất các duyên thì cho là đã mất nó vậy.

Chính chỗ đó Phật dạy: “*Chúng sanh quên mình theo vật*”. Cho nên, trong kinh Lăng Nghiêm, Phật quở ngài A Nan cũng là chỗ đó. Đức Phật giơ cánh tay của Ngài lên hỏi ngài A Nan thấy không? Ngài A Nan nói thấy. Phật để tay

xuống hỏi tiếp thấy không? Ngài A Nan nói không thấy. Tại sao nói không thấy?

Bởi vì khi có cái tay, thì biết có cái tay giơ lên nên nhớ cái tay, rồi đồng hóa nó với cái tay này, giống như là cái tay thấy chứ không phải con mắt thấy. Nên khi cái tay để xuống liền nói không thấy. Mà không thấy tức là không biết, đó là đã bỏ mất chính nó.

Cũng như khi nghe tiếng, Phật bảo ngài A Nan đánh tiếng chuông, hỏi ông có nghe không? Ngài A Nan đáp nghe. Rồi khi tiếng chuông dứt lặng, Phật hỏi nghe không? Ngài bảo không nghe. Đúng là khi có tiếng chuông chúng ta nghe tiếng chuông, còn không có tiếng chuông thì nói là không nghe gì hết. Nên Phật quở thêm lần nữa. Rõ ràng chúng ta đã đồng hóa cái biết nghe đó với tiếng chuông, cũng như cái nghe đó là tiếng chuông. Tiếng chuông nghe chứ không phải mình nghe nên khi tiếng chuông dứt thì nói không nghe. Đúng ra nếu khi tiếng chuông dứt Phật hỏi ngài A Nan có nghe không, nếu biết trả lời không nghe thì đâu phải là Ngài không có nghe, phải không? Không nghe là không nghe tiếng chuông, chứ không phải không nghe gì hết. Cho nên đó chính là chỗ mê lầm của chúng sanh.

Vì ai cũng tưởng là nhờ có cảnh hoa hay có tiếng chuông mới có biết, còn mất cảnh hoa hay mất tiếng chuông thì mình không biết. Thành ra cảnh hoa biết, tiếng chuông biết chứ mình không biết. Lầm là ở chỗ đó. Rồi biết lạnh, biết nóng cũng vậy. Bình thường người ta cũng biết lạnh, biết nóng, rồi chỉ nhớ đến lạnh nóng, cho rằng khi có nóng, có lạnh mới có biết, còn hết lạnh, hết nóng thì mình dường như không biết, hoặc là thiếu cái biết.

Cho đến học kinh cũng vậy. Khi đọc câu kinh là chỉ nhớ câu kinh, biết có câu kinh đó thôi, còn chính nó đang biết đó thì lại quên mất. Thành ra đây gọi là cái biết không nguyên vẹn, nó không là nó nữa mà nó lẫn với duyên trần.

Trần là cảnh hoa, tiếng chuông, câu kinh, câu kệ... Căn ở trong này, còn trần là ở ngoài. Đó là nó lẫn với trần, bị duyên trần che mờ. Cho nên, đức Phật dùng từ rất hay, rất chính xác. Phật gọi bên trong thân là: căn mắt, tai, mũi, lưỡi..., ngoài là các duyên trần. Khi ấy, nó chỉ nhớ cái trần của nó mà quên mất chính nó nên bị trần che khuất. Mà trần là gì? Là bụi. Bị bụi che như gương soi bị bụi che. Chính vì vậy nên người ta thấy mình thiếu cái biết, rồi luôn đi tìm cái biết để hiểu biết.

Thiền sư Huyền Sa dạy chúng rằng: *“Những bậc lão túc ở các nơi nói là “tiếp vật lợi sanh”, nếu như vậy khi gặp người có 3 thứ bệnh: Người mù, người điếc, người câm thì làm sao mà tiếp? Mà nếu tiếp không được người này thì Phật pháp không có linh nghiệm”*. Ý nói, khi hoằng pháp độ người mà gặp

người có các bệnh như: Bệnh mù, bệnh điếc và người bệnh câm đếc, phải làm sao mà tiếp họ đây?

Như vậy, khi giáo hóa mà gặp người bệnh mù, giơ tay lên họ không thấy thì làm sao tiếp họ đây? Người không nghe được thì làm sao tiếp? Dạy họ biểu họ nói, họ nói không được thì làm sao mà tiếp độ?

Có vị tăng nghe vậy không hiểu mới đem việc này đến hỏi thiền sư Vân Môn. Ngài Vân môn khéo léo bảo: “Thôi ông hãy lễ bái đi!” Lễ bái xong, tăng đứng dậy, Ngài mới lấy cây gậy đưa ra trước. Ông tăng thấy vậy liền thụt lui lại. Ngài Vân Môn bảo: “Vậy thì ông không phải bệnh mù”. Đưa gậy chặn ở trước mà ông thấy rồi lui thì không phải bệnh mù.

Rồi Ngài bảo: “*Thôi ông lại gần đây!*” Tăng đi lại gần. Ngài nói: “*Vậy ông cũng không phải bị bệnh điếc*”. Kêu lại gần thì ông nghe và làm theo, cũng không phải bệnh điếc.

Ngài dựng cây gậy lên hỏi ông hội chăng? Ông tăng nói không hiểu. Ngài nói: “*Vậy thì ông cũng không phải bệnh câm luôn*”. Ngay đó, ông tăng liền tỉnh ngộ. Vậy quý vị tỉnh ngộ được điều gì chưa?

Tức là người mê có mắt cũng như mù, có tai như điếc, có miệng như câm. Tại mê nên không tỏ sáng được. Sự thật thì mỗi người có cái biết luôn hiện hữu sáng ngời, lại tưởng là mù, câm..., nhưng thật ra đâu có thiếu vì nó vốn luôn đầy đủ. Nên khi giơ gậy phía trước ông thấy liền tránh; bảo ông đến thì ông nghe và đi đến gần; hỏi ông hiểu chăng ông thưa không hiểu, vậy ông biết nói rồi. Vậy là nó luôn hiện hữu không thiếu, như vậy ông còn đi tìm cái gì nữa.

Cho nên, Thiền sư đánh thức ông tăng nhớ trở lại là mình có cái biết luôn hiện hữu mà lại đi tìm. Và chúng ta ở đây cũng giống như vậy. Trong đây, mọi người đi học đạo là đi tìm để biết được nó chứ gì? Rõ ràng cũng giống như ông tăng đó. Thiền sư lại không giải thích theo kiểu giảng sư, cũng không giải thích theo kiểu học giả mà đi thẳng vào vấn đề, trực tiếp thẳng vào chân lý, không giải thích dài dòng. Nếu giải thích dài dòng thì không hướng người học thấy rõ chân lý.

Có vị tăng hỏi ngài Qui Sơn Linh Hựu: “*Thế nào là đạo?*” Ngài đáp: “*Không tâm là đạo*”. Vị tăng thưa: “*Con chẳng lãnh hội*”. Ngài Qui Sơn nói: “*Ông hội lấy cái chẳng hội đó là tốt*”. Hỏi thế nào là đạo, đáp không tâm là đạo. Rồi lại nói ông hiểu được cái không hiểu đó là tốt.

Ông tăng thưa thêm: “*Thế nào là cái chẳng hiểu ?*” Ngài bảo: “*Chính là ông chứ không riêng người nào khác*”. Tăng hỏi cái gì mà biết chẳng hiểu, Ngài

mới bảo chính là ông chứ không riêng người nào khác. Vì cái đó đâu có ai có thể hiểu thế cho mình?

Sau đó Thiên sư mới nói thêm: *“Người thời nay chỉ rõ ngay đó mà chẳng nhận cái chẳng hiểu đó, chính đó là tâm ông. Chính đó là Phật của ông. Nếu lại nhằm ra ngoài, được chút ít hiểu biết cho là thiên, là đạo, thì không dính dáng gì hết, gọi là đem Phật vào, chẳng phải đem Phật ra, chỉ làm như bán thiện tâm của ông thôi, do đó cho nên nói chẳng phải là đạo”*.

Ngài mới nói là ngay cái mà ông chẳng hiểu đó, nếu nhận ra là xong. Đạo là ngay chỗ đó. Còn mãi lo tìm đạo này, đạo khác để hiểu đó thì không phải là đạo chân thật.

Chúng ta luôn tìm cái đạo được giải thích như: Đạo là chân lý, mà chân lý là lẽ thật. Giải thích thế này, thế kia cuối cùng cũng không thấy cái đạo nào hết, chỉ hiểu nghĩa thôi. Còn ở đây, Ngài chỉ thẳng chính ngay cái tâm ông không hiểu đó, nếu nhận được cái lẽ thật đó, thì chính đó là đạo chân thật, là đạo sống. Còn cái đạo chữ nghĩa, đạo văn tự mà giải thích thế này thế kia đó là đạo chết, không phải là đạo sống. Cái đạo sống đó ngay chính ông. Khi ông nói là ông chẳng hiểu, chẳng hiểu là cái gì biết chẳng hiểu? Thì ngay đó, đâu có thiếu gì nhưng mà tại ông còn mê. Cho nên, chỉ cần ngay đó nhận ra cái tâm chẳng hiểu đó là xong, đâu cần tìm đâu khác.

Ông nói chẳng hiểu, vậy đâu phải ông không biết, không hiểu. Nếu ngay đó nhận ra lẽ thật của chính ông, thì đó là đạo. Đạo là như thế đó chứ không phải là giải thích thế này, thế kia. Nhưng người ta thích đi tìm cái đạo giải thích nhiều hơn. Nên gọi đó là đuổi theo chữ nghĩa, văn tự. Chúng ta thấy rõ ràng là nếu đuổi theo mấy cái đó thì dù có hiểu nhiều đến đâu đi nữa thì cũng chỉ là hiểu về đạo thôi, chứ chưa trực tiếp giáp mặt với đạo. Chỉ là khái niệm về đạo, là gián tiếp chứ chưa phải trực tiếp.

Còn ở đây, Thiên sư chỉ thẳng trực tiếp, chỉ cho thấy đạo là chính ngay đây, chứ không giải thích dài dòng về đạo. Ví dụ như là mình nói về người nào đó, người đó không có mặt ở đây mình diễn tả thế này, thế nọ, thế kia..., là chúng ta nói về người đó chứ không có mặt người đó. Đây cũng vậy, mình nói về đạo thế này thế kia là hiểu về đạo, khái niệm về đạo thôi, chứ chưa trực tiếp giáp mặt với đạo chân thật.

Ở đây, Thiên sư giúp chúng ta giáp mặt với đạo chân thật ngay đó mà không giải thích chữ nghĩa dài dòng. Các Ngài không nói nhiều nhưng người ta thấy rất là chính xác, song lại khó hiểu. Đó là vì chúng ta muốn hiểu, hiểu theo chữ nghĩa cho nên thấy khó hiểu, đâu biết chính ngay cái khó hiểu đó mới chính là cái thực, đặc biệt vậy đó.

III. THỨ BA: THIỀN SƯ ĐÁNH THỨC NGƯỜI TRỞ LẠI

Cho nên, điều thứ ba các Thiền sư muốn đánh thức mọi người sống trở lại với nó. Mỗi người có sẵn lẽ thật nhưng vì mê nên cứ luôn lầm qua trước mắt. Nó ở trước mắt đó mà luôn bỏ qua, nên các Thiền sư thấy vậy mới thương xót. Thương cho tất cả mọi người ai cũng có đủ lẽ thật, có cái biết sáng ngời luôn hiện hữu có mặt ngay nơi mỗi người, nơi chính mình chứ không nằm ở đâu khác. Không có cái gì trên đời có thể làm tiêu mất được nó, nhưng mọi người lại thường bỏ quên, thật là đáng thương.

Vì thế, các Ngài mới đánh thức giúp chúng ta nhớ trở lại và chỉ nhớ trở lại cái đã quên mà không cho thêm cái gì khác. Tuy chúng ta thấy hơi khó hiểu nhưng nếu nhớ trở lại thì đó rất là thực tế, rất là sáng tỏ.

Ví dụ như thiền sư Trường Viễn ở Hương Lâm, lúc còn làm thị giả cho Thiền sư Vân Môn, mỗi khi có người hỏi đạo ngài Vân Môn Ngài thường gọi “*Thị giả Viễn*”. Thị giả liền ông liền dạ. Ngài hỏi: “*Thấy là cái gì?*” Và thường như vậy.

Ngài hỏi thị giả thấy là cái gì? Vậy mà đến 18 năm như vậy Thầy Thị giả mới ngộ. Cứ mỗi khi gọi Thị giả Viễn! Liền dạ. Ngài Vân Môn hỏi đó là cái gì? Cứ mỗi ngày đều đều vậy mà không sáng tỏ gì hết, phải đến mà 18 năm như vậy Ngài mới ngộ ra.

Gọi Thị giả thì Thị giả dạ, ngay đó là trực tiếp có mặt hiện hữu rồi. Vậy mà 18 năm mới ngộ. Thử hỏi mỗi ngày mỗi ngày đều như vậy trong 18 năm, lúc đó Ngài ở đâu mà không ngộ? Trong khi nó luôn hiện hữu nơi mình.

Rốt cuộc qua 18 năm mới ngộ, mới nhận ra đó là mình, mới biết bấy lâu nay làm nhọc Thầy nhiều quá. Nếu như ngay cái gọi ban đầu mà ngộ ra thì đâu phải nhọc 18 năm như vậy. Nên mới nói cái lẽ thực luôn gần gũi.

Cũng như Mã Tổ và ngài Hoài Hải. Hai vị đi dạo thấy bầy vịt trời bay qua. Mã Tổ hỏi: “*Đó là cái gì?*” Ngài Hoài Hải đáp: “*Là bầy vịt trời*”. Khi chúng bay qua Mã Tổ hỏi: “*Nó bay đi đâu?*” Ngài thưa: “*Nó bay qua mắt*”. Mã Tổ mới nắm mũi Ngài néo một cái thật mạnh. Đau quá, Ngài la. Mã Tổ hỏi: “*Sao không nói nó bay qua mắt đi!*” Ngay đó ngài Hoài Hải liền tỉnh ngộ.

Hôm sau Mã Tổ lên tòa thuyết pháp, vừa mới lên tòa, đại chúng vừa nhóm họp xong, ngài Hoài Hải bước ra cuốn chiếu. Ngày xưa, người ta thường trải chiếu ngồi nghe pháp trong hội, mà lúc ấy Mã Tổ mới ra chưa nói gì mà Ngài cuốn chiếu, còn Mã Tổ thấy vậy mới xuống tòa về phương trượng. Ngài Hoài

Hải đi theo, Mã Tổ: “*Tôi chưa nói câu nào sao ông cuốn chiếu vậy?*” Ngài Hoài Hải thưa: “*Hôm qua con bị Hòa thượng nhéo chóp mũi đau*”. Mã Tổ hỏi: “*Hôm qua ông để tâm ông ở chỗ nào?*” Ngài thưa: “*Chóp mũi hôm nay chẳng đau*”. Mã Tổ nói: “*Ông hiểu sâu chuyện hôm qua*”.

Đó là Mã Tổ đã đánh thức lẽ thật ngay chính Thị giả. Khi Ngài thấy bầy vịt trời bay qua, chỉ nhớ bầy vịt trời bay qua còn quên mất cái đang biết của chính mình. Cái biết đang hiện hữu thì lại quên, chỉ nhớ có bầy vịt trời, nên khi nó bay qua liền nhớ nó bay qua mất rồi, nên Mã Tổ mới nhéo lỗ mũi một cái thật đau, khi đau la rồi, Tổ hỏi sao ông không nói bay qua đi? Còn cái biết đau này đâu có bay đi đâu? Ngay đó ông tỉnh ngộ.

Hôm sau, Mã Tổ muốn gạn xem chỗ tỉnh ngộ của ông có sát thực không, nên mới hỏi hôm qua ông để tâm ông ở chỗ nào? Nếu nói để tâm ở lỗ mũi chắc là bị quở tiếp rồi, nên ngài Hoài Hải mới đáp là hôm nay mũi không có đau. Tức là sao? Là cái đau này không ở cái lỗ mũi, mũi này chỉ có cảm giác một chút vậy thôi, còn cái đau luôn hiện hữu nơi mình chứ không phải ở lỗ mũi. Nếu chỉ nhớ cái lỗ mũi này là quên mất chính mình rồi, cho nên đáp hôm qua đau hôm nay đâu có đau. Không đau nhưng mà nó có không?

Như vậy, cái biết này luôn hiện hữu nơi mỗi người không hề thiếu vắng lúc nào hết, rõ ràng cái thấy của ngài Hoài Hải không phải ở ngay cái lỗ mũi, mà cái biết này nó luôn hiện hữu nơi mình. Hôm qua nó ở lỗ mũi nhưng hôm nay không ở lỗ mũi. Hôm nay có thể ở cái tay. Ở cái tay thì nó biết cái tay, không cố định ở đâu hết, nó luôn luôn có mặt, không bị sắc trần che mờ. Nhéo ngay lỗ mũi là bị sắc trần lỗ mũi che thôi! Nhưng chúng ta nhớ là bị trần che, còn cái biết luôn hiện hữu đó, nếu nhéo lỗ mũi thì đau ở mũi, nhéo ở cái tay thì nó đau ở tay. Như vậy thì cái biết này luôn sáng ngời, ngay khi đối đáp qua lại hiện tại đây, tức ngay khi đối đáp với ông thầy nó cũng hiện hữu ngay đó, không hề xa lạ.

Nhưng mọi người nghe nói lại thấy nó xa lạ. Bởi vì mọi người luôn nhớ cái bên ngoài quên mất cái hiện hữu. Cho nên đó là điểm mà các Thiền sư đánh thức học nhân nhớ trở lại thôi, chứ không gì khác. Nhớ trở lại cái đang hiện hữu nơi mình mà mình đã quên.

Cũng như câu chuyện Thiền sư Thần Tán kỳ lưng cho thầy Bồn sư. Đang kỳ lưng thì Sư lại vỗ vỗ cái lưng thầy nói: “*Điện Phật này đẹp mà Phật không Thánh*”. Điện Phật đó là cái gì? Tức là trong thân này có ông Phật sáng ngời mà không thánh tức là còn mê. Thầy Bồn sư nghe vậy mới xoay đầu ngó lại. Sư nói tiếp: “*Phật tuy chẳng Thánh nhưng cũng thường hay phóng quang*.” Tức là nghe nói biết xoay đầu ngó lại tức Phật phóng quang, do cái biết luôn hiện hữu nơi chính mình, ngay trong nhà tắm cũng có chứ đâu xa, đâu thiếu chỗ nào.

Tánh biết luôn hiện hữu nơi mỗi cử động như xoay đầu hay ngó lại ... của con người. Khi đó, là cái gì biết xoay đầu ngó lại? Cái đầu có biết gì đâu, khi tắt thở cái đầu vẫn y nguyên. Nhưng người ta chỉ biết có cái đầu thôi, xoay đầu ngó lại chỉ biết có cái đầu, còn cái gì ngằm ẩn bên trong lại quên, cái đó mới là ánh sáng hiện hữu đó. Nên ngài Thần Tán mới nói Phật phóng hào quang. Tức là cái tướng động của cái đầu có soi mới có động nhưng nó đâu có mất ánh sáng của tánh biết, nó vẫn luôn hiện hữu song mọi người thường bỏ quên.

Do đó, các thiền sư chỉ dạy rất đơn giản, rất thực tế ngay cuộc sống hiện tại, không nói cao xa, nhưng người ta vẫn thấy nó khó hiểu, là vì con người nhiều tưởng tượng, nhiều ảo tưởng.

Nghe nói thiền ai cũng nghĩ thiền là cái gì đó cao siêu, xa vời lắm, khó mà với tới và liền tưởng tượng quá nhiều. Đến khi nghe nói quá thực tế thì lại khó hiểu, khó tin. Có những điều chúng ta tưởng như là phi thường nhưng nó rất bình thường, rất gần gũi. Còn có cái ta tưởng nó rất bình thường nhưng lại rất phi thường, vì người ta bị các ảo tưởng che. Đó là lẽ thật mà các Thiền sư đã căn dặn, các Ngài muốn đánh thức, nhắc mọi người nhớ trở lại.

Chuyện vua Đường Trang Tông, có lần vua đi Hà Bắc trên đường về hành cung ở Ngụy Phủ. Gần đó có Thiền sư Tôn Tương đệ tử của ngài Lâm Tế. Vua Đường này có học hiểu thiền, nên cho mời Thiền sư Tôn Tương đến và nói: *“Trẫm thâm Trung Nguyên nhận được một hòn ngọc quý mà chưa có ai trả giá”*. Sư nói: *“Xin bệ hạ cho xem.”* Vua mới lấy hai tay vuốt từ đầu tới chân, đó là vua trình hòn ngọc. Thiền sư nói: *“Ngọc của đấng quân vương ai mà dám trả giá”*.

Ông vua này thực là hiểu đạo. Ngọc ở đây là tượng trưng trên danh từ nhưng thực tế vua muốn chỉ cái gì? Muốn chỉ lẽ thật ngay nơi mỗi người, ngay nơi vua. Lẽ thật đó cao quý nên mới ví như hòn ngọc. Trong Kinh thường nói mọi người có hòn ngọc quý mà bỏ quên, ngọc này không có ai có thể trả đúng mức giá được. Bởi vì ngọc thế gian có giá cả, có mắc rẻ, còn ngọc này không có giá cho nên không ai trả giá được hết. Mà ngọc này là của ông vua hiểu thiền, nên khi ông trình ngọc ông vuốt từ đầu tới chân, vuốt tới đâu biết tới đó, rõ ràng đâu có thiếu cái gì. Vuốt tới chỗ nào biết chỗ đó, thì đối với ngọc báu này vàng ngọc trên thế gian làm sao sánh kịp.

Như vậy, để thấy rằng một ông vua nhiều việc, khéo biết tu học lý thiền cũng vẫn sáng được, cũng hiểu được lẽ thật đó. Còn chúng ta thì sao? Nhiều vị nói là tôi nhiều việc lắm, bận việc này việc kia, thử hỏi quý vị có nhều việc bằng ông vua không? Nhiều lắm là việc của một hoặc hai ba gia đình là cao lắm, còn ông vua là việc của trăm nhà, việc cả nước mà vua còn tu và hiểu được những lẽ thật như thế, còn chúng ta tại sao lại không làm được. Để tất cả thấy và hiểu rõ

lẽ thật đó luôn hiện hữu nơi mọi người, ai cũng có, nếu khéo nhớ trở lại thì nơi mình đầy đủ.

Có một câu chuyện gần gũi hơn: Có một cô kỹ nữ Nhật Bản, là con của một võ sĩ theo phụ tá vị tướng quân. Do vị tướng quân này thất thế bị sa thải, nên rồi sự nghiệp gia sản của võ sĩ cha cô cũng bị tiêu hao suy sụp. Cô bị bán làm kỹ nữ. Nhưng cô kỹ nữ này lại thông minh, có tài nên rất nổi tiếng. Mỗi lần nghĩ đến hoàn cảnh bất hạnh của mình, cô luôn có sự buồn tủi nên tinh thần cũng bị ảnh hưởng. Khi ấy có một vị khách cũng có học thiền, thấy vậy mới hỏi nguyên do, cô thú thật. Khách nói có một cách chữa được bệnh của cô nhưng không biết cô có tin hay không? Cô này nghe liền năn nỉ, nếu thật như vậy thì làm sao tôi không tin.

Ông khách hướng dẫn cô tập thiền quán, dạy cô tập quán xét kỹ toàn thân của cô, không có gì là không có tri giác, tức là toàn thân cô do có tri giác nên mới hoạt động, không có chỗ nào thiếu hụt.

Do có biết, có tri giác nó mới hoạt động, vậy tri giác đó nó có một ông chủ. Khi làm bất cứ việc gì, ngay cả khi cô vội vã, bận rộn hết sức thì cô vẫn phải nhìn ông chủ bên trong đó. Tức là dù lúc vội vã hấp tấp đến đâu đi nữa cũng phải quán trở lại, nhớ ông chủ bên trong: Cái gì thấy, cái gì nghe? Cái gì đang thấy đây, cái gì đang nghe đây? Nếu cô quán chiếu một cách siêng năng không lơ lửng, không gián đoạn thì Phật tánh sẵn có của cô sẽ xuất hiện. Và khi đạt đến trạng thái này, cô sẽ thấy đó là một con đường tắt để giải thoát mọi cảnh giới đau khổ. Bởi vì khi sáng tỏ được điều đó sẽ là con đường giải thoát mọi đau khổ cho cô. Ngay trong cô có tri giác, có cái biết, chỗ nào cũng có cái biết hết nên cô phải quán ông chủ bên trong, đừng theo bên ngoài. Nếu luôn thực tập liên tục như vậy thì lúc nào đó Phật tánh của cô sẽ xuất hiện.

Cô ghi nhớ và về thực hiện chuyên cần, đến một lúc khi sự chú tâm miên mật, khít khao của cô lúc nào cũng hiện hữu. Một ngày, trời giông bão, sấm sét quá to, cô lại hay sợ sấm sét nên mới trùm mền núp. Lúc ấy, bất chợt cô nhớ lại bài tập này liền trấn tĩnh không sợ nữa, rồi ngồi bật dậy. Khi đó, ngoài trời vừa có một cơn sét đánh mạnh vào sân nhà cô, sức mạnh đó hất cô bật ngửa và làm cô ngộp thở bất tỉnh giây lát. Ngay lúc, cô lấy lại bình tĩnh trở lại được và bỗng nhiên cô nhận được cái tri giác đang sáng ngời đó. Niềm vui đến với cô không thể diễn tả được, từ đó cuộc đời cô chuyển hóa, cuộc sống thật sự có ánh sáng chân thật.

Đó cũng là đánh thức cái biết đang hiện hữu nơi chính mình, mỗi người xem toàn thân của mình có chỗ nào thiếu không? Nhưng vì chúng ta không nhớ. Nếu ngay đây thường xuyên khéo quán trở lại thì ánh sáng tự tánh luôn hiện hữu đó có lúc sẽ xuất hiện, chạm đến đâu nó cũng liền cảm nhận ngay, đâu thiếu! Vậy mà còn tìm chỗ nào nữa, rõ ràng là mê.

Đó là cái lẽ thật bình đẳng với tất cả không phân biệt già trẻ, sang hèn. Một cô kỹ nữ mà còn làm được việc đó, thì ở đây có ai không làm được không? Cho nên, đó là một lẽ thực rất sáng ngời, nếu người thấu được lẽ thật đó rồi, thấy rõ mọi người ai ai cũng đang sống, đang ở trong nước mà lại giơ tay tìm nước, đòi nước, hay như các thiền sư nói là đang cời trâu mà lại đi tìm trâu.

Điều thực tế bởi vì chúng ta luôn sống quên mình, có những chuyện bình thường thôi chưa nói đến chuyện đạo lý, như: Có khi tay cầm chìa khóa mà lại đi tìm chìa khóa. Chuyện thường thôi đó, sau mới nhớ lại là đang cầm trên tay. Đó là tại mê. Bởi vì tâm chúng ta luôn hướng ra bên ngoài nên cứ nhớ bên ngoài, khi tỉnh mới nhớ lại thì ra là như vậy.

Sơ Tổ Trúc Lâm tức vua Trần Nhân Tông, lúc lên Yên Tử tu rồi ngộ đạo. Ngài mới sáng lập ra phái Trúc Lâm Yên Tử, Ngài cũng làm một bài khai thị trong chúng, trong đó có một đoạn nói rằng: “Hằng ngày các ông ăn cháo, ăn cơm mà sao không rõ việc bát, việc muống”. Tức là nói thời giờ luống qua không đợi người, sự đòi vô thường, thân này mỏng manh. Hằng ngày mọi người ăn cháo, ăn cơm, cầm bát, cầm muống mà sao không rõ việc bát, việc muống. Đó là chỗ mê của người hiện tại. Quý vị kiểm lại coi, mọi ngày chúng ta ăn cơm, cầm đũa, cầm muống thì cái gì cầm bát, cầm muống ăn cơm mà lại không sáng tỏ, mà chỉ lo nhớ cơm, nhớ cháo, phải không?

Cầm cái bát thì nhớ cái bát, cầm đôi đũa nhớ đôi đũa còn cái gì biết cầm đũa muống đây lại không nhớ. Nhưng chính đây mới là hồn của cuộc sống. Nếu thiếu cái này thì coi như vô hồn, là sự chết chứ không phải cuộc sống nữa. Nó là cái hồn của cuộc sống nhưng đa số người lại không nhớ đến nó, mà nhớ bát, đũa, muống, nhớ cơm, nhớ cháo, rõ ràng chúng ta sống vô hồn. Rồi hằng ngày đi tới, đi lui cũng vậy, nhớ mình tới lui qua lại thôi, còn cái gì biết hiện hữu đó lại quên không nhớ. Cho nên đúng theo con mắt người hiểu đạo thấy con người sống cũng như chết, tức là thiếu cái hồn. Mà đúng như vậy.

Cũng như câu chuyện một người Tây Tạng qua bên Tây phương thấy người ta xây những ngôi mộ trong nghĩa địa cho những người chết rất sang trọng. Lúc đó, có một vị ngồi cạnh mới nói là: “Thầy thấy bên đây người ta xây ngôi mộ cho những cái xác chết rất đẹp, và sang trọng”. Thầy Tây Tạng mới nói: “Đúng vậy, ở đây người ta xây những cái nhà mồ cho những cái xác chết rất đẹp và rồi người ta cũng xây những ngôi nhà rất sang trọng cho những cái xác sống”. Tức là xây những ngôi mồ rất đẹp cho những cái xác chết và những ngôi nhà rất đẹp cho những cái xác sống.

Vậy ý thầy muốn nói cái gì? Kia là những cái xác chết, còn ở đây là những cái xác sống đang đi qua lại, tới lui mà thiếu cái hồn, thì cũng giống như cái xác biết cử động mà thiếu cái hồn.

Cho nên đó là cái để đánh thức, để nhắc nhở cho những người nào nhớ được cốt tủy của sự sống để mà sống có hồn, sống thực sống chứ không phải như những cái xác, như vậy mới đúng nghĩa sống. Mới thấy rằng ngay trong cuộc sống hàng ngày, trong các sinh hoạt, mỗi người luôn có cái biết hiện hữu sáng ngời nhưng lại bỏ quên. Cho nên Ngài mới gọi là sống thiếu hồn và nhắc nhở, đánh thức cho mọi người nhớ trở lại, thì chính mê giác là chỗ đó.

Giải thích theo chữ nghĩa là mê thế này thế kia, rồi giác thế này, giác thế kia...., tưởng đâu giác là một cái gì đó cao siêu, xa lạ khó với tới. Nhưng rồi không ngờ cái mê cái giác nó ở ngay cuộc sống mình, chút xíu đó thôi. Mê là mê chỗ đó, giác cũng giác chỗ đó. Giống như bàn tay lật qua lật lại, không có xa vời gì hết, nên khéo thì ngay đó nhận ra lẽ thật luôn hiện hữu.

Pháp sư Từ Lô có làm những bài tụng rất thiết tha để khuyên người tỉnh nhận lại lẽ thật luôn hiện hữu đó. Ngài nói:

Đốt hương, lễ bái, nương sức nào

Niệm Phật, xem kinh cũng là y.

Nếu thiết tha về, về thì được

Đừng cho trôi dạt chôn quê người.

Nói ngay khi dụng công đốt hương lễ bái là nương sức nào làm ra việc đó? Nếu mà người khéo niệm Phật, xem kinh thì cũng là y thôi chứ có ai xen vào trong đó. Nếu người biết thiết tha trở về nơi đó thì được ngay thôi đâu có xa, đừng sống trôi nổi chôn quê người.

Quý vị ngồi đây là đang ở quê nhà hay quê người? Nghĩa là thân ngồi đây mà đang sống ở quê người, gọi là sống tha hương. Chữ “quê người” có hai nghĩa: Vừa ở quê người khác, vừa mất cái gốc chân thật của mình. Ngài cũng nói thêm như : Chăm muông, chăm đũa, nương sức nào? Quét đất, nấu trà cũng là y. Nếu thiết tha về, về liền được. Đừng cho trôi dạt chôn quê người.

Nghĩa là chăm muông, chăm đũa, quét đất, nấu trà cũng là nó, ngay đó nếu nhớ sống trở về cũng như mình trở lại quê nhà, còn quên đó là sống quê người.

Lẽ thật đó rất là gần gũi, rất là xác thực. Cho nên nếu người khéo nhớ trở lại, ngay đây trở về với cái biết tất cả, biết đủ thứ hết, tuy nó biết tất cả nhưng mà nó không là tất cả. Phải khéo thấy như vậy, nó không là cái gì hết, trả nó về nguyên vẹn như nó là nó, thì đó là ta sống trở lại quê nhà. Nếu nó biết tất cả mà nó theo tất cả là nó sống lưu lạc nơi quê người, chỉ chút xíu vậy thôi!

Quý vị thấy mê giác có khó khăn gì không? Có cách biệt xa xôi gì không? Nhiều người nghe nói giác ngộ nhưng tự thân không nghĩ rằng mình sẽ giác ngộ, vì điều đó để cho Phật chứ mình không dám.

Còn ở đây thấy đúng lẽ thật rất gần gũi, thay vì cái biết này nó biết tất cả các thứ hết, biết đủ hết nhưng nó vẫn giữ nguyên vẹn nó là nó chứ nó không là tất cả, không là cái gì hết, thì ngay đó là xong, là giác. Còn nếu nó biết cái gì đó rồi nó chỉ theo cái đó thôi là mê, vậy thôi! Chỉ nhích qua nhích lại chút xíu đó thì mê giác ngay chỗ đó. Cho nên khéo là ngay đây thấy rõ được cái chân lý hiện hữu nơi mình.

---o0o---

IV. THỨ TƯ: THIỀN TRONG CUỘC SỐNG

Điểm thứ tư chỉ cho tất cả thấy rõ thiền ngay trong cuộc sống chứ không phải học thiền là ở đâu xa lạ. Không phải vào ngôi trong thiền đường mới là thiền mà thiền ngay trong cuộc sống, tức là luôn thực tập trong cuộc sống. Làm cái gì cũng nhận biết rõ việc đang làm. Đi mình nhận biết là đang đi, ngồi mình nhận biết đang ngồi, cũng như lái xe mình nhận biết là đang lái xe, cầm vô-lăng mình nhận biết rõ, cho đến bán hàng mình cũng nhận biết đang bán hàng, nhận rõ ràng; rồi trong cái buồn vui mình cũng nhận biết rõ hết. Thực tập luôn trong cuộc sống hàng ngày, đều nhận biết tất cả rõ ràng. Tức là luôn có ánh sáng tâm trong mọi chỗ, mọi hành động, lúc nào ánh sáng tâm cũng phóng trong đó, gọi là mặt trời tâm luôn mọc.

Như thân ở đâu thì tâm ở ngay chỗ đó. Phải thực tập như vậy thì cơ thiền sẽ đến với mình và có thể khi nó đến ta không ngờ được. Nhưng đa số chúng ta đang sống ở nơi đất khách quê người, thân ở đây mà tâm ở đâu? Phân chia thân một nơi, tâm một nơi. Chính chỗ đó là mất mình, thiếu mình, là sống thiếu chủ.

Còn luôn tập sống xoay trở lại, thân ở chỗ nào thì tâm ở chỗ đó, hiện đang nghe pháp đây thì nó cũng đang nghe pháp đây. Cũng vậy, mình đang lái xe thì nó cũng phải lái xe, chứ còn đang lái xe mà nó về nhà là chết rồi, nhiều khi lái bậy nữa. Do đó phải tập thiền ngay trong cuộc sống chứ không thể thiếu. Được vậy thì lúc nào nó cũng sáng, mà khi sáng rồi thì nhìn gì cũng sáng hết.

Như câu chuyện bà già cùng ngài Bạch Ẩn. Một hôm, Ngài lên tòa khai thị đại chúng. Ngài giảng hễ tâm tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Đức Phật ở trong mọi chúng sanh chứ không đâu xa hết. Một khi Đức Phật xuất hiện thì mọi vật trong thế gian đều chiếu ánh quang minh. Đức Phật xuất hiện ở đâu thì thì sáng ngời tất cả, ai muốn nhận được điều này thì phải phản quan tự kỷ.

Bà già nghe xong thềm nói chuyện đó cũng không khó gì lắm và về thực hành. Bà quán chiếu luôn soi lại chính mình ngay trong cuộc sống hàng ngày. Một hôm, khi tâm đầu miên mật chuyên nhất, khi đang rửa nồi chọt bà ngộ. Bà dẹp cái nồi và đến trình ngài Bạch Ẩn liền. Bà nói: “*Con đã gặp Đức Phật ngay trong thân con rồi, mọi vật dụng nó đều sáng ngời hết thật là kỳ diệu vô cùng*”.

Ngài nghe như vậy mới gạn lại xem bà thực có thấy được vậy không, hay do học rồi nói lại, nên Ngài nói: “*Bà nói vậy, còn cái hầm phân thì sao? Nó có chiếu sáng hay không?*” Bà mới tiến lên đánh Ngài một cái và nói: “*Ông già này chưa ngộ*”.

Hàng ngày cũng là cái biết này nhưng nó không sáng ngời, vì bị những tư tưởng lăng xăng phủ che, do nó luôn thường xuyên quán chiếu để nó luôn hiện hữu. Khi nó sáng lên mới thấy rõ là cũng từ cái biết hàng ngày đây nhưng giờ nó lại sáng ngời nên nhìn cái gì cũng sáng hết. Nếu có nhìn hầm phân thì cũng sáng, vì nó không mê. Còn khi nghe nói hầm phân liền cho là thôi vậy là mê.

Như vậy, lúc nào nó cũng sáng ngời hết. Nghĩa là tâm sáng tỏ thực sự rồi thì nhìn ra cái gì cũng sáng, mọi hành động cũng sáng, tức là luôn sống trong cái ánh sáng thật, nên Phật luôn ra đời với chính mình chứ gì nữa? Nghĩa là Phật đâu có nhập Niết-bàn, phải không? Chúng ta thấy Phật nhập Niết-bàn là vì tâm mình mê nên thấy Phật nhập Niết-bàn, còn tâm sáng ngời thì Phật ra đời với mình. Vậy khi nhìn đâu cũng sáng ngời sẽ thấy Phật ra đời, sung sướng không? Rõ ràng thiên là ngay trong cuộc sống, lẽ thật luôn hiện hữu không ở đâu xa.

Lại có câu chuyện cũng gần gũi luôn được nhắc nhở là thiền sư Đạo Ngộ chỉ tâm yếu cho ngài Sùng Tín. Ngài Sùng Tín theo hầu Thiền sư Đạo Ngộ lâu mà không nghe thầy chỉ dạy thiền gì hết. Một hôm, quá khao khát mới đến bạch với thầy: “*Thưa Thầy, từ ngày con vào đây đến nay, con chưa được Thầy dạy tâm yếu thiền.*” Thiền sư Đạo Ngộ mới nói: “*Từ ngày ngươi vào đây, ta chưa từng không lúc nào mà không chỉ dạy tâm yếu cho ngươi*”. Ngài Sùng Tín ngạc nhiên nói: “*Bạch Thầy, vậy Thầy chỉ dạy cho con lúc nào?*” Thiền sư Đạo Ngộ trả lời: “*Mỗi ngày ngươi dâng trà lên ta vì ngươi mà tiếp, ngươi bung com lên ta vì ngươi mà nhận, ngươi xá lui thì ta vì ngươi mà gạt đầu, vậy thì có chỗ nào mà không chỉ dạy tâm yếu cho ngươi đâu!*” Ngài Sùng Tín nghe vậy cũng chưa hiểu mới cúi đầu trầm ngâm suy nghĩ. Ngài nói: “*Thấy thì thẳng đó thấy liền còn suy nghĩ là sai rồi*”. Ngay đó Ngài tỉnh ngộ.

Thiền sư Đạo Ngộ khéo léo, vì nếu lúc bình thường nghe nói như vậy chưa chắc là ngài Sùng Tín đã ngộ vì xem thường. Khi tâm thật thiết tha, khao khát, cõi lòng luôn mở sẵn sàng để đón nhận, chỉ cần khơi nhẹ nó là nhận liền.

Đây cũng vậy, đang khi khao khát nghe Thiền sư nói một cách bất ngờ là ta không có lúc nào mà không chỉ dạy tâm yếu cho ngươi. Ngài Sùng Tín mới

ngạc nhiên, rõ ràng mình có được chỉ dạy lúc nào đâu. Nhưng không ngờ là Thầy chỉ hàng ngày khi dâng trà, bưng cơm, thưa, xá chào, ngay đó là tâm yếu rồi, là lẽ thật nó đang hiện hữu, nhưng đặc biệt nhận thì ngay đó nhận liền, mà suy nghĩ là sai.

Bởi vì suy nghĩ là gián tiếp rồi, suy nghĩ là suy nghĩ về nó tức là biến nó thành đối tượng để suy nghĩ, thành ra mình tách rời mình với nó, nên hễ suy nghĩ là sai, nhận thì ngay đó nhận liền. Vậy, cho thấy rằng cái lẽ thật đó nó luôn hiện hữu sáng ngời trong chính mình, trong mọi cử chỉ hành động đó chứ không đâu xa hết.

Song, cũng do tâm mình phải thật sự sáng thì mới nhận rõ như vậy, chứ còn đem cái tâm lanh lợi, cái tâm sanh diệt suy nghĩ vào trong đây thì nó cũng thành sanh diệt theo. Có người nói nếu cái biết luôn hiện hữu sáng ngời như vậy thì khi biết đau, biết khóc, biết buồn, biết vui thì nó cũng là cái biết sáng ngời đâu cần tu chi nữa? Mà nếu cái biết đó là cái biết sanh diệt thì sao?

Nên chúng ta phải nhớ các Ngài ở trong cái biết chân thật, cái biết của chân tâm nên lúc nào nó cũng sáng. Vì vậy, chúng ta cũng phải đem cái biết chân tâm để nhận, còn nếu đem cái biết suy nghĩ mà suy nghĩ về nó thì cũng theo chiều sanh diệt.

Cho nên đối với các thiền sư khi được hỏi đến chỗ này thì các Ngài nói không biết. Vì sao? Là để cắt đứt tâm nghĩ theo duyên của chúng ta đó, tức là tâm lưu lạc nơi xứ người, cắt đứt để nó trở về ngay hiện thực. Nên nói không biết không có nghĩa là không biết, phải không?

Ngày xưa, ngài Khuê Phong có nói là “*Tri chi nhất tự chúng diêu vi môn*” tức là “*Một chữ biết là cửa các thứ nhiệm màu*”. Nhưng sau các thiền sư cũng nói lại “*Tri tri nhất tự chúng họa chi môn*” tức là “*Một chữ biết là cửa các thứ họa*”. Cùng một chữ biết các vị cho đó là cửa các thứ nhiệm màu mà cũng là cửa các thứ họa. Cũng từ nó mà có sân si, rồi cũng từ nó mà giác ngộ nên chúng ta phải khéo soi trở lại thì nó là cửa các thứ diêu, nếu không khéo theo nó mà vươn ra là cửa các thứ họa.

Tóm lại, mỗi người sống ở đây ai có tâm thì cũng có biết, mà có biết tức là có dấu vết để cho chúng ta trở về, chứ đâu có mất. Đó là một niềm an ủi cho tất cả. Cái biết xưa nay vốn là nguồn tâm sáng ngời muôn thuở cho chúng ta, mỗi người phải soi trở lại chớ theo cái biết sanh diệt rồi nhiều khi lại chê bai lẽ thật xưa nay. Lẽ thật này là lẽ thật muôn thuở, xưa nay không có gì phá hoại được.

Trong Kinh Pháp Hoa, Phật nói: “*Dù cho đến thời kiếp hỏa cháy tận hết mà cõi của Ta thì vẫn còn an ổn*”. Nghĩa là “*Dù cho thế giới này đến thời kiếp hỏa lửa bốc cháy, cháy hết cả thế giới nhưng cũng không đốt cháy cái thể biết*”

này”. Nó đốt cháy tất cả nhưng làm sao nó cháy tới chỗ này. Tức là các thứ có thể hoại còn cái thể biết này làm sao hoại được, lấy cái gì mà làm nó hoại đây? Dù cho ngoại đạo nhập định vô tướng đến hàng triệu năm nhưng có làm hoại nó được không? Cũng không làm hoại được nó. Khi xuất định rồi thì cũng rơi trở lại tức là cũng biết nữa.

Cho đến người bị tội vào trong địa ngục, lửa đốt cháy xương thịt tan hết thành tro hàng trăm lần mà có tiêu được không? Trong kinh kể rằng bị đốt cháy chết rồi thì có làn gió thổi qua liền sống lại, chịu tội tiếp tục vậy mà cũng không đốt tiêu được. Cái gốc chân thật này không có thể làm gì tiêu được, vậy mà chúng ta không nhớ trở lại để sống mà lại sống với cái hư dối, cái tạm thời này để rồi phải lo, phải sợ? Ngay đây cần phải phát minh ra lẽ thật này để sống trở về nguồn, tức là trở về sống ngay với quê nhà của mình chứ đừng sống lưu lạc nơi quê người. Chúng ta mừng là còn dấu vết để trở về, cũng như còn nghe được lẽ thật này nên đây cũng là một nhân duyên hy hữu cho chúng ta. Nếu không thì cũng mờ mờ rồi không biết sẽ lưu lạc ở đâu? Chỉ một chút đó khéo nhớ trở lại thì nó chuyển hóa cả cuộc đời lớn lao của chúng ta, đúng là quý vị cũng có gieo trồng duyên lành lớn, nên rồi cũng được nghe nhắc lại những lẽ thật này để rồi cùng nhớ trở về. Trước kia, chúng tôi có làm một bài kệ nhằm làm sáng tỏ lẽ thật này, tựa là: **“Đẹp Lắm Ai Ôi!”**:

Ôi! đẹp lắm kia nắng mai đang rải khắp

Đem lại cho sức sống với muôn loài

Sau một đêm dài tối tăm chìm lặng

Và giờ đây bừng dậy ánh nắng ban mai.

Này đẹp lắm với cỏ cây hoa lá

Đang rung rung rung theo gió nhẹ đong đưa

Trong mắt người như gọi gọi cái gì kia đây

Hỡi ai đó đã nhìn rõ hay chưa?

Và còn nữa muôn vàn cảnh vật

Đang hiện tiền chói sáng trước ai kia

Như nhắc rõ đây quê nhà muôn thưở

Thôi chạy tìm hãy mở mắt nhìn ra.

Có đúng không còn gì đẹp hơn nữa?

Chỉ một phen nhắm mở nhọc chi đâu

Vậy nhắm bảo ai kia mau mở mắt

Này đẹp lắm, ôi đẹp đẹp làm sao!

Ánh nắng rải khắp muôn loài đều đủ hết sau một đêm dài tối tăm chìm lặng, đêm dài giờ đây đều bừng dậy dưới ánh nắng ban mai. Gió thổi nhẹ rung rung, trong ánh mắt con người nó gọi cái gì? Ai thấy rõ được lẽ thật, đó là tỉnh dậy sau đêm dài tối tăm. Quê nhà ngay đây chứ không đâu khác, đang hiện hữu chỉ cần mở mắt nhìn ra thôi. Quý vị đang ngồi ở đây là mở mắt hay nhắm mắt? Chỉ chút xíu đó thôi! Chỉ cần một phen nhắm mắt mở mắt không phải nhọc nhằn chi nhiều. Ngay đây mình nhắm mắt rồi mở mắt, đơn giản vậy thôi.

Vậy hỏi kỹ lại tất cả quý vị chịu nhắm mắt hay chịu mở mắt? Sống nhắm mắt là tối tăm, mở mắt là sáng tỏ. Trong đạo nhiều khi mở mắt trao tráo lại là ngủ. Cho nên cần thật sự là mở mắt, chỉ nhiều đó thôi, lẽ thật nó là như vậy.

Đây là một cái lẽ thật muôn đời nay đã phơi bày trước tất cả, không còn dấu diếm gì nữa hết, phần còn lại thì sao? Phần của Thầy xong rồi phần còn lại của mỗi người, phải không?

Đề kết thúc xin chúc mọi người sớm nhận ra lẽ thật này. Đây là chân lý muôn thưở, vượt cả thời gian và không gian, dù người có chấp nhận hay không chấp nhận, hoặc là cố tình phủ nhận nó nhưng ờ nó vẫn luôn hiện hữu, chứ không phải vì phủ nhận nó mà nó không có. Lại cũng không phải vì chấp nhận nó mà nó thành có, nó vẫn luôn hiện hữu như vậy, vẫn luôn sáng ngời như vậy, vẫn luôn là như vậy. Danh từ nhà Phật gọi là “*Vẫn là như thị*”, vẫn sẵn sàng đợi người đó, nhiều đó là đủ rồi.

---o0o---

11. GIẢI THOÁT TRI KIẾN

I. TRI KIẾN MÊ LÂM

Đề tài nói chuyện là “Giải Thoát Tri Kiến”, tức giải thoát những cái thấy, cái biết theo sự mê mờ trói buộc, trả về cho cái thấy biết tự tại đúng như thật.

Trước tiên, nói về tri kiến mê lâm, tri kiến bị trói buộc hay còn gọi là ngã kiến.

Tri kiến của con người lâu nay luôn mang theo cái tôi, lồng cái tôi vào trong đó. Cho nên thấy biết luôn bóp méo sự thật theo cái tôi, nhìn sự vật không đúng như thật. Thí dụ như khi nhìn một bình hoa.

Người thích thì nói bình hoa này đẹp, người không thích thì nói xấu. Cũng là một bình hoa nhưng hai người nhìn thì thấy khác nhau, đó là nhìn theo cái tôi. Vậy là cái bình hoa không còn đúng như thật của nó mà đã thành cái bình hoa của tôi, của anh hoặc của chị, là bóp méo nó theo cái ngã kiến riêng, trái với tính như thật của nó.

Cũng vậy, cùng là chiếc xe hay cùng là cô gái nhưng mỗi người nhìn thấy đẹp xấu khác nhau. Rõ ràng, cứ nhìn theo cái tôi thành ra sai biệt.

Hay núi, sông thì chúng ta cũng nhìn thấy cao-thấp; sâu-cạn nhưng sự thật núi có cao-thấp, sông có sâu-cạn hay không? Sở dĩ chúng ta thấy nó cao là bởi trước kia đã thấy những ngọn núi thấp hơn ngọn núi này. Còn những người khác thì thấy núi này thấp vì trước đó họ đã thấy những ngọn núi cao hơn. Như vậy, cao thấp là do tùy người nhìn, đặt ra chứ ngọn núi đâu có nói nó cao hay thấp; có khi người thấy cao, người thấy thấp, thành ra cãi nhau. Nhưng sự thật thì núi không cố định cao-thấp, mà tùy theo cái nhìn. Sông có cạn-sâu cũng theo cái nhìn. Theo từng cái nhìn mà mỗi cái có khác nhau. Thành ra cãi nhau. Cãi nhau là do ngã kiến mang cái “tôi” trong đó, là bóp méo sự thật của ngọn núi, con sông v.v... chứ sự thật núi vẫn là núi, sông vẫn là sông, không có cao-thấp, cạn-sâu.

Từ đó suy ra, có ra chân lý của tôi, của anh, của chị v.v... nhiều thứ chân lý sai biệt khác nhau. Ai cũng nghĩ cái thấy của mình là chân lý rồi cãi nhau, vậy đâu còn là chân lý nữa. Cái đó là theo ngã kiến riêng, nếu thật là chân lý thì ai cũng có thể thấy, còn chúng ta thấy chân lý ở nơi mình mà không có ở nơi người thì đó chưa phải thật là chân lý. Đó là cái làm theo ngã kiến.

Ông Tô Đông Pha khi hiểu đạo, được một chút vị thiên thì có làm bài kệ nói về đạo lý thiên đó. Bài kệ tên “Lô sơn chân diện mục” tức là “Bộ mặt thật của núi Lô”:

Hoành khán thành lãnh, trắc thành phong

Viễn cận cao đê giai bất đồng

Bất thức Lô sơn chân diện mục

Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.

Dịch:

Nhìn ngang thành dãy, xéo thành non

Cao, thấp, xa, gần thấy chẳng đồng

Chẳng biết Lô sơn mà mặt thật

Bởi tại núi này thân ở trong.

Tức là ngọn núi Lô sơn nhìn ngang sẽ thấy thành một dãy dài, đứng xéo nhìn lại thì sẽ thấy thành một ngọn núi cao, đứng xa thì thấy thấp, đứng gần thì thấy cao. Tùy theo chỗ đứng mà thấy núi sai biệt theo nên không thể biết được bộ mặt của Lô sơn. Vì sao? Là bởi thân đang ở trong núi, còn tìm biết làm sao được.

Qua đó thấy rằng cùng một ngọn núi Lô nhưng do chỗ đứng của mỗi người, mà thấy có mỗi ngọn núi theo ngã kiến của mỗi người, bóp méo sự thật của ngọn núi Lô.

Nhà thiền có câu chuyện: ngài Quế Sâm, ngài Trường Khánh, ngài Bảo Phước là ba vị Thiền sư ngộ đạo. Một hôm, ba vị cùng đi vào Châu Thành thấy một đóa hoa mẫu đơn. Ngài Bảo Phước nói: “*Một đóa hoa mẫu đơn đẹp*”. Ngài Trường Khánh bảo: “*Chớ để con mắt sanh hoa*”. Tức là đã thấy đẹp, thấy xấu. Ngài Quế Sâm liền bảo: “*Đáng tiếc một đóa hoa*”. Như vậy một đóa hoa, chỉ là một đóa hoa, không nói năng gì nhưng chỉ do người gán cho nó thế nào thì nó thế đó. Nó không còn đúng như thật là nó nữa mà nó đã theo mỗi cái thấy của từng người.

Nhà thiền có câu “*Đất bằng dậy sóng*” là vậy. Đóa hoa thì không có việc gì, nhưng ba vị đã làm dậy sóng khiến những người ngoài nghe vậy cũng dễ bị gạt. Bàn rằng Ngài Bảo Phước nói đóa hoa đẹp là không được; Ngài Trường Khánh nói chớ để con mắt sanh hoa thì cũng chưa hay, còn phân biệt; Ngài Quế Sâm nói đáng tiếc cho đóa hoa thì có vẻ hay hơn. Đó là theo cái nhìn của chúng ta. Nhưng đúng theo cái nhìn của nhà thiền thì ba vị đều có chỗ thấy đạo, sự biểu lộ trình bày là cách của mỗi người. Ba vị đều thấy đóa hoa nhưng đều không bị đóa hoa làm mê mờ như người thế gian, nhưng qua cách trình bày trên ngôn ngữ thì thấy như ba vị đó tương đối chưa được rốt ráo.

Cho nên, nếu phân biệt thì thấy vị này hay, vị kia dở, là chúng ta cũng không thấy được ba vị đó mà phải thấy đến chỗ ba vị kia thấy như nhau. Đó mới là cái thấy của nhà Thiền, nếu còn thấy vị này hay, vị kia dở là thấy theo cái thấy của mình. Học thiền là phải khéo như vậy!

II. TRI KIẾN NHƯ THẬT

Lâu nay khi nhìn sự vật, chúng ta thấy sự vật là thấy theo cái tôi. Đó là tri kiến mê lầm, trôi buộc, không thấy đúng như thật của các pháp. Những hiểu biết lâu nay ta thấy là những hiểu biết vay mượn, thấy theo sự huân tập của cái tôi sai biệt nên không đúng như thật.

Lúc mới sinh ra ta không có tri kiến gì; lớn lên cha mẹ dạy những kiến thức về đạo đức gia đình hiếu thảo v.v... Đi học ở trường thì cô giáo, thầy giáo huân tập thêm một số kiến thức về học đường. Lớn nữa ra sống ở xã hội thì học thêm những kiến thức ngoài xã hội. Những cái đó là những cái ta học được sau này, vay mượn của gia đình, trường học v.v... Chứ ngay lúc sinh ra ta không biết. Ngay cả kiến thức về tôn giáo cũng vậy, mới huân tập sau này. Khi ta huân tập thì liền chấp cái đó là của mình. Mà đã là của mình thì cái thấy của mình là trên hết, nên khi có những tri kiến khác đối lại thì cãi. Hiểu như vậy thì bớt chấp vào những kiến thức, tri kiến huân tập sau này.

Cũng vậy, trước khi chúng ta khởi tâm động niệm thì không có tri kiến gì, khi mình khởi thì mới có. Cho nên, nếu khéo quán để trả về tri kiến nguyên thủy ban đầu, chưa có mang cái tôi. Đó là trả về tri kiến như thật.

Giống như khi ta mang kiếng màu, mang màu hồng thì thấy cảnh vật màu hồng, mang màu xanh thì thấy cảnh xanh theo, mang màu xám thì thấy nó xám. Khi gỡ kiếng, nhìn bằng mắt chân thật thì thấy đúng sự vật như nó là nó. Cái nhìn đó mới thật sự là trong sáng, không có màu. Nếu nó có màu thì nhìn đúng như màu của nó.

Thiền sư Duy Tín có nói: “*Trước ba mươi năm khi chưa học đạo thì thấy núi sông là núi sông. Sau khi học đạo, hiểu đạo lý thì thấy núi sông chẳng phải là núi sông. Sau ba mươi năm thấy núi sông trở lại là núi sông*”. Nghĩa là trước khi học đạo, chưa hiểu đạo lý thì thấy cái gì cũng thật, cảnh thật, người thật, cho nên thấy núi sông thật là núi sông. Khi học đạo, hiểu rõ thì thấy tất cả đều giả, là không thật, thấy núi sông không phải là núi sông vì không thật nữa. Khi học đạo, tu hành, sáng tỏ, mở được mắt trí tuệ thì tâm mình hết lầm chấp. Lúc đó nhìn trở lại cảnh vật, núi sông, thấy rõ đúng như thật của nó, núi sông là núi sông. Không còn nói có nói không. Nếu còn nói có, nói không thì cũng còn theo phương tiện. Nói không để phá cái lầm chấp có, để chỉ cái lý, cái tự tánh của nó. Ngược lại, nói có để dừng chấp không. Khi chúng ta không còn chấp, trí tuệ sáng thì thấy rõ bình hoa là bình hoa. Nhưng cái nhìn sáng suốt khác hơn lúc chưa học đạo. Lúc trước ta cho nó là thật, phân biệt đẹp xấu, giờ thấy đúng như nó là nó, bình hoa là bình hoa, núi sông là núi sông, không thêm gì!

Thiền Sư Đức Sơn dạy chúng nói: “*Này các ông, khoảng này không có một pháp cho các ông giải hội, tự mình cũng chẳng hội Thiền. Ta cũng chẳng*

phải là thiện tri thức, mọi việc đều không hiểu, chỉ biết đi ỉa, đi đái, ăn cơm, mặc áo thôi còn có việc gì nữa". Tức là Ngài muốn nhắc người, học Thiền cuối cùng là trả về tri kiến như thật, không thêm vào những thứ hiểu biết vay mượn, trả về bình thường như ăn cơm, mặc áo không thêm những hiểu biết tri kiến khác.

Khi học, hiểu Phật Pháp, nếu biết ứng dụng thì tốt, nếu không thì có khi hiểu Phật Pháp quá thành bệnh. Mới học đạo do chưa biết nên còn khiêm tốn, học nhiều quá thấy mình hiểu nhiều thì thành bệnh. Chẳng hạn chúng ta đi chùa học đạo rất lâu, hôm nay vào chùa vị Trụ trì lỡ sắp chúng ta đứng tuốt phía sau thì buồn liền. Vậy là nhiều tri kiến, nhiều cái tôi quá! Phải biết đó chỉ là phương tiện học đạo để gạn lọc nội tâm chính mình, không phải học đạo để thêm bệnh. Nên Ngài nhắc phải thấy rõ đó là những thứ vay mượn, không phải của chính mình, hãy trả về cho nó để nhận trí tuệ nguyên sơ của chính mình.

Nhà thiền có cư sĩ Bàng Uẩn, dù còn sống ở ngoài đời nhưng ông ngộ đạo và có đời sống rất tự tại. Khi chết, ông rất tự tại, làm chủ được sanh tử. Ông có câu nói: "Chỉ cần bỏ hết các thứ hiện có, đừng đem vào những cái mình không có". Mỗi người thực hành được hai câu này một cách đầy đủ thì đời tu học coi như đã xong.

Nếu không khéo thì những cái trước khi đem vào nó không phải là của mình, nhưng đem vào rồi thì chấp là của mình. Ví dụ Phật Pháp trước khi học là của ông thầy, sau khi học là của mình. Chớ nên lầm như vậy.

Thiền sư Vân Môn thượng đường đưa cây gậy lên bảo chúng "*Cây gậy này phàm phu gọi nó là thật, Nhị thừa phân tích nói nó là không, Duyên giác thì gọi nó là huyền có, Bồ-tát thì thấy đương thể tức không, Thiền gia thì thấy cây gậy là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi không được đưng đến*". Tức là phàm phu chưa học gì thì thấy cây gậy là thật. Nhị thừa thì phân tích cây gậy là vô thường, tuy có nhưng một lúc thì hư, hoại thành không. Duyên giác thấy nó là do duyên hợp, tạm có. Bồ-tát thì ngay đó thấy nó là tánh không, không phân tích. Nhưng nói vậy vẫn còn trên lý thuyết, nhà Thiền thấy cây gậy chỉ là cây gậy, không thêm một niệm gì nữa, không tri kiến gì, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi không được đưng đến. Đưng đến là có động niệm mà có động niệm thì sẽ bị ăn gậy. Nhà Thiền vượt qua hết tất cả những tri kiến sai biệt, thấy đúng như thật, nó thế nào thì thấy nó như vậy.

Có vị tăng hỏi Thiền sư Pháp Nhãn: "*Thế nào là giọt nước ở nguồn Tào?*". Ngài Pháp Nhãn đáp: "*Là giọt nước ở nguồn Tào*". Như vậy, giọt nước nguồn Tào chỉ là giọt nước nguồn Tào, rất đơn giản. Nếu là chúng ta thì giải thích thế này thế kia thành ra nó là văn tự, chữ nghĩa. Cuối cùng không thấy được đâu là giọt nước nguồn Tào. Cũng như hỏi: "*Thế nào là Phật?*". Đúng nhà Thiền thì Phật là Phật, còn giải thích Phật thế này, thế kia thì cuối cùng không có thấy

Phật ở đâu. Hoặc người giải thích thế này, giải thích thế kia v.v... rồi cãi nhau. Lúc đó, không thấy Phật mà chỉ thấy chúng sanh. Đó là Phật chữ nghĩa, Phật văn tự. Đứng ra Phật là Phật thôi!

Tinh thần này đưa chúng ta trực tiếp giáp mặt với sự thật, không thêm những tri kiến khác. Đó là trả về cái thấy như thật.

---o0o---

III. PHƯƠNG TIỆN TRỞ VỀ

Tất cả hiểu rồi thì tu tập để trở về cái thấy như thật chứ không phải để nói lý. Phương tiện để trở về là sao? Từ lâu chúng ta lầm mê theo những tri kiến vay mượn, giờ được nghe được đánh thức thì phải buông những cái thấy phân biệt theo duyên bên ngoài để thấy đúng như thật. Thấy nghe thì vẫn thấy nghe nhưng thấy nghe phải trả về trọn vẹn là thấy nghe, không xen lẫn các trần vào đó. Để tâm vô trụ, thấy nghe nhưng không trụ vào cái trần nào. Lúc đó tâm sẽ trong sáng.

Trong kinh Kim Cang, Phật bảo ngài Tu-bồ-đề: “*Bồ-tát muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Bồ-tát nên liả tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Nên sanh tâm không có chỗ trụ*”. Tức là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không nên trụ chỗ nào, sanh tâm không có chỗ trụ. Chính đó là tâm Vô thượng Bồ-đề. Tâm không trụ vào trần nào thì nó luôn luôn sáng ngời. Nó thấy nhưng nó không trụ, nó vẫn là nó thì nó sáng ngời. Nếu nó trụ vào đâu thì bị cái đó che.

Ví dụ nó thấy bình hoa rồi trụ vào bình hoa thì bị bình hoa che, trộn lẫn với bình hoa, không còn là chính nó, mất sự trong sáng. Còn thấy tất cả mà không trụ thì vẫn còn nguyên vẹn là nó. Đó mới thật là trong sáng, trả về cái thấy nghe nguyên vẹn. Chính phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là tâm vô trụ. Còn chúng ta trụ cái nào thì bị cái đó che. Thí dụ, đi ra chợ nghe ai đó nói tới tên mình thì liền trụ ngay đó, hay nghe hát thì trụ ở đó. Mà trụ đó thì quên mất hiện tại. Cho nên tâm không trụ, không bị cái gì che hết thì luôn sáng ngời.

Chúng ta khéo thực tập tâm vô trụ thì sống trở về thực tại sáng ngời, còn tâm trụ thì liền quên mất thực tại, mất bản tâm của mình. Thiền sư Bá Trượng có bài kệ:

Linh quang riêng chiếu, vượt khỏi căn trần

Thế bày chân thường, chẳng kẹt văn tự

Tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành

Chỉ lìa vọng duyên, tức như như Phật.

“*Linh quang riêng chiếu, vượt khỏi căn trần*”: Linh quang tức là ánh sáng linh diệu nơi chính mình, nó “*riêng chiếu*” một mình, không trụ vào đâu hết nên nó “*vượt khỏi căn trần*”.

“*Thể bày chân thường, chẳng kẹt văn tự*”: Thể của nó luôn luôn bày cái chân thật hiện hữu, lúc nào cũng sáng ngời không mắc kẹt trong văn tự, không dính vào chữ nghĩa. Cái tâm chân thật, sáng suốt của chúng ta không thuộc vào bất kỳ chữ nghĩa, kinh sách nào mà ở ngay nơi chính mình. Cho nên:

“*Tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành*”: Tâm tánh nếu nó không nhiễm với trần bên ngoài thì tự nó tròn đủ, không thiếu.

“*Chỉ lìa vọng duyên, tức như như Phật*”: Khéo lìa vọng duyên bên ngoài thì ngay đó là Phật như như. Phật như như thì lúc nào cũng sáng suốt, không thêm bớt gì nữa. Là tri kiến giải thoát tự tại. Thấy đúng như thật các pháp, chính đó là tâm vô thượng Bồ-đề.

---o0o---

IV. TÓM KẾT

Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật dạy: “*Tánh giác tức minh vọng vi minh giác*”. Tức là cái giác ở trong tự tánh của mình tự nó vốn là sáng suốt nhưng người mê không rõ, lại vọng sanh ra một cái sáng khác để soi sáng trở lại cái giác đó, lập thêm một cái sáng ở trên cái giác, biến cái giác sẵn có đó thành cái giác thứ hai để mình soi sáng. Thí dụ khi nghe nói mỗi người đều có Phật tánh, Phật tánh vốn sáng suốt không có mê, liền cố suy tìm, quán sát để soi sáng trở lại nó. Chúng ta nghĩ hiện giờ Phật tánh còn mê, nên phải soi cho nó sáng lên. Mà soi sáng để cho nó sáng lên tức là hiện nó còn đang tối, mà nếu nó tối thì đâu phải Phật tánh. Như vậy là biến Phật tánh thành đối tượng thứ hai để soi sáng, tức là nó thành cái bóng rồi. Chúng ta soi nó để cho nó sáng lên, gọi là thêm một cái sáng để mà soi sáng lại cái Phật tánh. Như vậy thành ra Phật tánh lu mờ, chứ đúng là Phật tánh vốn tự sáng suốt, nhưng do chúng ta mê nên không nhận ra.

Tu là bỏ bớt những cái mê, những cái thêm vào đó. Thí dụ, như cái gương, thường cái gương bị bụi đóng thì chúng ta phải chùi, mà chùi cái đó là chùi cái gì? Người ta hay nói là chùi gương, lau gương. Là do lâu ngày dùng danh từ như vậy thành ra quen, nói đúng là lau bụi chứ đâu phải lau gương. Nếu cái gương lau được thì bị tối trở lại. Cho nên bản chất của cái gương là sáng, bụi chỉ

đóng ở lớp bên ngoài. Chúng ta lau đó là lau bụi, hết lớp bụi này thì gương nó tự sáng, chứ không phải do lau mà nó thành sáng.

Nhận định cho kỹ lại thì thấy rõ chúng ta dùng danh từ chưa chính xác. Thì đây cũng vậy, Phật tánh là tánh giác, tánh giác là tự nó sáng rồi. Nhưng do chúng ta mê, mê tức là những thứ vọng tưởng phiền não nhiều nên che. Nó che cho nên không nhận ra được Phật tánh, giờ tu để bỏ bớt những cái này chỉ còn lại Phật tánh sáng suốt. Đừng hiểu lầm, tưởng đâu là nó không sáng rồi cố soi sáng thì đã biến nó thành đối tượng thứ hai cho chúng ta soi nó, vậy thì thêm cái gì để soi lại nó nữa, thành ra có hai cái Phật tánh, một cái Phật tánh thì bị soi sáng, một cái Phật tánh thì hay soi sáng lại nó, vậy thì cái nào là thật? Ở đây, khi hiểu rồi thì biết tu là loại ra những cái không phải nó, những cái thêm vào nó, thì tự nó sáng mà không lầm lẫn.

Có một câu chuyện của Phật giáo Tây Tạng: Một vị tu sĩ tu bằng cách là thường đi nhiều vòng quanh tu viện Linh Thiêng. Tu viện này được truyền rất là linh thiêng, nếu ai đi vòng quanh tu viện được bao nhiêu số vòng thì sẽ phát triển được tri kiến của bậc Thánh. Vị tu sĩ này tu tập như vậy.

Một hôm, đang đi quanh thì vị tăng bỗng gặp Thầy Viện chủ tu viện. Thấy vậy, Ngài mới vỗ lưng tu sĩ này bảo: *“Thật ra, đi vòng quanh một thánh địa như vậy thì cũng tốt đó! Nhưng nếu muốn tốt hơn nữa thì thầy nên tu học về yếu tính của Phật pháp (những điều trọng yếu trong Phật pháp)”*. Vị tăng nghe xong liền chuyển qua đọc, tụng thuộc lòng kinh điển. Không lâu lại gặp Thầy Viện chủ nữa, Ngài lại vỗ lưng vị tu sĩ nói: *“Đọc tụng kinh điển như vậy cũng hay quá đó nhưng nếu hay hơn nữa thì nên tu học Phật pháp bao trùm rộng khắp”*. Vị tăng nghe vậy mới suy nghĩ, tu học Phật pháp mà bao trùm rộng khắp thì tu sao đây? Thầy chuyển qua tu thiền định, luôn chuyên tâm thiền định ngồi không nhúc nhích.

Một hôm, đang ngồi thiền định trong một góc của tu viện, im lìm cố giữ tâm không sanh nghĩ ngợi, thì Thầy Viện chủ này bỗng đến, bảo: *“Con đang thiền định đấy ư! Cũng rất hay đó! Nhưng tu tập cho đúng Phật pháp đích thực thì tốt hơn”*. Vị tăng không hiểu tu làm sao mà gọi là Phật pháp đích thực. Thiền định như vậy mà Ngài còn bảo là phải tu Phật pháp đúng đích thực, thầy không biết làm sao nữa, mà tâm cũng không còn chỗ nào để suy nghĩ bám lấy, nên mới thưa: *“Dạ, bạch thầy, con phải làm gì đây?”*. Thầy Viện chủ bảo: *“À! Thì con hãy buông bỏ hết những gì mà con đang bám giữ, lúc đó con chính là con và cái đơn giản này là bước khởi đầu mà cũng là mục đích cuối cùng”*.

Nghĩa là con hãy buông bỏ hết những gì con đang bám giữ, tức buông hết những cái vay mượn. Khi những cái vay mượn đã buông ra hết, còn lại cái không thể buông ra nữa, đó mới chính là con. Vì có đem vào cho nên buông ra được, còn đến lúc không còn gì để buông nữa thì còn lại cái đó mới là chân thật

chính mình. Và cái đơn giản này là bước khởi đầu cũng là mục đích cuối cùng chứ không gì khác.

Vậy là yếu chỉ để trở về nguồn chân hay là trở về tri kiến chân thật rất là đơn giản, không thêm vào nhiều tri kiến, hay cái hiểu biết cao siêu gì khác mà chỉ là bớt ra để không nhận những thứ đem vào đó là ta, không làm những cái đó, còn lại cái gì đó thì mới gọi là tri kiến chân thật của chính mình. Chỉ cần một điểm này thôi, thì đủ cho tất cả mọi người thành tựu được tri kiến giải thoát, không có vướng mắc, không kẹt vào những tri kiến vay mượn. Nó không có vướng mắc cái gì thì đó gọi là tri kiến giải thoát.

Vậy, vẫn thấy nghe biết hiểu nhưng đừng có dán nhãn hiệu cái “tôi” vào thì nó sáng suốt không bóp méo sự thật. Mong tất cả luôn có tri kiến giải thoát để có cái nhìn các pháp tự tại sáng suốt, gỡ hết những cặp kiếng màu đi để nhìn đúng sự thật. Tức là hãy buông bỏ những gì đang bám giữ, ngay cả những lời đang nói đây cũng buông, còn lại chính mình mới chân thật.

---o0o---

Hết